

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN DSC
*DSC SECURITIES
CORPORATION*

-----***-----

Số: 1803/2026/CBTT-DSC
No. 1803/2026/CBTT-DSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

-----***-----

Hà Nội, Ngày 18 tháng 3 năm 2026
Hanoi, March 18, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ *PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE*

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

To: - *State Securities Commission of Vietnam*
- *Vietnam Stock Exchange*
- *Ho Chi Minh City Stock Exchange*
- *Hanoi Stock Exchange*



1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC

Organization name: *DSC SECURITIES CORPORATION*

Mã Chứng khoán: DSC

Mã Thành viên: 024

Stock code: DSC

Member code: 024

Địa chỉ: Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Address: 2nd Floor, Thanh Cong Building, 80 Dich Vong Hau street, Cau Giay Ward, Hanoi

Điện thoại liên hệ: +84 243 880 3456

Fax: +84 243 783 2189

Tel: +84 243 880 3456

Fax: +84 243 783 2189

Email: info@dsc.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố (*):

Disclosed information (*):

Công ty Cổ phần Chứng Khoán DSC (“DSC”) công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2025 của Công ty.

DSC Securities Corporation (“DSC”) hereby discloses the 2025 Annual Report of the Company.

Toàn văn Báo cáo thường niên năm 2025 của Công ty đã được đăng tải tại Mục “Quan hệ Cổ đông” trên website của Công ty tại đường dẫn: <https://dsc.com.vn/>.

The full text of the 2025 Annual Report has been published in the “Investor Relations” section on the Company’s website at the following link: <https://dsc.com.vn/>.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 18/3/2026 tại đường dẫn: <https://dsc.com.vn/> của Công ty.

This information has been disclosed on the Company's website on March 18, 2026, at the link: <https://dsc.com.vn/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the disclosed information is true and take full responsibility before the law for the accuracy and content of the disclosed information.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2025

Attached documents:

- 2025 Annual Report

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

DSC SECURITIES CORPORATION

THE AUTHORIZED PERSON

FOR INFORMATION DISCLOSURE



BẠCH QUỐC VINH

MỞ RỘNG HỢP TÁC



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN - 2025

BẢNG KÝ TỰ VIẾT TẮT

BCTC	Báo cáo tài chính
BKS	Ban kiểm soát
BTGD	Ban Tổng Giám đốc
Công ty	Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC
CP	Cổ phiếu/ Cổ phần
CTCP	Công ty cổ phần
ĐHĐCĐ	Đại hội Đồng cổ đông
Điều lệ Công ty	Điều lệ của CTCP Chứng khoán DSC
ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
DNSC	Công ty Cổ phần Chứng khoán Đà Nẵng (nay là Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC)
DSC	Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC
DTT	Doanh thu thuần
GVBH	Giá vốn hàng bán

HĐQT	Hội đồng Quản trị
HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
HSX	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
LNG	Lợi nhuận gộp
LNST	Lợi nhuận sau thuế
NĐT	Nhà đầu tư
QTRR	Quản trị rủi ro
SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán
TCTD	Tổ chức tín dụng
Thuế GTGT	Thuế giá trị gia tăng
Thuế TNDN	Thuế thu nhập doanh nghiệp
TSLĐ	Tài sản lưu động
UBCK/UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước



MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	05	4. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP	81
DẤU ẤN HOẠT ĐỘNG 2025	07	Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị	83
1. TỔNG QUAN	09	Quản trị rủi ro	92
Lịch sử hình thành và phát triển	11	5. HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	99
Ngành nghề kinh doanh	13	Tác động đối với nền kinh tế	101
Mạng lưới hoạt động	15	6. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	105
Sơ đồ tổ chức công ty	17		
Hội đồng quản trị	19		
Ban kiểm soát	21		
Ban điều hành	23		
2. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG 2025	27		
Tổng quan nền kinh tế và TTCK 2025	29		
Thị trường chứng khoán 2025	39		
Tình hình tài chính 2025 của DSC	45		
Kết quả kinh doanh 2025	49		
Báo cáo chi tiết hoạt động các khối 2025	53		
3. BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN	69		
Dự báo nền kinh tế và TTCK	71		
Triển vọng thị trường chứng khoán 2026	75		
Chiến lược phát triển trung -Dài hạn	78		

“

THÔNGIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính gửi Quý Cổ đông, Quý Khách hàng và Đối tác,

Năm 2025 là một năm bản lề, đánh dấu bước chuyển mình sâu sắc của nền kinh tế cũng như thị trường chứng khoán Việt Nam. Kỷ nguyên Đổi mới 2.0 đang đưa đất nước bước vào một chu kỳ tăng trưởng mới. Trong bối cảnh đó, tiến trình nâng hạng thị trường từ cận biên lên mới nổi vừa là vận hội lịch sử, vừa là phép thử khắc nghiệt đối với các Công ty Chứng khoán trong vai trò huyết mạch kết nối dòng vốn nội - ngoại.

Đứng trước sự dịch chuyển đó, thay vì lao vào “đại dương đỏ” – nơi các định chế tài chính đang cạnh tranh gay gắt bằng quy mô vốn và hạ giá phí, DSC kiên định mở ra một “đại dương xanh” cho riêng mình. Chúng tôi không chọn cách vắt kiệt nguồn lực để chạy đua tăng trưởng nóng. Tại DSC, triết lý của chúng tôi rất rõ ràng: Công ty không chỉ dừng lại ở việc kinh doanh vốn, mà là kinh doanh giá trị. Thứ chúng tôi khao khát nhận lại không chỉ là biên lợi nhuận trên từng đồng vốn giải ngân, mà cao hơn thế, là lợi nhuận từ chất xám, từ năng lực quản trị và tầm nhìn chiến lược.

Đó là lý do DSC chọn định vị mình là người đồng hành sâu sát cùng các đối tác và nhà đầu tư thông qua mạng Ngân hàng Đầu tư (IB) và Tự doanh/Ủy thác đầu tư. Giá trị chúng tôi mang lại không đơn thuần là cung cấp thanh khoản, mà là sự tham gia trực tiếp kiến tạo cấu trúc tài chính, đóng vai trò là một nhà cố vấn chiến lược và một đơn vị tổ chức vốn đáng tin cậy.

Bước sang năm 2026 với tâm thế cẩn trọng trước các biến số vĩ mô nhưng quyết liệt trong hành động, DSC sẽ tiếp tục củng cố vai trò “nhà kiến tạo” trên thị trường tài chính. Tôi luôn tâm niệm rằng, sự gắn kết chặt chẽ lợi ích giữa Công ty, Cổ đông và Khách hàng chính là nền tảng bền vững nhất. Với định hướng **“Mở rộng hợp tác – Đồng hành cùng Thành Công”**, tập thể DSC đã sẵn sàng nguồn lực và trí tuệ để chinh phục những đỉnh cao mới.

Thay mặt Ban Điều hành, xin gửi lời tri ân sâu sắc đến Quý vị đã luôn tin tưởng và sát cánh cùng DSC.

TỔNG GIÁM ĐỐC



BẠCH QUỐC VINH

DẤU ẤN HOẠT ĐỘNG 2025

Năm 2025 chứng kiến nhiều biến chuyển mạnh mẽ của thị trường chứng khoán, đặt DSC trước không ít thử thách nhưng đồng thời cũng mở ra những dự địa tăng trưởng mới. Trong bối cảnh đó, Công ty chủ động thích ứng, liên tục cải tiến mô hình hoạt động nhằm vượt qua khó khăn và tận dụng hiệu quả các cơ hội đang hình thành. Trên hành trình này, DSC vẫn nhất quán với mục tiêu cốt lõi: bảo vệ và gia tăng giá trị tài sản cho khách hàng một cách bền vững

Tổng tài sản
7.021,02
Tỷ đồng

Tăng **22.97%** so với cùng kỳ

Vốn chủ sở hữu
3.026,86
Tỷ đồng

Tăng **26%** so với cùng kỳ

Tổng doanh thu
695,01
Tỷ đồng

Tăng **38%** so với cùng kỳ
Tăng **23%** so với kế hoạch

Tỷ suất sinh lời
trên vốn chủ sở
hữu - ROE
11.46%
Tỷ đồng

Cao hơn mức trung bình ngành (*)

(*)DSC điều chỉnh công thức tính ROE theo công thức LNST 2025 chia cho VCSH 2024 để phản ánh đúng thực tế.

Tỷ lệ chi phí
trên doanh thu
47%

Nhờ chiến lược đẩy mạnh chuyển đổi số và mô hình kinh doanh tinh gọn, hiệu quả cao

Lợi nhuận
trước thuế
344,03
Tỷ đồng

Tăng **56%** so với cùng kỳ
Tăng **32%** so với kế hoạch

Xếp hạng
tín nhiệm
BBB

FiinRatings đánh giá triển vọng xếp hạng "ổn định"

TỔNG QUAN

Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi

Tầm nhìn

Trở thành một thương hiệu mạnh, uy tín trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Thành công của DSC được tạo dựng từ niềm tin của khách hàng, cổ đông, đối tác và cộng đồng. DSC cam kết bằng trách nhiệm cao nhất của mình luôn đồng hành, hỗ trợ để cùng khách hàng hướng tới thành công.

Sứ mệnh

Mang lại sự thành công và thịnh vượng cho khách hàng. Với phương châm “Đồng hành cùng Thành Công”, DSC mong muốn mang đến những tư vấn chuyên sâu, các giải pháp tài chính hiệu quả, cơ hội đầu tư đa dạng nhằm tối đa hóa lợi ích của khách hàng

Giá trị cốt lõi

Luôn đặt lợi ích và những trải nghiệm của khách hàng là mục tiêu hàng đầu, chúng tôi tự tin trong việc thích ứng các xu hướng thị trường mới với nền tảng công nghệ hiện đại từng bước góp phần xây dựng thị trường vốn minh bạch để đồng hành cùng sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam.

Thông tin doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC (DSC - HOSE) là công ty chứng khoán đầu tiên tại Miền Trung được thành lập vào năm 2006 dưới cái tên CTCP Chứng khoán Đà Nẵng (viết tắt: DNSC). Công ty chính thức tái định vị thương hiệu và đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC vào năm 2021.

Mạng lưới văn phòng của DSC đặt tại 3 tỉnh thành là Hà Nội, TP.HCM và Đà Nẵng. DSC có tiềm lực tài chính vững mạnh, quản trị doanh nghiệp tốt, đội ngũ nhân viên dày dặn kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán và cung cấp nền tảng giao dịch trực tuyến hiện đại, dễ sử dụng.

Tên giao dịch **Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC**
Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 29/UBCK/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 18/12/2006 và các Giấy phép điều chỉnh liên quan

Tên doanh nghiệp **Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC**

Tên tiếng anh **DSC Securities Corporation**

Đại diện theo pháp luật **Ông Nguyễn Đức Anh**
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Mã chứng khoán **DSC**

Ngày thành lập **18/12/2006**

Trụ sở chính **Tầng 2 – Thành Công Building – 80 Dịch Vọng Hậu – P. Cầu Giấy – Tp. Hà Nội**

Website **www.dsc.com.vn**

Điện thoại **+84 24 3880 3456**

Vốn điều lệ
(tại ngày 31/12/2025) **2.749.999.110.000 VNĐ**

Vốn chủ sở hữu
(tại ngày 31/12/2025) **3.026.858.482.689 VNĐ**

Tổng số nhân viên
(tại ngày 31/12/2025) **221 nhân viên – Trong đó có 93 nhân viên có chứng chỉ hành nghề chứng khoán**

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

LỊCH SỬ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

STT	Thời gian	Vốn điều lệ (VND)	Hình thức tăng vốn
Lần 1	12/2006	22.000.000.000	Góp vốn thành lập công ty
Lần 2	06/2008	50.000.000.000	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và CBNV
Lần 3	05/2012	60.000.000.000	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ
Lần 4	09/2021	1.000.000.000.000	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ
Lần 5	08/2023	2.048.389.250.000	Chào bán cổ phiếu ra công chúng: 99.955.225 CP; Phát hành cổ phiếu cho người lao động theo chương trình lựa chọn: 4.883.700 CP
Lần 5	12/2025	2.749.999.110.000	Chia cổ tức bằng cổ phiếu với số lượng 34.822.528 cổ phiếu; Chào bán thành công 35.132.327 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

Thay da đổi thịt

Năm 2022

Mở rộng mạng lưới kinh doanh với 02 chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, khai trương Phòng giao dịch tại Số 14 – 16 Hàm Long, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Năm 2021

- Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC.
- Phát hành thành công 94 triệu cổ phiếu riêng lẻ, tăng vốn điều lệ lên 1.000 tỷ đồng.
- Trụ sở chính của Công ty được chuyển tới địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
- Bổ sung ngành nghề kinh doanh: Tự doanh Chứng khoán và bảo lãnh phát hành.

Năm 2025

Chia cổ tức bằng cổ phiếu với số lượng 34.822.528 cổ phiếu và chào bán thành công 35.132.327 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nâng vốn điều lệ lên 2.749.999.110.000 đồng.

Năm 2024

- Chuyển chi nhánh Đà Nẵng về địa chỉ: Tầng 03, số 130 Điện Biên Phủ, phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.
- Cổ phiếu Công ty chính thức được niêm yết trên sàn HOSE vào ngày 24/9/2024, chính thức giao dịch vào ngày 24/10/2024.
- Giải thưởng Sản phẩm công nghệ và chuyển đổi số tiêu biểu (VWAS2024)
- Giải thưởng Dịch vụ quản lý tài sản đầu tư tiêu biểu (VWAS2024)

Năm 2023

Tăng vốn điều lệ Công ty lên 2.048 tỷ đồng.

Năm 2021 – 2022

Năm 2023 – 2025

C

S

D

Năm 2008

DNSC tăng vốn điều lệ lên 50 tỷ đồng.

Năm 2007

DNSC được công nhận tư cách thành viên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM) và Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội)

Năm 2006

Thành lập CTCP Chứng khoán Đà Nẵng (viết tắt: DNSC), là công ty chứng khoán đầu tiên tại Miền Trung Việt Nam được UBCK cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh. Số vốn điều lệ ban đầu của công ty là 22 tỷ đồng. Trụ sở ban đầu đặt tại Hải Châu, Đà Nẵng.

Năm 2018

Cổ phiếu Công ty được chính thức giao dịch trên sàn UPCOM với mã chứng khoán là DSC.

Năm 2012

Tăng vốn điều lệ lên 60 tỷ đồng.

Năm 2006 – 2008

Năm 2012 – 2018

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

Cung cấp các sản phẩm, dịch vụ chứng khoán tới khách hàng cá nhân và khách hàng tổ chức, bao gồm:

- Sản phẩm, Dịch vụ đối với chứng khoán niêm yết: Mở tài khoản giao dịch, Môi giới, Tư vấn giao dịch, Thực hiện lệnh, Thanh toán tiền, Lưu ký; Hỗ trợ chuyển nhượng đối với chứng khoán chưa niêm yết; Phân phối chứng chỉ quỹ mở; Giao dịch chứng chỉ ETF. Giao dịch chứng quyền có bảo đảm;
- Sản phẩm, Dịch vụ Tài chính: Giao dịch ký quỹ (margin) và phối hợp với ngân hàng hỗ trợ khách hàng giao dịch chứng khoán;
- Sản phẩm, Dịch vụ Giao dịch Điện tử: Web Trading, Pro Trading, iBoard, Mobile Trading, Contact Center và SMS;
- Sản phẩm Tư vấn Đầu tư: Báo cáo vĩ mô, Báo cáo khuyến nghị đầu tư, Báo cáo nhận định thị trường hàng ngày, Báo cáo phân tích ngành, Báo cáo phân tích cổ phiếu, Báo cáo tư vấn định giá cổ phiếu, Báo cáo phân tích thị trường tiền tệ, Báo cáo phân tích dòng lưu chuyển vốn, Báo cáo phân tích kỹ thuật;
- Dịch vụ Quản lý Tài sản cho khách hàng cá nhân: Tư vấn xây dựng kế hoạch tài chính và phân bổ tài sản; Cung cấp các gói giải pháp đầu tư phong phú, đáp ứng nhu cầu từ cơ bản đến nâng cao, bao gồm các sản phẩm cấu trúc, trái phiếu, chứng chỉ quỹ, cổ phiếu; Cung cấp hệ thống dịch vụ đặc quyền tập trung vào kiến tạo và gia tăng giá trị về nền tảng kiến thức đầu tư cho khách hàng và thể hệ kế cận;

NGUỒN VỐN VÀ KINH DOANH TÀI CHÍNH

Kinh doanh nguồn vốn bao gồm các hoạt động giao dịch tiền tệ, đầu tư vốn thông qua các Hợp đồng tiền gửi, Hợp đồng tiền vay, Ủy thác, Mua bán lại (Repo) trái phiếu, Kinh doanh giấy tờ có giá lãi suất cố định và các loại giao dịch được cơ cấu đặc biệt khác;

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

- Tư vấn Tài chính doanh nghiệp: Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp, Tư vấn tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp, Tư vấn niêm yết cổ phiếu trên TTCK, Tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp;
- Tư vấn Mua bán & Sáp nhập doanh nghiệp (M&A);
- Tư vấn Huy động vốn trên thị trường vốn trong và ngoài nước: Tư vấn phát hành và Bảo lãnh phát hành cổ phiếu, trái phiếu và các sản phẩm phái sinh, bao gồm phát hành ra công chúng, phát hành riêng lẻ

ĐẦU TƯ

Đầu tư Cổ phiếu, Trái phiếu chuyển đổi Chứng chỉ quỹ, Chứng khoán phái sinh.

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Miền Bắc

📍 Trụ sở chính

Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, P. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

📍 PGD Hàm Long – Hà Nội

14-16 Hàm Long, phường Cửa Nam, TP. Hà Nội

Miền Trung

📍 Chi nhánh Đà Nẵng

130 Điện Biên Phủ, phường Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Miền Nam

📍 Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

14 Nguyễn Văn Trỗi, phường Phú nhuận, TP. Hồ Chí Minh

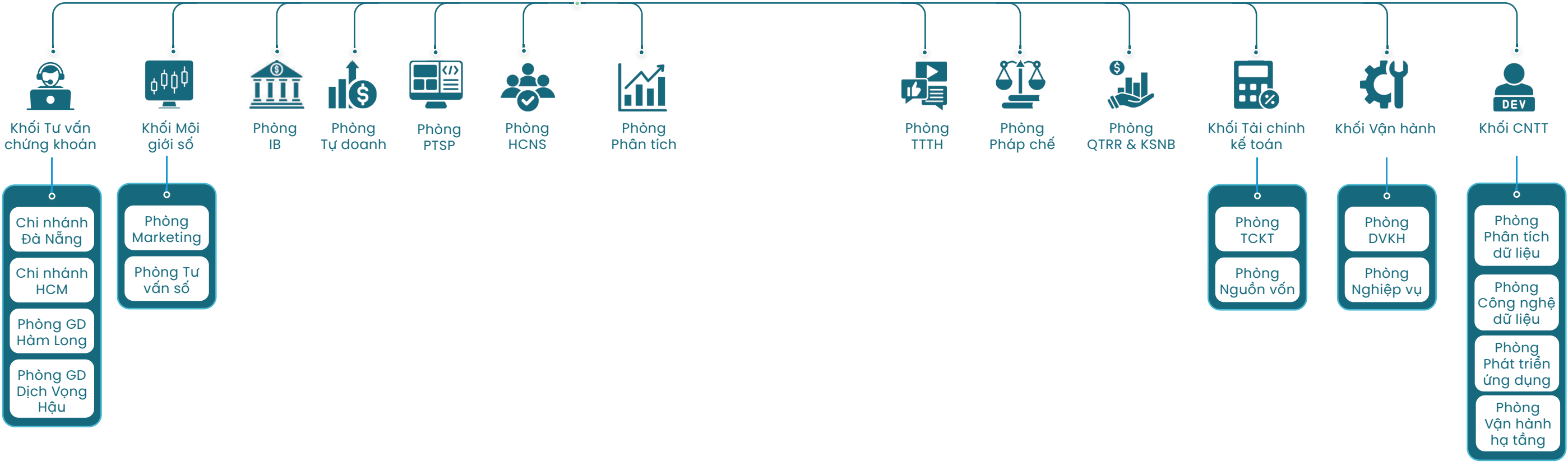
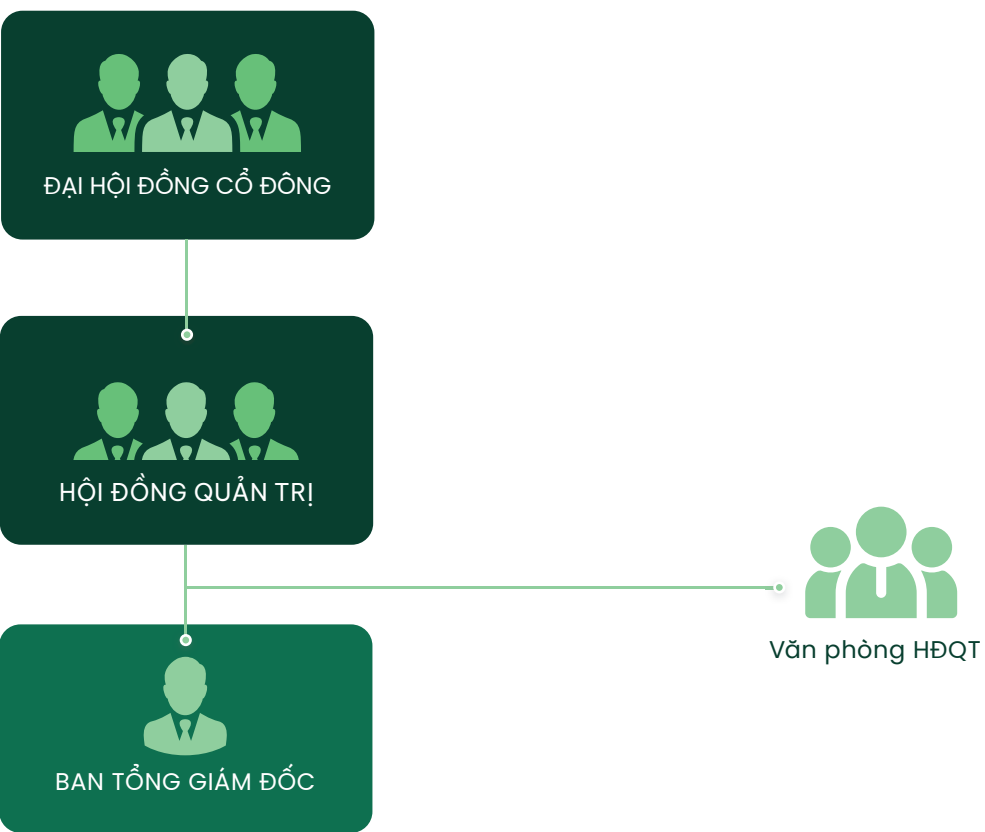
Số điện thoại

Khu vực miền Bắc – Hà Nội
+84 243880 3456

Khu vực miền Trung – Đà Nẵng
+84 236 3888 588

Khu vực miền Nam – TP.HCM
+84 243880 3456

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông
NGUYỄN ĐỨC ANH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chức vụ: **Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

Trình độ chuyên môn: **Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh**

Năm sinh: **1995**

Thời điểm bổ nhiệm: **08/01/2021**

Số lượng chứng khoán sở hữu: **85,409,766 cổ phiếu**

Chức danh nắm giữ tại tổ chức khác:
- **Chủ tịch HĐQT – CTCP Đầu tư NTP**
- **Chủ tịch HĐQT – CTCP Thành Công Motor Việt Nam**

Thông tin nổi bật:

Ông Nguyễn Đức Anh tốt nghiệp Thạc sỹ ngành Kinh tế tại UMass Boston University.

Ông là lãnh đạo trẻ đầu tiên xây dựng sự nghiệp thành công tại DSC từ những ngày đầu M&A và tái cấu trúc Công ty. Dưới sự lãnh đạo sát sao của ông, DSC đã có những bước tiến thần tốc về quy mô hoạt động, đội ngũ nhân sự, đặc biệt là hiệu quả hoạt động tương đương với những công ty chứng khoán cùng quy mô vốn đã hoạt động hơn 18 năm trên thị trường.

Giới thiệu HĐQT

Tính đến ngày 31/12/2025, cơ cấu thành viên HĐQT công ty như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Đức Anh	Chủ tịch HĐQT	85,409,766	31.06%
2	Bạch Quốc Vinh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	402,755	0.15%
3	Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT	7,089,966	2.58%
4	Bùi Văn Hùng	Thành viên HĐQT	20,137	0.01%



Ông
BẠCH QUỐC VINH
Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Chức vụ: **Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**

Trình độ chuyên môn: **Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh**

Năm sinh: **1975**

Thời điểm bổ nhiệm: **20/4/2022**

Số lượng chứng khoán sở hữu: **402,755 cổ phiếu**

Chức danh nắm giữ tại tổ chức khác:
Thành viên HĐQT – CTCP Quý đầu tư NTP

Thành tựu nổi bật:

Ông Bạch Quốc Vinh tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại Irvine University, có hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính chứng khoán, bảo hiểm. Ông từng giữ nhiều vị trí lãnh đạo cao cấp tại các tổ chức tín dụng lớn và hiện đóng vai trò then chốt trong việc xây dựng bộ máy điều hành và triển khai chiến lược kinh doanh của DSC.

Dưới sự lãnh đạo của ông Bạch Quốc Vinh, sau hơn 4 năm tái cấu trúc, DSC đã có sự phát triển vượt bậc về quy mô hoạt động, hiệu quả kinh doanh và tạo nền tảng vững chắc cho DSC phát triển bền vững trong thời gian tới



Ông
BÙI VĂN HÙNG
Thành viên HĐQT độc lập

Chức vụ: **Thành viên HĐQT độc lập**

Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Kế toán.**

Năm sinh: **1970**

Thời điểm bổ nhiệm: **04/04/2025**

Số lượng chứng khoán sở hữu: **20,137 cổ phiếu**

Chức danh nắm giữ tại tổ chức khác: **Không**

Thành tựu nổi bật:

Ông Bùi Văn Hùng có gần 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

Ông giữ nhiều vị trí chủ chốt tại một số Ngân hàng TMCP và Công ty quản lý tài chính trong nhiều năm.

Đồng hành với DSC từ Quý 2 năm 2025, ông đã có những đóng góp quan trọng trong việc định hướng chiến lược để DSC phát triển bền vững, hiệu quả.



Bà
NGUYỄN THỊ THU HÀ
Thành viên HĐQT

Chức vụ: **Thành viên HĐQT độc lập**

Trình độ chuyên môn: **Thạc sỹ Kinh tế**

Năm sinh: **1986**

Thời điểm bổ nhiệm: **08/01/2021**

Số lượng chứng khoán sở hữu: **7,089,966 cổ phiếu**

Chức danh nắm giữ tại tổ chức khác:
Thành viên HĐQT – CTCP Đầu tư NTP

Thành tựu nổi bật:

Bà Nguyễn Thị Thu Hà có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý tài sản, tài chính, kế toán và nắm giữ vị trí chủ chốt tại DSC từ những ngày đầu M&A.

BAN KIỂM SOÁT



Bà
NGUYỄN THỊ HIỀN NGỌC
Trưởng ban Kiểm soát

Chức vụ:
Trưởng ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân kinh tế

Kinh nghiệm:
Hơn 35 năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực kế toán.Hà Nội.

Thông tin nổi bật:
Từng giữ nhiều vị trí quan trọng như Giám đốc Ban Tài chính Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Công, Trưởng văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Công tại Hà Nội.



Bà
LÊ THỊ LIÊN
Thành viên Ban Kiểm soát

Chức vụ:
Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân kinh tế

Kinh nghiệm:
Hơn 10 năm trong lĩnh vực tài chính, kế toán Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Công



Bà
BÙI THỊ NGỌC LY
Thành viên Ban Kiểm soát

Chức vụ:
Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân kinh tế

Kinh nghiệm:
Hơn 10 năm trong lĩnh vực tài chính, kế toán Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Công

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông BẠCH QUỐC VINH
Tổng Giám đốc

Ông Bạch Quốc Vinh là một chuyên gia quản trị dày dặn kinh nghiệm với học vị Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại trường Irvine University (Hoa Kỳ). Với nền tảng giáo dục quốc tế bài bản, ông đã sớm định hình tư duy chiến lược và năng lực điều hành hệ thống chuyên nghiệp trước khi đảm nhận những trọng trách lớn tại các định chế tài chính.

Trong suốt sự nghiệp, ông Bạch Quốc Vinh đã tích lũy hơn 25 năm kinh nghiệm chuyên sâu trong các lĩnh vực then chốt như tài chính, chứng khoán và bảo hiểm. Trước khi dẫn dắt đội ngũ điều hành tại đơn vị hiện tại, ông từng giữ nhiều vị trí lãnh đạo cao cấp tại các tổ chức tín dụng uy tín hàng đầu. Hiện nay, với vai trò Tổng Giám đốc, ông đóng vị trí hạt nhân trong việc xây dựng bộ máy điều hành và trực tiếp triển khai các chiến lược kinh doanh trọng yếu.

Thành tựu nổi bật nhất dưới sự lãnh đạo của ông là hành trình hơn 4 năm thực hiện tái cấu trúc quyết liệt, đưa công ty đạt được những bước phát triển vượt bậc về quy mô hoạt động và hiệu quả kinh doanh. Những nỗ lực này không chỉ mang lại kết quả tăng trưởng tức thời mà còn tạo dựng nên một nền tảng quản trị vững chắc, định hướng cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp trong tương lai.



Ông TRẦN MINH TOÀN
Giám đốc Khối Tài chính Kế toán

Ông Trần Minh Toàn sở hữu trình độ chuyên môn Thạc sĩ Kinh tế, một nền tảng học thuật vững chắc giúp ông am hiểu sâu sắc về các dòng chuyển dịch tài chính và hệ thống kế toán doanh nghiệp phức tạp.

Với bề dày 17 năm kinh nghiệm chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính và kế toán, ông Trần Minh Toàn được ghi nhận là một trong những nhân sự cấp cao tiên phong, đặt những viên gạch nền móng đầu tiên cho mảng kinh doanh nguồn vốn tại DSC. Trong vai trò Giám đốc Khối Tài chính Kế toán, ông đã trực tiếp tham gia xây dựng và dẫn dắt đội ngũ kinh doanh nguồn vốn, đồng thời thiết lập mạng lưới quan hệ chiến lược rộng khắp với các định chế tài chính trong và ngoài nước.

Những nỗ lực không ngừng nghỉ của ông trong việc đa dạng hóa nguồn thu và tối ưu hóa năng lực huy động tài chính đã đóng vai trò then chốt trong việc mở rộng quy mô hoạt động. Qua đó, ông góp phần trực tiếp vào việc nâng cao năng lực cạnh tranh dài hạn và vị thế của công ty trên thị trường vốn đầy biến động.



Ông NGUYỄN HỮU THỊNH
Giám đốc Khối Tư vấn Chứng khoán

Ông Nguyễn Hữu Thịnh tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân, cái nôi đào tạo những chuyên gia kinh tế hàng đầu Việt Nam. Nền tảng kiến thức bài bản này đã trở thành bệ phóng cho sự nghiệp rực rỡ của ông trong ngành tài chính.

Với hơn 15 năm kinh nghiệm chuyên sâu trong lĩnh vực tư vấn đầu tư chứng khoán, ông Nguyễn Hữu Thịnh được biết đến như một chuyên gia nhạy bén trong việc kiến tạo sự tăng trưởng. Kể từ khi gia nhập DSC, chỉ trong vòng 02 năm đồng hành, ông đã trực tiếp xây dựng và dẫn dắt Khối Tư vấn Chứng khoán phát triển vượt bậc. Những chiến lược đúng đắn của ông đã biến khối này trở thành một trong những trụ cột chiến lược quan trọng, đóng góp đáng kể vào thành công chung của Công ty.



Bà NGUYỄN THỊ TÚ ANH

Giám đốc Khối Vận hành

Bà Nguyễn Thị Tú Anh sở hữu trình độ chuyên môn Cử nhân Kế toán từ Học viện Tài chính. Sự am hiểu tường tận về các quy chuẩn tài chính đã giúp bà xây dựng một tư duy quản trị vận hành chặt chẽ và chuẩn mực.

Trong suốt 25 năm sự nghiệp, bà Nguyễn Thị Tú Anh đã tích lũy kinh nghiệm phong phú tại các công ty chứng khoán lớn ở Việt Nam, trải dài trên nhiều mảng cốt lõi như Kế toán, Dịch vụ khách hàng, Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ. Tại DSC, bà đóng vai trò then chốt trong việc chuẩn hóa, kiểm soát và nâng cao hiệu quả toàn bộ chuỗi vận hành. Những đóng góp của bà đã tạo dựng nên một hệ sinh thái vận hành minh bạch – an toàn – hiệu quả, đóng vai trò bệ đỡ chiến lược giúp DSC nâng tầm chuẩn mực quản trị doanh nghiệp theo các thông lệ tốt nhất của thị trường vốn.



Ông ĐỖ TIẾN HƯNG

Giám đốc Khối CNTT

Ông Đỗ Tiến Hưng là Thạc sĩ Kinh tế, một học vị mang lại cho ông cái nhìn đa chiều khi kết hợp giữa quản trị kinh doanh và công nghệ thông tin. Sự giao thoa này giúp ông thấu hiểu sâu sắc cách thức công nghệ phục vụ cho sự tăng trưởng kinh tế của doanh nghiệp.

Với hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin (CNTT), ông Đỗ Tiến Hưng từng đảm nhiệm các vị trí quản lý quan trọng tại các tập đoàn lớn như TCBS và Vingroup. Bằng bề dày kinh nghiệm xây dựng hạ tầng quy mô lớn, ông đã trực tiếp đặt nền móng công nghệ vững chắc cho DSC từ những ngày đầu tiên. Không dừng lại ở đó, ông liên tục triển khai các dự án CNTT mang tính đột phá nhằm cải tiến quy trình nội bộ, gia tăng trải nghiệm khách hàng và nâng cao chất lượng dịch vụ kỹ thuật số cho toàn hệ thống.



Ông VÕ ĐÌNH TUẤN

Giám đốc Phát triển Kinh doanh phía Nam

Ông Võ Đình Tuấn tốt nghiệp trình độ Cử nhân Quản trị Marketing. Với tư duy thị trường nhạy bén và khả năng kết nối cộng đồng, ông đã khẳng định được năng lực điều hành xuất sắc trong việc mở rộng mạng lưới kinh doanh.

Sở hữu hơn 15 năm kinh nghiệm trong ngành tư vấn đầu tư chứng khoán, ông Võ Đình Tuấn chính thức gia nhập DSC từ tháng 06/2025. Chỉ trong vòng 06 tháng gần đó, ông đã tạo nên những chuyển biến tích cực khi đẩy mạnh xây dựng đội ngũ nhân sự mới tại các địa bàn trọng điểm như Chi nhánh Đà Nẵng và TP. Hồ Chí Minh. Dưới sự dẫn dắt của ông, đội ngũ nhân sự tại các chi nhánh đã dần ổn định và phát triển mạnh mẽ theo đúng định hướng kinh doanh mà Ban lãnh đạo đã đề ra, khẳng định vị thế của DSC trên phạm vi toàn quốc.

02

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG 2025

TỔNG QUAN NỀN KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2025

VĨ MÔ 2025

ĐIỂM NHẤN VĨ MÔ 2025: THỂ CHẾ HÓA

Trong bối cảnh Việt Nam bước vào một giai đoạn cải cách sâu rộng, năm 2025 có thể được xem là dấu mốc “thay da đổi thịt” của nền kinh tế. Đây không chỉ là năm khởi đầu cho giai đoạn Đổi Mới 2.0, mà còn là năm bản lề đặt nền móng cho chu kỳ tăng trưởng tăng tốc 2026–2030 với mục tiêu hướng tới một nền kinh tế phát triển. Tăng trưởng GDP đạt khoảng 8.02% – mức cao nhất kể từ giai đoạn sau bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ năm 1995 – là một kết quả đáng chú ý. Tuy nhiên, con số này chỉ phản ánh một phần bức tranh; ý nghĩa lớn hơn của năm 2025 nằm ở chiều sâu của những thay đổi mang tính cấu trúc đang diễn ra trong nền kinh tế.

Trọng tâm của giai đoạn này là quá trình cải cách thể chế toàn diện – có thể ví như một “cuộc đại phẫu” đối với nền tảng vận hành của nền kinh tế. Những cải cách không chỉ dừng lại ở việc điều chỉnh các quy định pháp lý hay ban hành các chính sách hỗ trợ riêng lẻ, mà hướng đến sự thay đổi căn bản trong tư duy quản lý, phương thức vận hành và cách tiếp cận phát triển của toàn bộ hệ thống. Đây là bước chuyển mang tính kiến tạo và dài hạn, đòi hỏi sự đầu tư bền bỉ về nguồn lực, thể chế và con người nhằm tháo gỡ những rào cản tích tụ trong quá khứ và xây dựng một nền tảng tăng trưởng bền vững hơn cho tương lai.

Trong khi các yếu tố như tài nguyên, lợi thế ngành hay chu kỳ kinh tế có thể đóng vai trò thúc đẩy tăng trưởng trong ngắn hạn, động lực tăng trưởng dài hạn của Việt Nam sẽ phải đến từ nội lực của nền kinh tế – bao gồm năng lực thể chế, chất lượng nguồn nhân lực và hiệu quả phân bổ nguồn lực. Theo góc nhìn đó, năm 2025 không chỉ là một năm tăng trưởng mạnh về mặt số liệu, mà quan trọng hơn, là năm đặt nền móng cho quá trình tích lũy nội lực, tạo tiền đề cho giai đoạn phát triển nhanh và bền vững của Việt Nam trong thập kỷ tới.

1

Quản trị Quốc gia & Hành chính công

- **Sáp nhập hành chính:** Thu gọn còn 34 tỉnh/thành; sáp nhập mạnh cấp xã/huyện.
- **Chính phủ số:** VNeID làm trung tâm giao dịch hành chính; đồng bộ dữ liệu quốc gia.
- **Tư duy quản lý:** Chuyển từ “quản lý” sang “kiến tạo”; phân quyền mạnh cho địa phương; chống lãng phí ngang tầm chống tham nhũng.

2

Thị trường vốn

- **Chứng khoán:** Cho phép Non-prefunding. Phê duyệt đề án Nâng hạng TTCK Việt Nam, mục tiêu nâng lên thị trường mới nổi MSCI vào năm 2030.
- **Chứng khoán:** Cho phép Non-prefunding. Phê duyệt đề án Nâng hạng TTCK Việt Nam, mục tiêu nâng lên thị trường mới nổi MSCI vào năm 2030.
- **Ngân hàng:** Siết sở hữu chéo ngân hàng.

3

Bất động sản

- Luật Đất đai 2024, Luật Nhà ở 2023 và Luật Kinh doanh Bất động sản 2023 có hiệu lực, thúc đẩy sự phục hồi của thị trường BĐS sau 3 năm trầm lắng.
- Nghị quyết 171/2024/QH15 của Quốc hội (có hiệu lực từ 30/11/2024) cho phép thí điểm thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất, bao gồm cả các khu đất không phải “đất ở” nhưng phù hợp với quy hoạch, nhằm “mở khóa” cho hàng trăm dự án đang bị treo
- Cấm phân lô đất nền đối với đô thị loại đặc biệt, loại 1 và bổ sung thêm loại 2 và loại 3.

4

Thuế & môi trường kinh doanh

- **Quản lý Thuế:** Sàn TMDT nộp thuế thay; đồng bộ CCCD/VNeID làm mã số thuế; mở rộng hóa đơn điện tử.
- **Quản lý Thị trường:** Truy xuất nguồn gốc bằng dữ liệu số (Đề án 319).
- **Kiểm soát chất lượng:** Xử lý triệt để hàng giả, hàng kém chất lượng tràn lan trên thị trường.

5

Đổi mới sáng tạo & đẩy mạnh số hóa – Hiện đại hóa

- **Công nghệ cao:** Khung Sandbox cho Fintech; ưu đãi đặc thù cho ngành Bán dẫn và Trí tuệ nhân tạo (AI).
- **Chính sách hỗ trợ:** Luật Công nghệ cao sửa đổi
- **Áp dụng công nghệ vào hệ thống hành chính:** Đồng bộ CCCD/VNeID làm mã số thuế

6

Hội nhập toàn cầu

- **Thuế Toàn cầu & FDI:** Áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu (15%); lập Quỹ hỗ trợ đầu tư trực tiếp (cash grant).
- **Đầu tư ra nước ngoài:** Tinh chỉnh quản lý ngoại hối, tạo hành lang cho doanh nghiệp mở rộng sang các hub tài chính quốc tế.

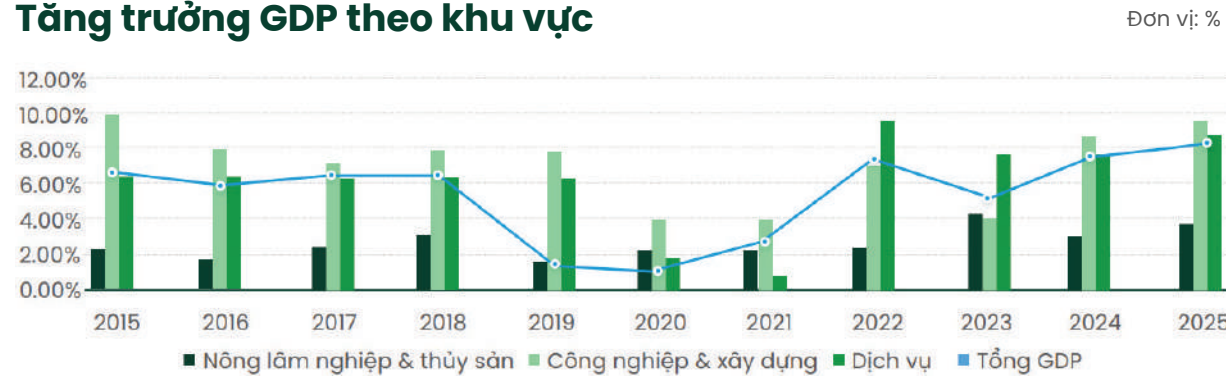
TĂNG TRƯỞNG GDP VÀ TĂNG TRƯỞNG GDP THEO TỪNG KHU VỰC

Trong bối cảnh đó, năm 2025 đánh dấu bước tăng tốc đầu tiên trong chu kỳ phát triển lịch sử, Đổi Mới 2.0, của nền kinh tế Việt Nam, ghi nhận mức tăng trưởng 8.02% so với năm 2024, cao nhất trong giai đoạn 15 năm trở lại đây (2011 – 2025). Quy mô GDP theo giá hiện hành ước đạt 12.847,6 nghìn tỷ đồng, tương đương 514 tỷ USD và GDP bình quân đầu người đạt khoảng 5.026 USD.

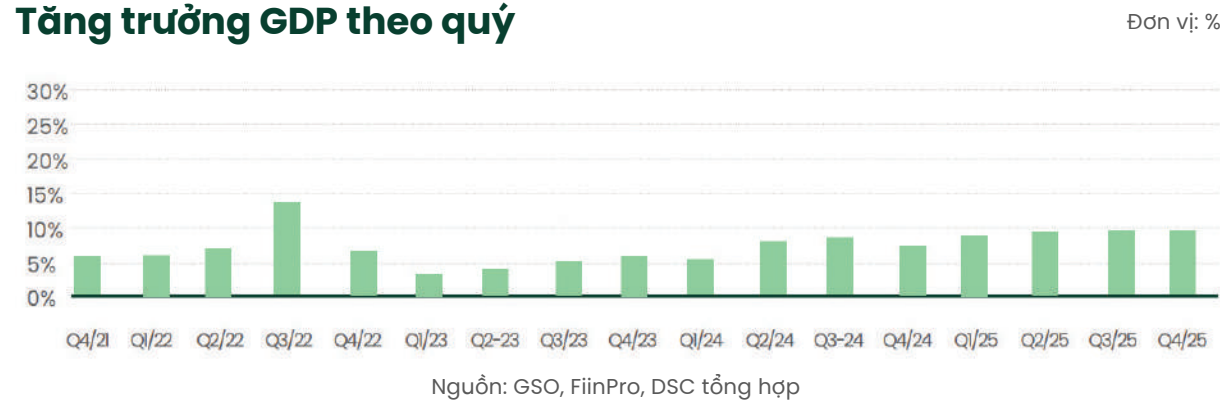
Trọng tâm của giai đoạn này là quá trình cải cách thể chế toàn diện – có thể ví như một “cuộc đại phẫu” đối với nền tảng vận hành của nền kinh tế. Những cải cách không chỉ dừng lại ở việc điều chỉnh các quy định pháp lý hay ban hành các chính sách hỗ trợ riêng lẻ, mà hướng đến sự thay đổi căn bản trong tư duy quản lý, phương thức vận hành và cách tiếp cận phát triển của toàn bộ hệ thống. Đây là bước chuyển mang tính kiến tạo và dài hạn, đòi hỏi sự đầu tư bền bỉ về nguồn lực, thể chế và con người nhằm tháo gỡ những rào cản tích tụ trong quá khứ và xây dựng một nền tảng tăng trưởng bền vững hơn cho tương lai.

Khu vực Dịch vụ tiếp tục là đầu tàu tăng trưởng khi đóng góp tới 51,1% vào mức tăng GDP chung, với giá trị tăng thêm đạt 8,62%. Khu vực Công nghiệp và Xây dựng có mức tăng trưởng cao nhất trong 3 khu vực với 8,95%, đóng góp 43,6%. Ngành Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản duy trì sự ổn định ở mức 3,78%.

Tăng trưởng GDP theo khu vực



Tăng trưởng GDP theo quý



Trong năm 2025, tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng trưởng 9,2% so với mức 8,9% của năm 2024. Nếu loại trừ yếu tố giá, tổng mức doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng 6,7% so với 2024.

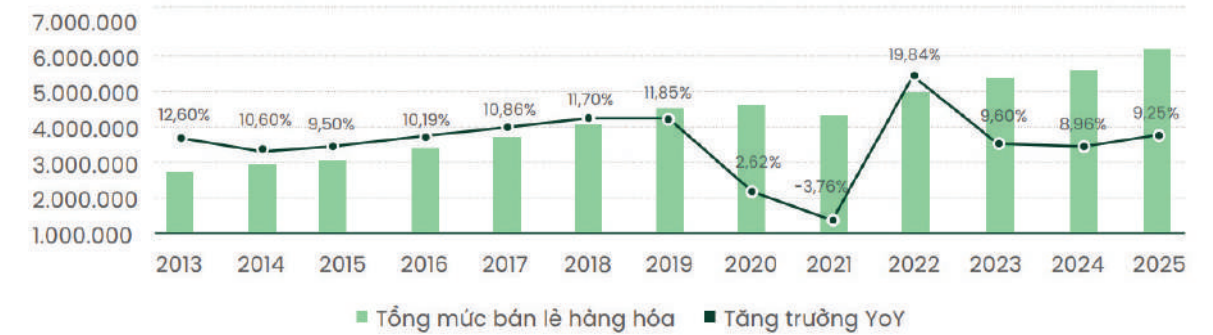
Trong cơ cấu tổng doanh thu bán lẻ, doanh thu bán lẻ hàng hóa chiếm 76%, tăng trưởng 8,0% so với năm 2024. Trong khi đó, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành tăng mạnh, lần lượt đạt 14,6% và 20,2% so với năm 2024, nhờ sự tăng trưởng mạnh của lượng khách quốc tế trong năm 2025.

Tổng lượng khách quốc tế đến Việt Nam cả năm 2025 đạt 21,2 triệu lượt, tăng 20,4% so với năm 2024, hoàn thành hơn 90% mục tiêu của Chính phủ đề ra.

Tuy nhiên có những điểm cần lưu ý về mức tăng trưởng không quá tích cực của tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng:

- (1) Phương pháp thống kê của Cục thống kê chưa bao gồm số liệu của các sàn thương mại điện tử, vốn đang là nền tảng mua hàng của rất nhiều người;
- (2) Mô hình phục hồi của ngành bán lẻ và dịch vụ đang theo theo xu hướng chữ K, tức những doanh nghiệp đầu ngành, có nền tảng kinh doanh, tài chính vững chắc vẫn đang phục hồi và trở lại pha tăng trưởng. Trong khi các doanh nghiệp, mô hình kinh doanh không có nền tảng vững chắc, không minh bạch thị sẽ tụt lại phía sau, dẫn đến số liệu tổng thể có thể bị trung bình hóa nhưng không thể hiện đầy đủ bức tranh của ngành bán lẻ và dịch vụ;
- (3) Hiệu ứng đầu tư công cần thời gian để phản ánh.

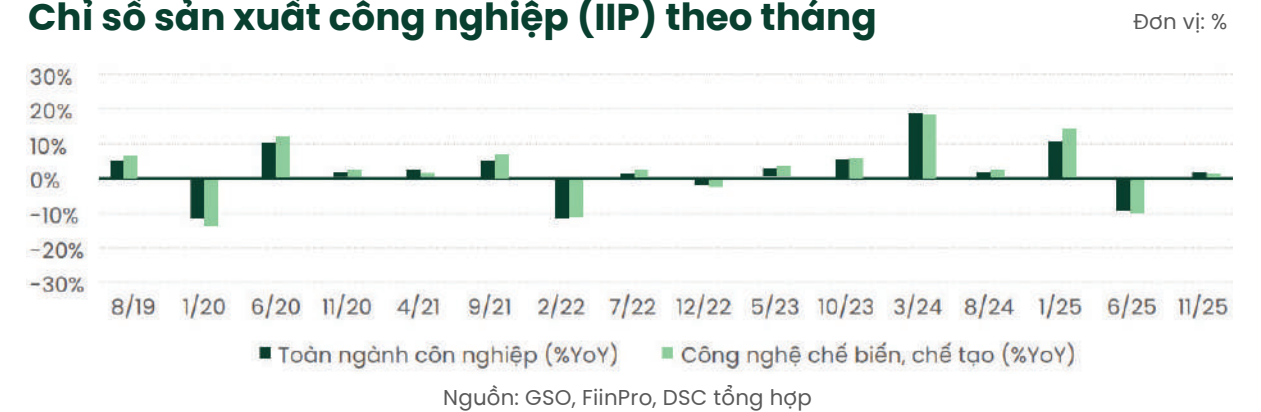
Doanh thu bán lẻ hàng hóa hàng năm



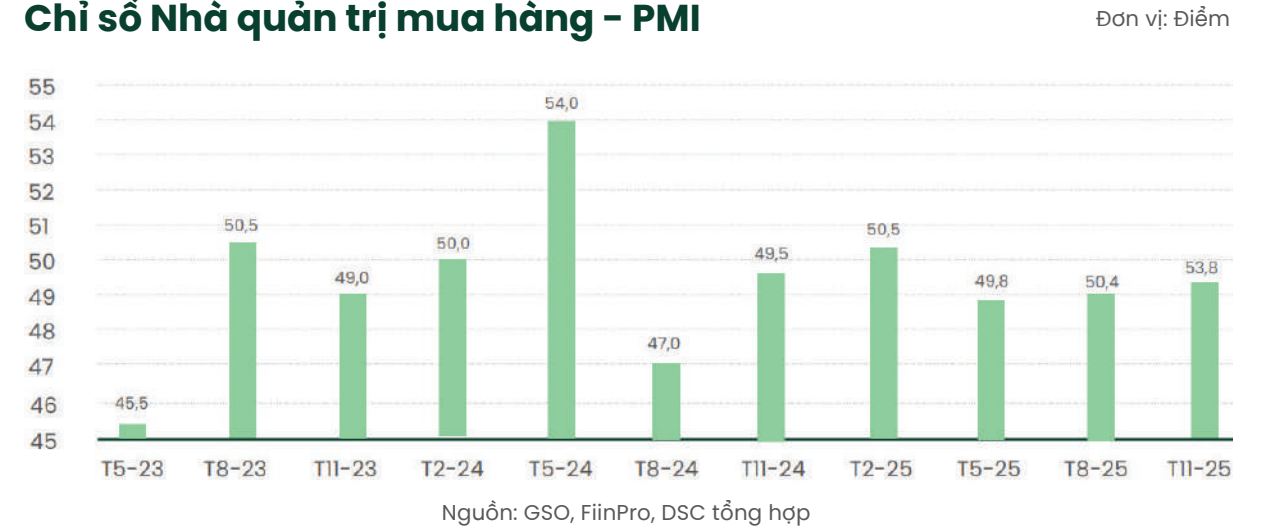
Năm 2025 chứng kiến sự bứt phá mạnh mẽ của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) toàn ngành tăng trưởng 9,2%, thiết lập cột mốc cao nhất trong vòng 7 năm qua. Động lực chính đến từ phân khúc chế biến, chế tạo với mức tăng 10,5%, trong đó các ngành then chốt như sản xuất xe có động cơ (+22,0%), kim loại cơ bản (+15,4%) và sản phẩm từ cao su, plastic (+15,7%) ghi nhận sự gia tăng đột biến về sản lượng.

Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) chốt năm ở mức 53,0 điểm, cùng với niềm tin kinh doanh đạt mức cao nhất trong 21 tháng, phản ánh sự mở rộng liên tục của các đơn hàng mới và năng lực sản xuất của hệ thống doanh nghiệp nội địa

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) theo tháng

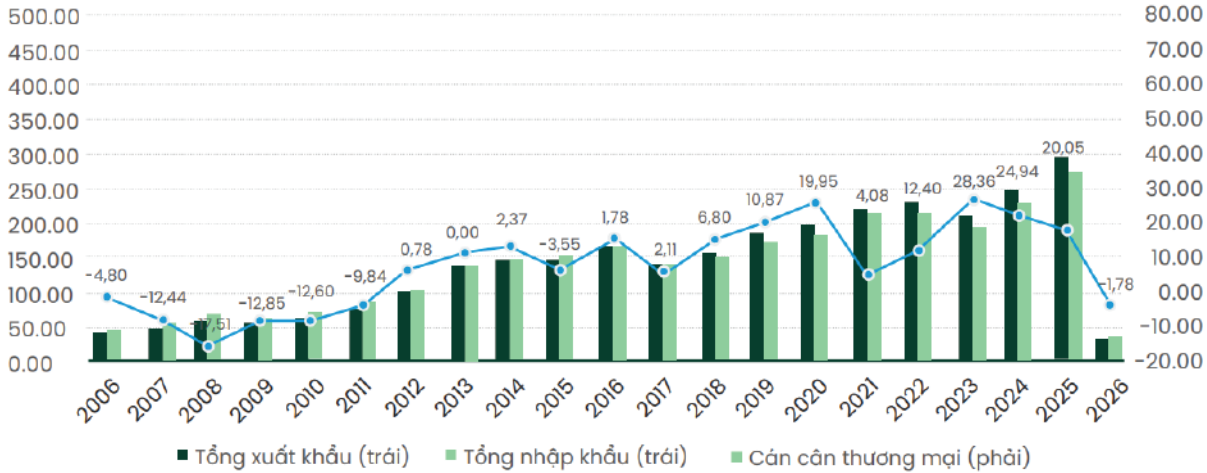


Chỉ số Nhà quản trị mua hàng - PMI



Bất chấp những biến động địa chính trị và xu hướng bảo hộ thương mại, hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam năm 2025 đã đạt quy mô kỷ lục mới. Tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 475,1 tỷ USD (+17,0% so với cùng kỳ) và nhập khẩu đạt 455,0 tỷ USD (+19,4%). Cán cân thương mại tiếp tục duy trì trạng thái thặng dư bền vững năm thứ 10 liên tiếp với con số 20,1 tỷ USD.

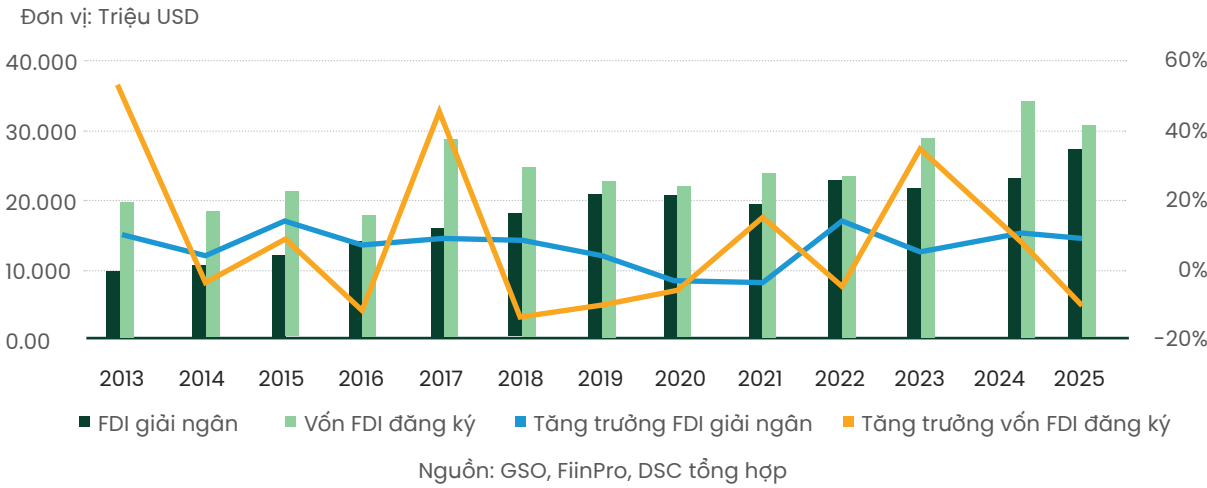
Kim ngạch xuất nhập khẩu và cán cân thương mại



Việt Nam tiếp tục củng cố vị thế là điểm đến ưu tiên trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Vốn FDI giải ngân năm 2025 đạt 27,6 tỷ USD (+9,0%), mức cao nhất kể từ năm 2012. Tổng vốn FDI đăng ký đạt 38,4 tỷ USD, với sự tập trung trọng điểm vào lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo (chiếm 54,7% tổng vốn đăng ký). Singapore tiếp tục dẫn đầu danh sách các nhà đầu tư với 9,4 tỷ USD (chiếm 24,5%), là kênh trung chuyển vốn trung gian từ các nước khác vào Việt Nam, cho thấy sự tin tưởng của các định chế tài chính quốc tế vào triển vọng trung và dài hạn của nền kinh tế Việt Nam.

Mặc dù vốn FDI đăng ký năm 2025 có dấu hiệu chậm đi nhưng phù hợp với tình hình của thương mại toàn cầu khi sự bất ổn từ chính sách thuế quan của Mỹ, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc cùng với chủ nghĩa bảo hộ thương mại gia tăng và xung đột địa chính trị vẫn còn nóng.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đăng ký và giải ngân



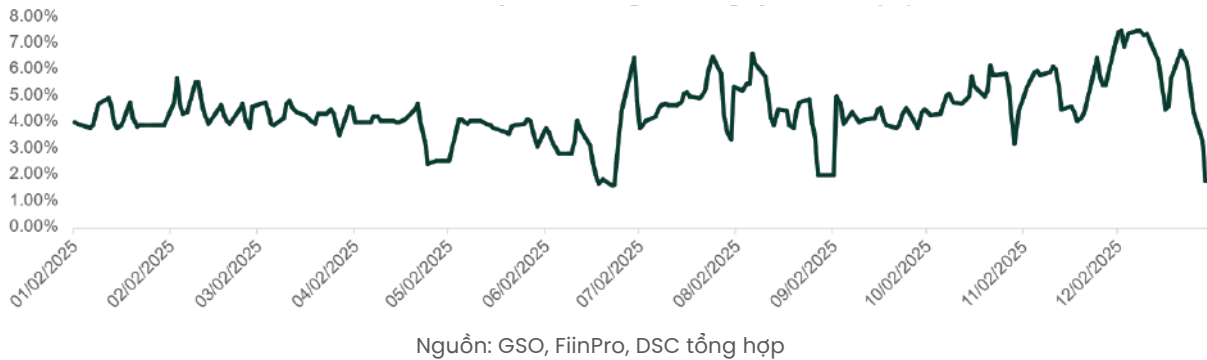
Nguồn: GSO, FiinPro, DSC tổng hợp

CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ: DUY TRÌ LÃI SUẤT THẤP

Trong năm 2025, Ngân hàng Nhà nước đã tập trung ổn định mặt bằng lãi suất thấp nhằm hỗ trợ nền kinh tế, kích thích dòng tiền nhân rồi trong kênh tiền gửi ngân hàng chảy vào các hoạt động kinh doanh, sản xuất.

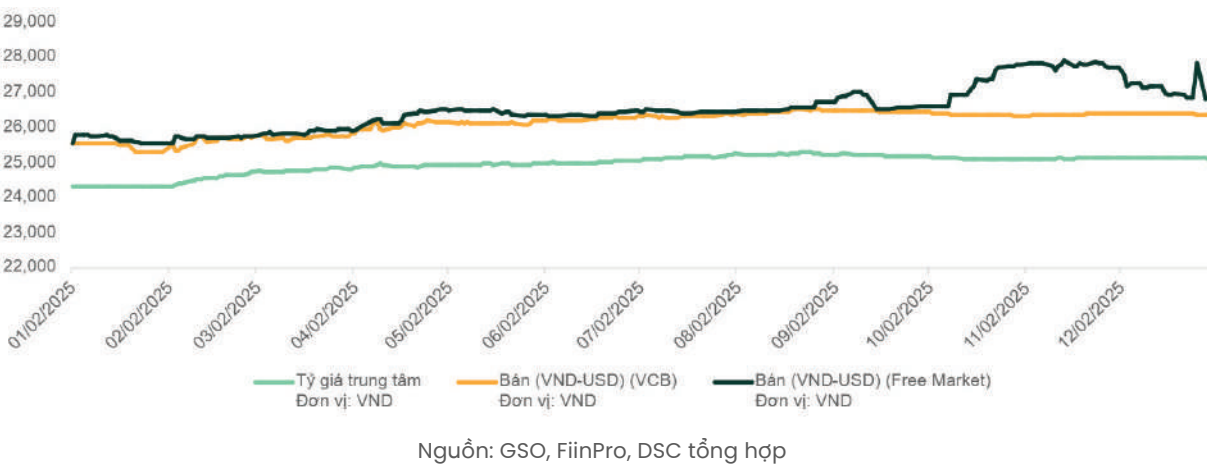
Mặt bằng lãi suất trong năm nay vẫn giữ ở mức 4% trong khi lãi suất ở thị trường mở duy trì quanh mức 4 – 4,5%. Tuy nhiên, do duy trì mặt bằng lãi suất thấp nên những tháng cuối năm 2025 chứng kiến sự tăng vọt rất mạnh của lãi suất huy động và lãi suất liên ngân hàng do tình trạng thiếu thanh khoản ở một số ngân hàng. Lý do đến từ việc nguồn tiền từ huy động tiền gửi thiếu hụt do lãi suất tiền gửi thiếu đi sự hấp dẫn so với lợi suất các kênh đầu tư khác như Vàng, Bất động sản.

Lãi suất bình quân liên ngân hàng qua đêm



Ở chiều ngược lại, nhu cầu tín dụng tiếp tục tăng trưởng mạnh trong năm 2025 khi cả năm đạt 19,01% so với cuối năm 2024, đạt quy mô 18,58 triệu tỷ đồng. Nhu cầu tín dụng tăng mạnh đến từ (1) đẩy mạnh đầu tư công trong năm 2025, (2) các dự án Bất động sản khởi động trở lại trong bối cảnh điều kiện kinh doanh có dấu hiệu khởi sắc.

Tỷ giá USD/VNĐ



Tỷ giá USD/VND cả năm 2025 tăng 3,1%. Mặc dù chỉ số DXY đã giảm gần 10% trong năm 2025 với việc Fed hạ lãi suất 3 lần trong năm xuống còn 3.50% - 3.75%, từ đó kết thúc hiện tượng chênh lệch lãi suất âm giữa Mỹ và Việt Nam, nhưng việc tỷ giá vẫn tăng mạnh đến từ lý do (1) nhu cầu USD lớn và (2) giá vàng trong nước tăng cao, khiến tỷ giá chợ đen đã có lúc chênh lệch rất lớn so với tỷ giá trên thị trường liên ngân hàng.

Tuy nhiên, Ngân hàng Nhà nước đã có các biện pháp can thiệp kịp thời như bán USD thông qua hợp đồng kỳ hạn 6 tháng, phối hợp với Bộ Công an và các bộ liên quan để quản lý các hoạt động mua bán ngoại tệ trái phép, kết hợp với nguồn vốn FDI ổn định, thặng dư thương mại được duy trì và nguồn ngoại tệ kiều hối đổ về trong giai đoạn cuối năm, tỷ giá USD/VND vẫn được giữ ở mức ổn định.

Lạm phát trong năm 2025 vẫn được duy trì ở mức thấp so với mức trần mục tiêu 4,5% nhờ vào giá dầu thấp, các nguyên vật liệu đầu vào không có sự biến động giá cả nhờ vào tình hình vĩ mô và địa chính trị ổn định.

CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA: TRỌNG TÂM CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN

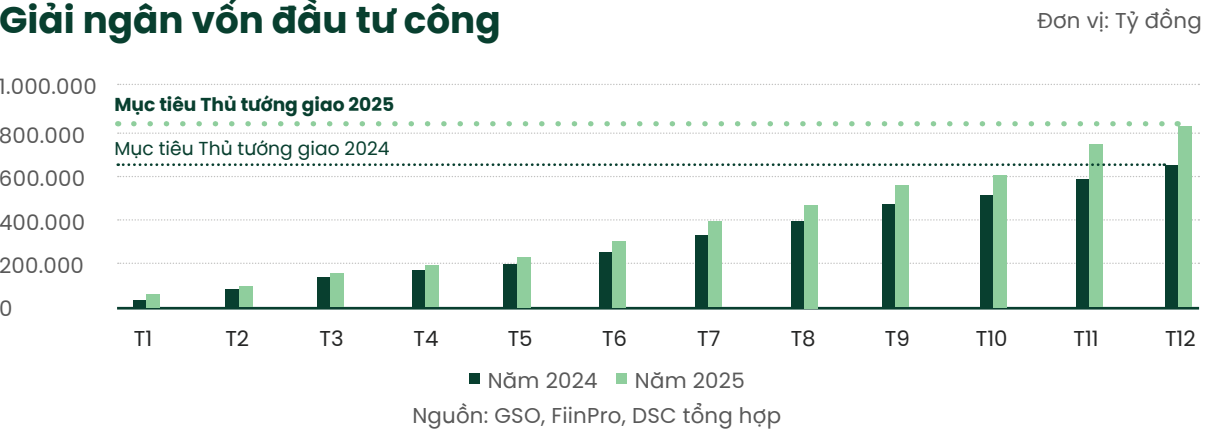
Năm 2025 đánh dấu bước cải cách thể chế quan trọng tại Việt Nam, với mô hình chính quyền 2 cấp và điều chỉnh chính sách thuế, qua đó làm thay đổi cơ cấu thu – chi NSNN.

Theo Bộ Tài chính, thu ngân sách năm 2025 đạt 2.650 nghìn tỷ đồng, tăng 29,7% YoY và vượt gần 135% dự toán; trong đó thu nội địa tăng 33,2% lên 2.280 nghìn tỷ đồng, hoàn thành gần 137% kế hoạch năm.

Nhờ nguồn thu vượt trội, chi NSNN tăng 31,2% YoY, đạt 2.402 nghìn tỷ đồng. Chi đầu tư phát triển tăng mạnh 38,3% lên 732 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 92,6% kế hoạch Quốc hội giao và 83,7% kế hoạch điều chỉnh. Đáng chú ý, giải ngân đầu tư công bứt tốc trong những tháng cuối năm, khi kết thúc năm tài chính (tính đến 31/1/2026) tổng số vốn đầu tư công năm 2025 giải ngân đạt 858.621,8 tỷ đồng, tương đương 94,8% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao.

Trong năm 2025, cả nước đã khởi công, khánh thành 564 công trình, dự án hạ tầng trên toàn quốc.

Giải ngân vốn đầu tư công



Hệ số hiệu quả đầu tư công

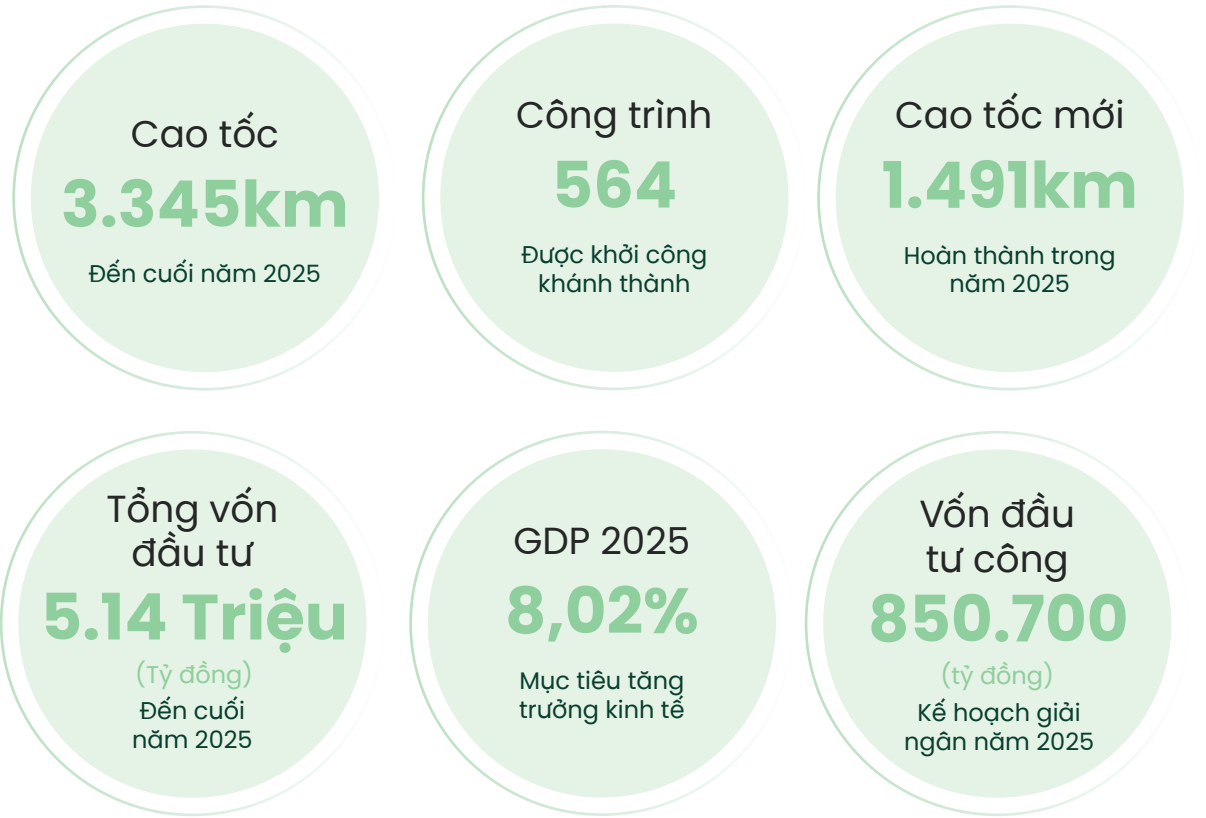
Quốc gia	Trước GFC 2000–07	Sau GFC 2008–15	Sau COVID 2016–23	Ước tính 2024–25E (IMF/WB)	“Cả giai đoạn 2000–25”
Việt Nam	4,72	5,47	6,45	4,87	5,5
Thái Lan	5,08	13,92	9,2	9,18	9,2
Indonesia	4,7	5,95	6,82	6,58	5,84
Malaysia	9,02	4,48	5,26	5,27	6,29
Philippines	3,96	5,48	3,91	3,91	4,45
Singapore	3,3	6,7	9,72	6,96	6,61

Nguồn: World Bank, IMF, DSC ước tính
GFC: Global Financial Crisis/Khủng hoảng tài chính toàn cầu

Việc đẩy mạnh giải ngân đầu tư công nhưng một vấn đề cũng được chú trọng từ Chính phủ là chất lượng của các dự án đầu tư công đối với sự tăng trưởng của nền kinh tế. Sự thay đổi trong tư duy quản lý đầu tư công khi những năm qua giải ngân đầu tư công chậm, không theo kịp đối với sự phát triển của nền kinh tế thì giờ đây các dự án đầu tư công phải giải ngân đúng tiến độ và phải đảm bảo tạo ra động lực tăng trưởng mới hoặc giải quyết bài toán lãng phí nguồn lực xã hội.

Hệ số hiệu quả đầu tư công của Việt Nam trong năm 2024 – 2025 (ước tính từ các số liệu của World Bank, IMF) cho thấy sự cải thiện của chất lượng đầu tư của khu vực, nhưng vẫn chưa vượt bậc hơn các nước trong khu vực nếu so ở thời điểm các nước trong khu vực có sự thay đổi về thể chế, chính sách phát triển.

Các công trình lớn của 2025:



Bên cạnh đẩy mạnh chi đầu tư, Chính phủ còn đẩy mạnh chi thường xuyên trong năm 2025 sau khi áp dụng chính quyền 2 cấp, tinh giản biên chế. Việc này trong ngắn hạn sẽ tăng chi ngân sách nhưng về dài hạn sẽ thay đổi hoàn toàn cấu trúc chi Ngân sách nhà nước

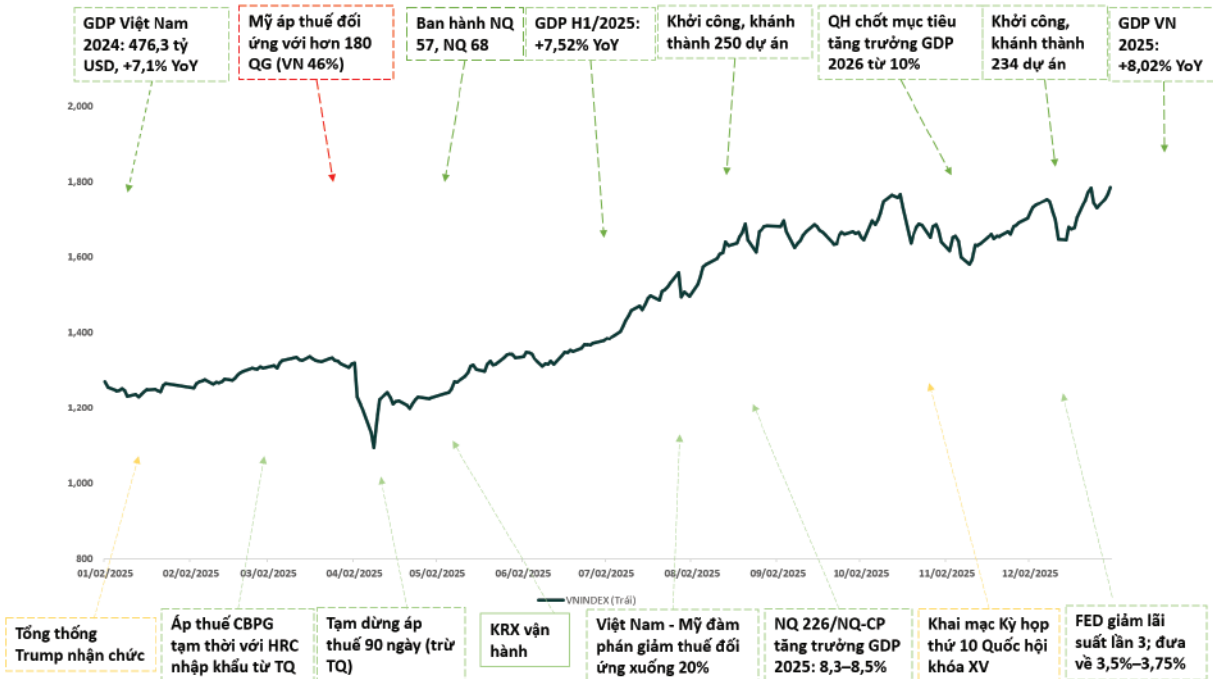
Sự thay đổi trong cấu trúc thu chi của Ngân sách Nhà nước được kỳ vọng sẽ tạo ra thặng dư vốn và sử dụng vào hoạt động tái đầu tư ra xã hội, từ đó thúc đẩy nguồn lực nội tại của Việt Nam. Nội tại của nền kinh tế 100 triệu dân của Việt Nam từ lâu chưa được nhìn nhận đầy đủ về tiềm năng nhưng nhờ vào các chính sách cải cách

STT	Dự án	Lĩnh vực	Vị trí / Quy mô	Vốn đầu tư	Thời gian	Trạng thái	Điểm nhấn 2025
1	Cao tốc Bắc–Nam phía Đông (GĐ 2021–2025)	Cao tốc	Hà Tĩnh (Bãi Vọt) đến Cà Mau	162.010 tỷ đồng (điều chỉnh từ 146.990 tỷ ban đầu)	2021 – 2025	HOÀN THÀNH	Thông xe kỹ thuật 19/12/2025 toàn tuyến. Đạt 3.803 km cao tốc cả nước, vượt mục tiêu 3.000 km.
2	Cảng HKQT Long Thành (Giai đoạn 1)	Hàng không	H. Long Thành, Đồng Nai (5.000 ha, cách TP.HCM 40 km)	109.111,742 tỷ đồng (theo QĐ 1777/QĐ-TTg 2020)	2021 – Nửa đầu 2026	GẦN XONG	Bay kỹ thuật đầu tiên 19/12/2025. Khai thác thương mại Q1/2026. Chuẩn 4F-ICAO.
3	Metro TP.HCM Tuyến số 1 (Bến Thành – Suối Tiên)	Metro	TP. Hồ Chí Minh (19,7 km, 14 ga)	43.757,09 tỷ đồng (tổng mức đầu tư điều chỉnh lần 3)	2012 – 2025	VẬN HÀNH	Vận hành thương mại chính thức 2025. Đón 200.000 HK/ngày giai đoạn ổn định.
4	Vành đai 3 TP.HCM	Vành đai	TP.HCM – Bình Dương – Đồng Nai – Long An (76,3 km)	75.378 tỷ đồng (NQ số 57/2022/QH15)	2023 – 2026	ĐANG THI CÔNG	Một số đoạn thông xe kỹ thuật 2025. Vành đai đô thị lớn nhất phía Nam từ trước đến nay.
5	Metro TP.HCM Tuyến số 1 (Bến Thành – Suối Tiên)	Cao tốc	Đồng Nai – TP.HCM – Bà Rịa Vũng Tàu (53,7 km, 3 dự án)	21.551 tỷ đồng (QĐ điều chỉnh 2023)	2023 – 2025	GẦN XONG	Đoạn TP.HCM thông xe 19/4/2025. Kết nối cảng Cái Mép với sân bay Long Thành.
6	Đường sắt Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng	Đường sắt	Lào Cai–Hà Nội–Hải Phòng (388 km, 9 tỉnh thành)	21.551 tỷ đồng (QĐ điều chỉnh 2023)	2023 – 2025	GẦN XONG	Đoạn TP.HCM thông xe 19/4/2025. Kết nối cảng Cái Mép với sân bay Long Thành.
7	Đường sắt tốc độ cao Bắc – Nam	Đường sắt	Ga Ngọc Hồi (HN) –Ga Thủ Thiêm (HCM) (1.541 km, 20 tỉnh)	1.713.548 tỷ đồng (NQ 265/2025/QH15 – ≈ 67,34 tỷ USD)	2027 – 2035	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ	QH thông qua NQ265/2025. Chuẩn bị khởi công 2027. Dự án thế kỷ lớn nhất lịch sử VN.
8	Cảng Lạch Huyện (Bến container 5–6)	Cảng biển	Hải Phòng, Khu bến Lạch Huyện	14.000 tỷ đồng (vốn ngoài ngân sách – doanh nghiệp cảng)	2023 – 2025	HOÀN THIỆN	Bến 5–6 khai thác 2025. Tàu container lớn nhất TG cập cảng trực tiếp, xuất thẳng EU/Mỹ.
9	Cao tốc Châu Đốc – Cần Thơ – Sóc Trăng	Cao tốc	An Giang – Cần Thơ – Hậu Giang – Sóc Trăng (188 km)	44.691 tỷ đồng (NQ số 60/2021/QH15)	2023 – 2027	ĐANG THI CÔNG	Xương sống GT ĐBSCL. Nối CK Tịnh Biên (Campuchia) – cảng Trần Đề (Biên Đông).
10	Metro Nhổn – Ga Hà Nội (Tuyến 3, đoạn 3.1)	Metro	Hà Nội (12,5 km, 8 ga trên cao + 4 ga ngầm)	34.826,05 tỷ đồng (điều chỉnh từ ước tính 34.670 tỷ)	2010 – 2027	ĐANG VẬN HÀNH	Đoạn trên cao vận hành thương mại 2025. Đoạn ngầm hoàn thành sau 2026.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2025

Tổng quan TTCK năm 2025

Đơn vị: Điểm



Nguồn: FiinPro, DSC tổng hợp

VN-Index kết năm 2025 đạt mốc 1.784,49 điểm (tăng 517,71 điểm, tương đương 40,87% so với năm 2024). Đây là mức tăng kỷ lục của VN-Index trong lịch sử. Tuy nhiên, nếu loại trừ 4 cổ phiếu của nhóm VinGroup (bao gồm VIC, VHM, VRE, VPL), VN-Index kết thúc năm 2025 với mức điểm 1.343,5 điểm, tương đương mức tăng 13.8% so với năm 2024.

Giai đoạn 1: 02/01/2025 – 29/04/2025

Giai đoạn đầu năm 2025 của thị trường chứng khoán Việt Nam chứng kiến nhiều sự biến động khi các rủi ro địa chính trị vẫn hiện hữu, tình hình chiến tranh thương mại bắt đầu căng thẳng kể từ khi Donald Trump tái đắc cử vị trí Tổng thống Mỹ. Vào tháng 4/2025, Tổng thống Trump đã áp thuế đối ứng (reciprocal tariff) đối với các đối tác thương mại đang có thâm hụt thương mại với Mỹ, trong đó có Việt Nam với mức thuế ban đầu là 46%, sau đó nhờ các nỗ lực đàm phán từ Việt Nam với cam kết làm rõ nguồn gốc các mặt hàng xuất khẩu sang Mỹ thì Việt Nam đã hạ được mức thuế quan xuống mức 20%. Ở thời điểm công bố mức thuế đối ứng áp lên Việt Nam, VN-Index đã có những phản ứng rất tiêu cực nhưng sau khi có thông tin tạm hoãn áp thuế đối ứng thì thị trường đã có sự phục hồi mạnh mẽ và ổn định trở lại để kết thúc nửa đầu năm đầy biến động và thách thức.

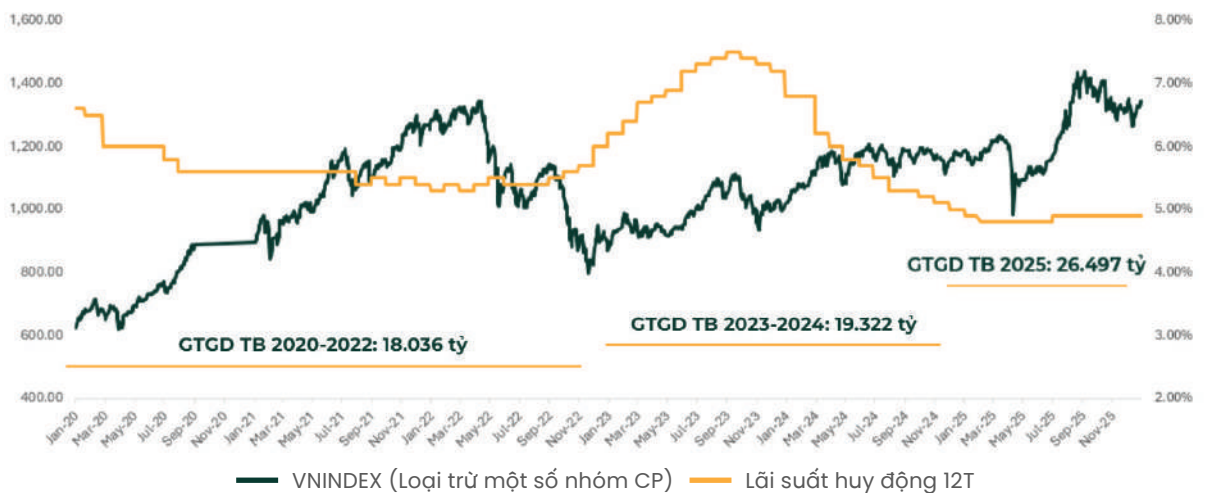
Giai đoạn 2: 05/05/2025 – 31/12/2025

Sau khi biến động từ thuế quan đã phần nào dịu đi thì Thị trường chứng khoán Việt Nam liên tiếp đón nhận những thông tin tích cực.

Vào ngày 05/05/2025, hệ thống KRX chính thức được đưa vào hoạt động, đem lại nhiều thay đổi tích cực cho thị trường:

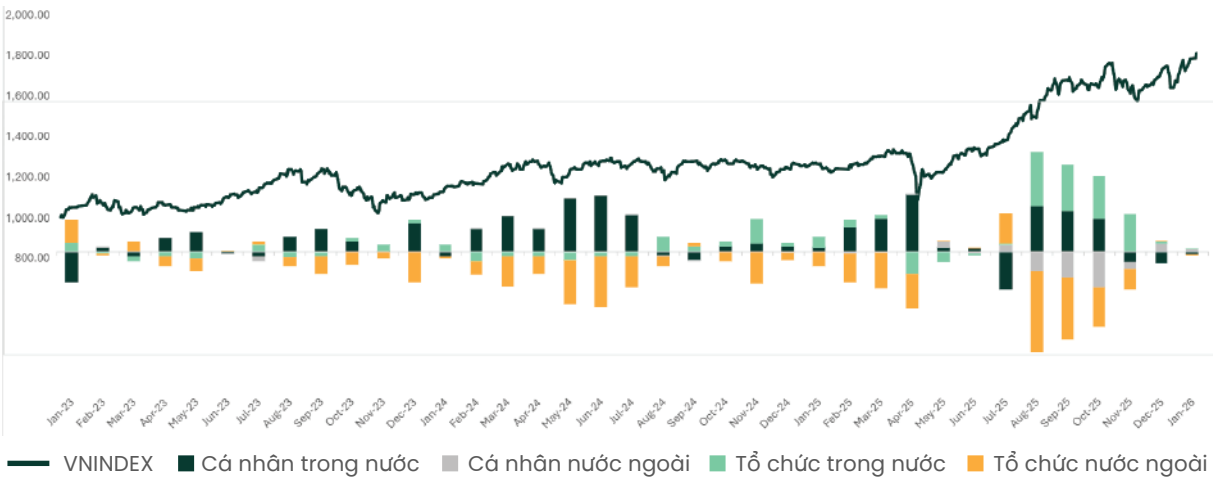
- Tăng tính thanh khoản và tốc độ giao dịch
- Tăng tính minh bạch và an toàn của hệ thống
- Có thể rút ngắn thời gian thanh toán khi điều kiện cho phép
- Đa dạng hóa sản phẩm giao dịch
- Đơn giản hóa quy trình hỗ trợ cho Nhà đầu tư nước ngoài
- Vai trò chiến lược để đáp ứng tiêu chí nâng hạng thị trường lên thị trường mới nổi

Tiếp đó, ngày 07/10/2025, FTSE Russell thông báo chính thức nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam từ Thị trường cận biên (Frontier Market) lên Thị trường mới nổi (Emerging Market), đánh dấu một năm bước ngoặt của TTCK Việt Nam, mở ra một thời kỳ mới cho sự phát triển.



Nguồn: Fiinpro, DSC tổng hợp

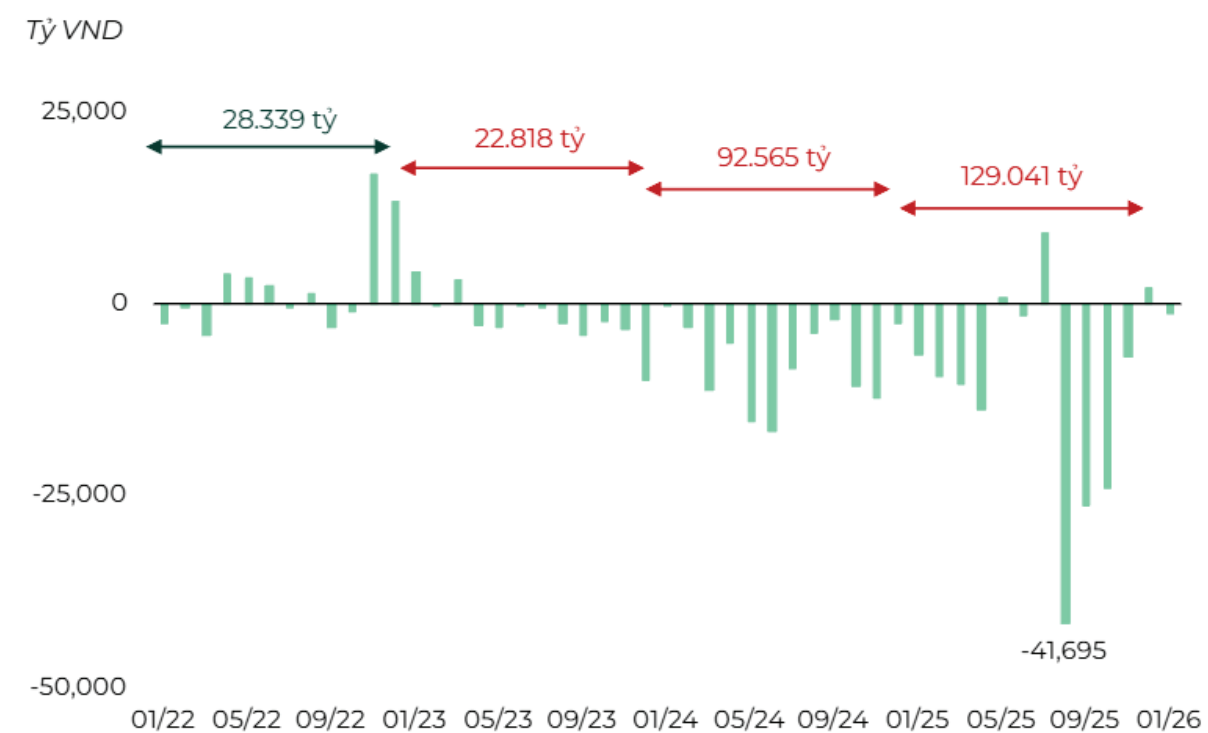
VNINDEX & Cơ cấu mua/bán theo đầu tư



Giá trị giao dịch bình quân toàn thị trường đạt 26,497 nghìn tỷ đồng, cao hơn mức 21,1 nghìn tỷ đồng năm 2024. Mặc dù thanh khoản đã cải thiện hơn nhiều với sự góp mặt thêm nhóm Tổ chức trong nước, VN-Index vẫn có nhiều sự biến động ngắn hạn do sự biến động của nhóm cổ phiếu VinGroup.

Giá trị Khối ngoại mua/bán ròng

Nguồn: Fiinpro, DSC tổng hợp - Đơn vị: Tỷ VNĐ



Khối ngoại vẫn tiếp tục xu hướng bán ròng trong năm 2025 khi giá trị bán ròng lên đến 129,041 nghìn tỷ đồng, với tỷ lệ sở hữu của Khối ngoại trên thị trường về mức thấp kỷ lục là 13,97%. Tuy nhiên nếu tính các khoản đầu tư chiến lược của NĐT nước ngoài thì dư địa bán của Khối ngoại đã không còn quá nhiều.

Tỷ lệ sở hữu Khối ngoại và Tỷ giá

Nguồn: Fiinpro, DSC tổng hợp

Đơn vị: % và VNĐ



BÁO CÁO & ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

“Khẳng định vị thế – Tối ưu giá trị cốt lõi”

Kính thưa Quý Cổ đông, Khách hàng và Đối tác,

Năm 2025 đánh dấu một chương mới đầy năng động của nền kinh tế Việt Nam mang tên Đổi Mới 2.0. DSC chọn cho mình một tâm thế chủ động: Không chỉ thích nghi mà còn phải tiên phong dẫn dắt trong những phân khúc chiến lược.

Chúng tôi kiên định với triết lý duy trì chất lượng tài sản, chất lượng kinh doanh, không chạy đua theo quy mô hoạt động và phát triển thông qua đồng hành cùng các Doanh nghiệp “hạt nhân” kinh tế có năng lực cạnh tranh rõ nét. Theo đó, số hóa trong hoạt động môi giới và chăm sóc khách hàng, chặt chẽ trong quản trị rủi ro cho vay ký quỹ và duy trì tăng trưởng thông qua hoạt động tự doanh và Ngân hàng đầu tư là các lựa chọn kinh doanh có tính chiến lược.

Kết quả kinh doanh năm 2025 – Minh chứng cho sự hiệu quả:

Giữa bối cảnh thị trường cạnh tranh khốc liệt, DSC đã đạt được những con số tăng trưởng ấn tượng, vượt xa kỳ vọng:



Hoàn thành **122,70%** kế hoạch.



Cán đích **132,20%** kế hoạch năm.



1. Hoạt động Kinh doanh nguồn vốn: Hiệu quả

Trong bối cảnh các công ty chứng khoán ngoại đang dồn lực cạnh tranh bằng quy mô vốn và lãi suất thấp, DSC chọn hướng đi tập trung vào **chất lượng khoản vay và tính an toàn trong thu hồi vốn**. Đặt trong quy mô nguồn vốn hiện tại, chúng tôi đã thực hiện chiến lược cho vay chọn lọc.

Theo đó, trọng tâm giải ngân được đặt vào nhóm cổ phiếu VN30 và các doanh nghiệp đầu ngành Tài chính – Ngân hàng. Sự phối hợp đa chiều giữa Bộ phận Quản trị rủi ro và Bộ phận Kinh doanh đã tạo nên một cơ chế kiểm soát “kép”, đảm bảo tính thanh khoản và bảo toàn vốn tuyệt đối trong mọi biến động của thị trường.

2. Môi giới và Trải nghiệm số: Lợi thế của người đi sau

Với vị thế một CTCK tái khởi động chỉ trong 3 năm, chúng tôi xem việc “xây dựng lại từ đầu” là một cơ hội vàng để áp dụng những công nghệ tiên tiến nhất mà không bị cản trở bởi các rào cản hệ thống cũ.

Hệ sinh thái số gồm **DSC Trade Pro, DSC Tư vấn số và DSC Đào tạo số** đã trở thành những điểm chạm chiến lược, chuyển hóa bất lợi về quy mô nhân sự truyền thống thành lợi thế về tốc độ và sự tiện ích, giúp tối ưu hóa trải nghiệm cho thế hệ nhà đầu tư mới (Gen Z và Millennials).

3. Ngân hàng đầu tư (IB): Bước đi chiến lược trong hệ sinh thái

Việc ghi nhận doanh thu mảng IB tăng trưởng đột biến so với năm 2024 không chỉ mang lại lợi ích kinh tế trực tiếp mà còn giúp DSC xây dựng một hồ sơ năng lực (track record) thực chiến, minh chứng cho khả năng xử lý các thương vụ phức tạp, tạo tiền đề để vươn rộng ra các đối tác bên ngoài hệ sinh thái.

4. Tự doanh và Quản lý tài sản: Định hướng Alpha bền vững

Chúng tôi nhận định thị trường chứng khoán ngày càng phân hóa sâu sắc. DSC tận dụng quy mô vốn linh hoạt để tìm kiếm các cơ hội đầu tư mang lại lợi nhuận vượt trội (Alpha). **Trong giai đoạn thị trường chuyển dịch sang mô hình quản lý tài sản chuyên nghiệp (Wealth Management), việc mở rộng sang mảng ủy thác đầu tư là bước chuẩn bị tất yếu để đón đầu dòng vốn từ các cá nhân có tài sản lớn (HNWIs) tại Việt Nam.** Đây chính là nền móng để DSC chuyển mình từ một đơn vị môi giới thuần túy thành một định chế quản lý tài sản toàn diện.

Chi tiết về hoạt động của các bộ phận sẽ được trình bày cụ thể trong các phần tiếp theo.

Tình hình tài chính 2025 của DSC

Năm 2025, thị trường chứng khoán tiếp tục ghi nhận sự đan xen giữa cơ hội và thách thức. Trong bối cảnh đó, Ban Lãnh đạo DSC đã chủ động điều hành linh hoạt, bám sát diễn biến thị trường, tối ưu hóa hoạt động kinh doanh, nhờ đó DSC duy trì đà tăng trưởng ổn định, nổi tiếp xu hướng tích cực đã được xây dựng trong 2–3 năm gần đây. Đến cuối năm 2025, Tổng tài sản của DSC đạt **7.059,96** tỷ đồng, VCSH đạt **3.026,86** tỷ đồng, tăng lần lượt **22%** và **26%** so với năm 2024. Vị thế của DSC cũng từng ngày vươn lên trong nhóm các CTCK mới nổi.

Công ty đã chọn ra được đường hướng và chiến lược phát triển đột phá nhưng bền vững, dựa trên bộ đệm vững chắc mà Công ty đã dày công xây dựng trong 4 năm qua, tạo ra động lực tăng trưởng mạnh mẽ.

Tình hình tài chính

Thay đổi trong cơ cấu tài sản

Nguồn DSC

	Đơn vị	2025	2024	Thay đổi
Tài sản ngắn hạn	Triệu VNĐ	5.756.140	4.083.141	22%
Tài sản dài hạn	Triệu VNĐ	38.935	36.150	8%
Tổng tài sản	Triệu VNĐ	7.059.958	5.792.290	22%
Nợ phải trả ngắn hạn	Triệu VNĐ	4.025.976	3.388.257	19%
Nợ phải trả dài hạn	Triệu VNĐ	7.123	2.350	203%
Nợ phải trả	Triệu VNĐ	4.033.099	3.390.607	19%
Vốn chủ sở hữu	Triệu VNĐ	3.026.858	2.401.683	26%
Tổng nguồn vốn	Triệu VNĐ	7.059.958	5.792.290	22%

Cơ cấu tổng tài sản thời điểm cuối năm 2025

Nguồn: DSC

Chỉ tiêu tài sản	Tỉ trọng trong cơ cấu tài sản
Tiền và tương đương tiền	4,38%
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	47,02%
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	6,12%
Các khoản cho vay (đã dự phòng suy giảm giá trị TS thế chấp)	40,36%
Tài sản tài chính khác	1,15%
Trả trước cho người bán	0,06%
Các khoản phải thu (đã dự phòng suy giảm giá trị)	0,01%
Tài sản ngắn hạn khác	0,35%
Tài sản cố định	0,17%
Tài sản dài hạn khác	0,38%

○ **Tại ngày 31/12/2025, Tổng tài sản tăng trưởng 22% đạt trên 7.060 tỷ VNĐ. Trong đó, tài sản ngắn hạn chiếm hầu hết (99%) tổng tài sản, chủ yếu nằm ở tài sản tài chính.**

Cụ thể, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) đạt 3.319 tỷ VNĐ, chiếm 47% tổng tài sản; các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) đạt 432 tỷ VNĐ, chiếm 6,1% tổng tài sản; và các khoản cho vay (sau khi đã trích lập dự phòng suy giảm giá trị tài sản đảm bảo) đạt 2.849 tỷ VNĐ, chiếm 40% tổng tài sản. Các khoản đầu tư nêu trên bao gồm chứng chỉ tiền gửi do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành (VietinBank), cùng với các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 01 năm. Đây đều là các tài sản có mức độ an toàn cao, rủi ro thấp và có tính thanh khoản tốt, được DSC lựa chọn nhằm duy trì nguồn vốn sẵn sàng, phục vụ kế hoạch mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm 2026.

○ **Hoạt động cho vay ký quỹ tiếp tục ghi nhận sự tăng trưởng tích cực so với năm 2024.**

Tại thời điểm 31/12/2025, dư nợ cho vay ký quỹ của Công ty đạt 2.794 tỷ đồng, tăng 34% so với đầu năm. Sự gia tăng dư nợ cho vay margin chủ yếu đến từ sự cải thiện tâm lý của nhà đầu tư cá nhân trong nước trong bối cảnh mặt bằng lãi suất duy trì ở mức thấp, dòng tiền có xu hướng dịch chuyển từ kênh tiền gửi sang thị trường chứng khoán – kênh đầu tư có mức sinh lời kỳ vọng cao hơn. Bên cạnh đó, thanh khoản thị trường cải thiện và diễn biến giao dịch sôi động hơn cũng góp phần thúc đẩy nhu cầu sử dụng đòn bẩy tài chính của nhà đầu tư. Cùng với diễn biến thị trường thuận lợi, DSC triển khai các chính sách cho vay linh hoạt, có tính cạnh tranh và phù hợp với khẩu vị rủi ro, qua đó hỗ trợ khách hàng tối ưu hóa hiệu quả giao dịch. Đồng thời, Công ty duy trì hệ thống quản lý rủi ro chặt chẽ, tăng cường công tác giám sát, dự báo sớm và xử lý kịp thời trong các giai đoạn thị trường biến động mạnh, nhằm hạn chế rủi ro phát sinh đối với khách hàng và Công ty. Trong năm 2025, hoạt động cho vay ký quỹ không phát sinh nợ xấu và nợ quá hạn, chất lượng dư nợ ký quỹ được kiểm soát tốt, góp phần đảm bảo tăng trưởng đi đôi với an toàn, đồng thời đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn giao dịch ngày càng gia tăng của khách hàng.

○ **Trong năm 2025, DSC đã hoàn tất việc tăng vốn điều lệ theo kế hoạch, qua đó củng cố nền tảng vốn chủ sở hữu và nâng cao năng lực tài chính.**

Nguồn vốn tăng thêm được Công ty phân bổ linh hoạt, phục vụ cho hoạt động kinh doanh cốt lõi, đặc biệt là cho vay ký quỹ, đồng thời tạo nền tảng tài chính vững chắc cho các kế hoạch mở rộng hoạt động trong thời gian tới.

○ **Tại thời điểm 31/12/2025, nợ phải trả của DSC đạt 4.033 tỷ đồng, tăng 19% so với cùng kỳ năm trước**

Phản ánh nhu cầu sử dụng vốn vay gia tăng nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh. Mặc dù quy mô vốn vay tăng, Công ty vẫn duy trì khả năng thanh khoản ở mức cao, không phát sinh rủi ro thanh khoản và không để xảy ra tình trạng chậm thanh toán nghĩa vụ với các tổ chức tín dụng. Trong năm, DSC linh hoạt trong việc lựa chọn kỳ hạn vay nhằm tối ưu hóa chi phí lãi vay trên cơ sở đánh giá và dự báo diễn biến của mặt bằng lãi suất thị trường. Bên cạnh đó, việc cân đối kỳ hạn giữa các nguồn vốn vay và danh mục tài sản được thực hiện chặt chẽ, qua đó đảm bảo đồng thời các mục tiêu về thanh khoản, chi phí vốn và hiệu quả sử dụng vốn.

Các chỉ số tài chính quan trọng

Nguồn: DSC

Chỉ số tài chính	Đơn vị	2024	2023
Chỉ số về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,74	1,740
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,74	1,70
Chỉ số về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ phải trả / Tổng tài sản	Lần	0,59	0,59
Hệ số Nợ phải trả / Vốn CSH	Lần	1,33	0,41
Chỉ số về năng lực hoạt động			
Vòng quay tổng tài sản	Lần	0,10	0,9
Chỉ số về khả năng sinh lời			
Hệ số LNST/ Doanh thu thuần	%	39,6%	35,2%
Hệ số LNST/ Vốn CSH	%	9,1%	7,4%
Hệ số LNST/ Tổng tài sản	%	3,9%	3,1%
Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	49,5%	43,9%

○ **Các chỉ số về khả năng thanh toán** của DSC tiếp tục được duy trì ở mức an toàn, với hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh đạt khoảng 1,74 lần, tăng nhẹ so với năm trước. Mức chỉ số này cho thấy Công ty duy trì nền tảng thanh khoản ổn định, đủ khả năng đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đến hạn, đồng thời chủ động nắm bắt các cơ hội đầu tư ngắn hạn trong điều kiện thị trường thuận lợi hơn.

○ **Cơ cấu vốn** có xu hướng cải thiện theo hướng thận trọng hơn, thể hiện qua việc hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản giảm xuống 0,57 lần và hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu giảm còn 1,33 lần. Mặc dù quy mô nợ vay tăng (chủ yếu là nợ ngắn hạn phục vụ hoạt động kinh doanh), áp lực trả nợ của DSC không lớn, nhờ khả năng thanh toán ổn định và tỷ trọng tài sản ngắn hạn có tính thanh khoản cao ở mức hợp lý.

○ **Về năng lực hoạt động**, do đặc thù hoạt động của công ty chứng khoán không phát sinh hàng tồn kho, chỉ số vòng quay tổng tài sản năm 2025 đạt 0,10 lần, cải thiện so với mức 0,09 lần của năm 2024. Chỉ số này phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản được nâng lên, phù hợp với sự gia tăng quy mô doanh thu trong năm.

○ **Khả năng sinh lời** tiếp tục được cải thiện rõ rệt trong năm 2025, trong bối cảnh thị trường chứng khoán có nhiều tín hiệu tích cực hơn so với năm trước. Nhờ cơ cấu doanh thu hợp lý, đóng góp lớn từ các mảng hoạt động có biên lợi nhuận cao và việc kiểm soát chi phí hiệu quả, các chỉ tiêu sinh lời như biên lợi nhuận ròng, ROE và ROA đều ghi nhận mức tăng so với năm 2024, phản ánh chất lượng tăng trưởng tích cực và bền vững hơn.

KẾT QUẢ KINH DOANH 2025

Tổng doanh thu thuần

695,01 tỷ VND

Lợi nhuận trước thuế

344,03 tỷ VND

Lợi nhuận sau thuế

275,2 tỷ VND

Trong năm 2025, DSC ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực, tiếp nối đà tăng trưởng được duy trì trong những năm gần đây. Tổng doanh thu thuần đạt **695,01 tỷ VNĐ, tăng 38.14%** so với năm 2024. Lợi nhuận trước thuế đạt **344,03 tỷ VNĐ, tăng 55,89%** và vượt kế hoạch kinh doanh đã đề ra. Lợi nhuận sau thuế đạt **275,2 tỷ VNĐ**, tăng trưởng tương ứng, phản ánh hiệu quả trong chiến lược kinh doanh và công tác điều hành của Công ty. Sự đóng góp đến từ Tự Doanh, Ủy thác và Tư vấn đầu tư và dịch vụ Ngân hàng đầu tư.

Phân tích

Trong năm 2025, Công ty ngày càng cải thiện và thực hiện hoạt động quản trị một cách nghiêm ngặt, đảm bảo hoạt động an toàn và ổn định. Trong năm 2025 dư nợ cho vay kỳ quỹ của Công ty đã có sự tăng trưởng và có những thách thức cũng như rủi ro liên quan đến hệ thống, Công ty vẫn duy trì hoạt động ổn định, thông suốt, không có phát sinh nợ xấu từ hoạt động cho vay kỳ quỹ, bảo vệ không những tài sản của Nhà đầu tư mà còn bảo vệ quyền lợi của Nhà đầu tư và lợi ích của các cổ đông của Công ty.

Đồng thời, trong năm 2025, hệ thống KRX đã được triển khai và Công ty đã triển khai hệ thống KRX một cách nhanh chóng, hiệu quả, đảm bảo quá trình vận hành diễn ra suôn sẻ. Việc này góp phần nâng cao năng lực xử lý giao dịch và củng cố nền tảng công nghệ phục vụ cho sự phát triển bền vững trong tương lai.

Kết quả kinh doanh

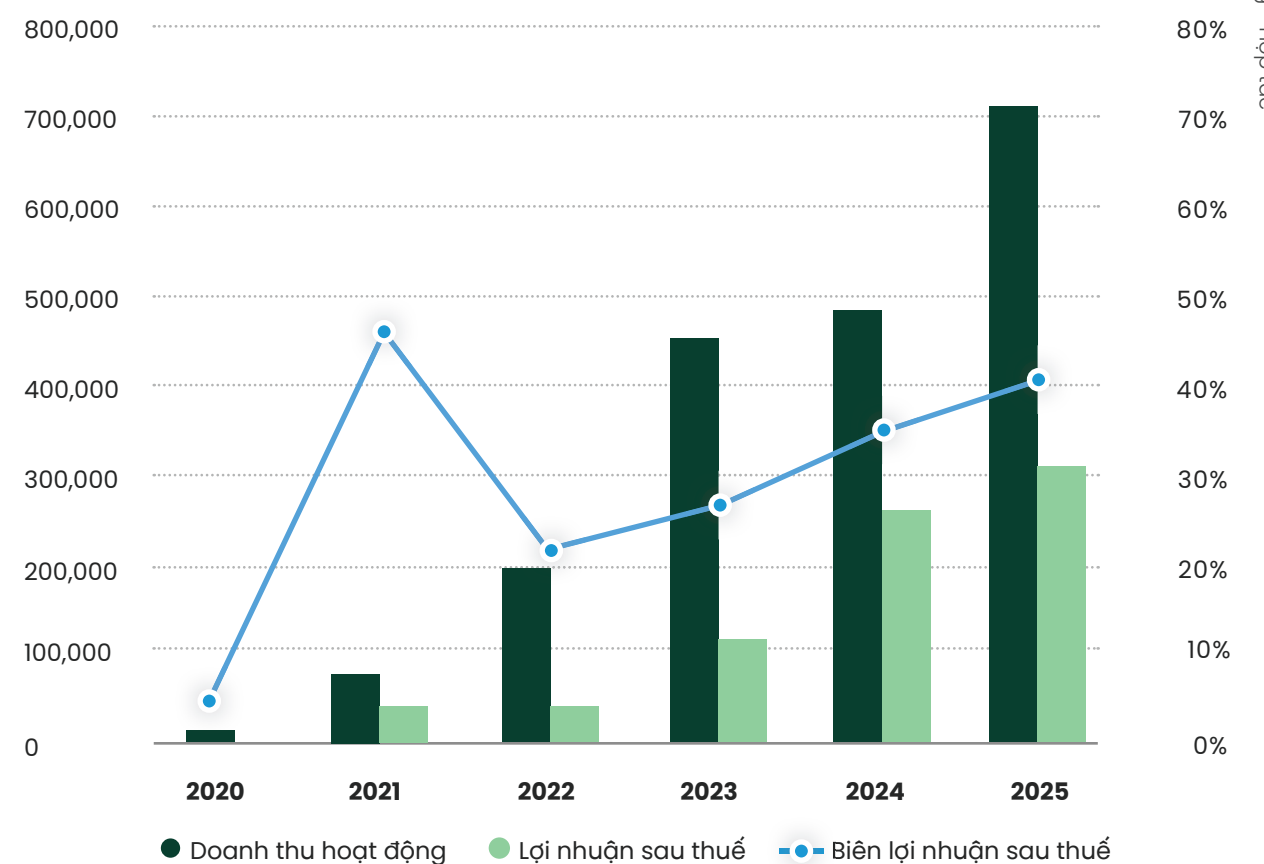
Trải qua hơn 20 năm hình thành và phát triển, cùng với việc thích ứng trước các biến động của thị trường chứng khoán, DSC kiên định theo đuổi chiến lược đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ trên các mảng kinh doanh cốt lõi. Các hoạt động chính của Công ty bao gồm Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Tổ chức (môi giới, lưu ký, tư vấn đầu tư), Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư (tư vấn tài chính cho khách hàng doanh nghiệp), cùng Đầu tư, Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính.

Với định hướng cung cấp giải pháp tài chính trọn gói, DSC hướng tới việc hỗ trợ khách hàng tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn và nâng cao tính linh hoạt trong hoạt động đầu tư, kinh doanh. Song song với đó, Công ty tiếp tục ưu tiên nguồn lực cho nghiên cứu và phát triển sản phẩm, đồng thời đầu tư nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin và nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự, nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu đa dạng của khách hàng và yêu cầu phát triển trong giai đoạn tới.

Kết quả kinh doanh giai đoạn 2020 – 2025

Đơn vị: Triệu đồng

Mô rộng - Hộp tác



Kết quả kinh doanh so với năm trước

Nguồn: DSC

Chỉ tiêu	Đơn vị	2024	2023	Thay đổi
Doanh thu hoạt động	Triệu VNĐ	695.007	503.109	38%
Trong đó:				
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	Triệu VNĐ	263.177	179.127	47%
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	Triệu VNĐ	18.717	9.980	88%
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	Triệu VNĐ	253.429	197.292	28%
Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	Triệu VNĐ	0	0	-
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	Triệu VNĐ	113.783	103.975	9,4%
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	Triệu VNĐ	0	0	-
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	Triệu VNĐ	14.113	2.761	411,2%
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	Triệu VNĐ	3.707	3.143	18%
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	Triệu VNĐ	5.376	6.582	-18%
Doanh thu hoạt động khác		22.705	248	9.038%
Chi phí hoạt động	Triệu VNĐ	151.210	165.574	-9%
Lợi nhuận gộp hoạt động	Triệu VNĐ	543.797	337.536	61%
Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu VNĐ	4.030	2.506	61%
Chi phí hoạt động tài chính	Triệu VNĐ	150.450	71.933	109%
Chi phí quản lý	Triệu VNĐ	52.658	47.324	11%
Lợi nhuận khác	Triệu VNĐ	(693)	(13)	9.038%
Tổng LN kế toán trước thuế	Triệu VNĐ	344.027	220.772	56%
Chi phí thuế TNDN	Triệu VNĐ	68.832	43.883	57%
LN kế toán sau thuế	Triệu VNĐ	275.195	176.889	56%

Mức độ hoàn thành kế hoạch năm

Nguồn: DSC

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2025	Hoàn thành
Doanh thu hoạt động	Triệu VNĐ	695.007	503.109	123%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu VNĐ	275.195	208.223	132%

Kết thúc năm 2025, doanh thu hoạt động của DSC đạt 695 tỷ đồng, vượt 23% so với kế hoạch đề ra. Trong cơ cấu doanh thu, lãi từ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) và lãi từ các khoản cho vay và phải thu tiếp tục tăng trưởng với cùng kỳ năm trước, đồng thời là nguồn thu chủ đạo, lần lượt chiếm 38% và 36% tổng doanh thu hoạt động. Doanh thu từ nghiệp vụ tư vấn tài chính ghi nhận mức tăng trưởng đột biến, tăng hơn 411% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, trong năm 2025, Công ty triển khai thêm dịch vụ ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư, với tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài khoản bình quân của khách hàng đạt khoảng 24%, qua đó đóng góp hơn 22 tỷ đồng doanh thu cho Công ty.

Lợi nhuận sau thuế đạt 275 tỷ đồng, tăng 56% so với cùng kỳ năm trước và vượt 32% kế hoạch năm.

BÁO CÁO CHI TIẾT HOẠT ĐỘNG CÁC KHỐI NĂM 2025

Khối Khách hàng Cá nhân

"TỐI ƯU NỀN TẢNG - VỮNG VÀNG TRONG CHUYỂN DỊCH"

Trong cấu trúc chiến lược của DSC, Khối Khách hàng Cá nhân (KHCN) được định vị là nền tảng vận hành duy trì, đóng vai trò cầu nối thiết yếu giữa công ty và cộng đồng nhà đầu tư. Nhận diện rõ thị trường môi giới truyền thống đã bước vào giai đoạn bão hòa với sự cạnh tranh gay gắt về phí và lãi suất (Red Ocean), DSC không lựa chọn mở rộng bằng mọi giá. Thay vào đó, chúng tôi tập trung vào quản trị chiều sâu, tính bền vững và sự cẩn trọng để tạo ra dòng tiền ổn định, hỗ trợ lộ trình chuyển đổi mô hình kinh doanh của toàn Công ty

1. Hiệu suất vận hành trong một thị trường cạnh tranh

Năm 2025, thay vì chạy đua vũ trang về chi phí, Khối KHCN tập trung vào việc tối ưu hóa mạng lưới sẵn có để đạt được những chỉ số thực chất:

Tổng giá trị giao dịch tại DSC năm 2025 đạt 87.314.131.085.210 đồng, với thị phần môi giới khoảng 1,2%. Kết quả này phản ánh quá trình tái cấu trúc hiệu quả được triển khai từ năm 2021, giúp đưa DSC đi vào hoạt động hiệu quả từ năm 2022 đến nay.

Tăng trưởng dư nợ có chọn lọc: Dư nợ bình quân năm 2025 đạt 2.885,49 tỷ đồng (tăng 31,98% so với năm 2024). Trong bối cảnh làn sóng “Zero-fee” và hạ lãi suất Margin từ khối ngoại gây áp lực lớn lên biên lợi nhuận của toàn ngành, việc duy trì tốc độ tăng trưởng 30% mà vẫn đảm bảo lợi nhuận mục tiêu là minh chứng cho năng lực giữ chân khách hàng bằng chất lượng tư vấn.

Số hóa quy trình mở tài khoản: Thu hút hơn 3.200 tài khoản mở mới (+50% YoY), chủ yếu qua kênh eKYC, giúp giảm thiểu chi phí vận hành nhân sự trực tiếp trên mỗi đơn vị khách hàng.

2. Kỷ luật trong sử dụng vốn và Quản trị rủi ro

Đối với một đơn vị đặt nặng tính hiệu quả vốn như DSC, Khối KHCN thực hiện nhiệm vụ cân đối nguồn lực một cách nghiêm khắc:

- Tối ưu hóa lợi suất (Yield Management): Điều tiết linh hoạt tỷ trọng vốn giữa nhóm khách hàng cá nhân bán lẻ (biên lợi nhuận cao nhưng tính mùa vụ lớn) và nhóm khách hàng lớn. Mục tiêu cốt lõi là đảm bảo nguồn vốn luôn được “xoay vòng” tại những vị trí sinh lời tốt nhất.
- Hành lang an toàn: Sự phối hợp chặt chẽ giữa bộ phận kinh doanh và quản trị rủi ro giúp danh mục cho vay luôn nằm trong ngưỡng an toàn tuyệt đối. DSC áp dụng tiêu chuẩn kiểm soát rủi ro dựa trên dữ liệu (Data-driven Risk Management), cho phép phản ứng tức thời với các biến động của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, đặc biệt là nhóm tài chính ngân hàng.

3. củng cố hạ tầng và Kết nối có trọng tâm

Duy trì tính bền vững không đồng nghĩa với việc đứng yên. DSC tiếp tục đầu tư vào hạ tầng để nâng cao giá trị thương hiệu và chuẩn bị cho các bước đi dài hơi:

- Mở rộng nhân sự chọn lọc: Việc tuyển dụng tại TP. HCM và Đà Nẵng được thực hiện có mục tiêu, tập trung vào những nhân sự có kinh nghiệm quản lý tài sản, thay vì chỉ thuần túy môi giới phí giao dịch.
- Chuẩn hóa hạ tầng vật lý: Hoàn thiện nâng cấp Trụ sở chính tại Dịch Vọng Hậu và Hàm Long (Hà Nội). Đây không chỉ là nơi giao dịch mà là trung tâm định vị uy tín của DSC đối với các khách hàng lâu năm.
- Hoạt động Digital & Cộng đồng: Kết nối trực tiếp với nhà đầu tư qua các sự kiện tại Đà Nẵng và TP. HCM nhằm lan tỏa tư duy “Đầu tư bền vững” – một hướng đi giúp DSC tách biệt khỏi cuộc chiến hạ giá đơn thuần trên thị trường.

Các rủi ro của khối MG:

- **Rủi ro cạnh tranh:** Sự cạnh tranh giữa các công ty chứng khoán ngày càng gay gắt cả về phí và lãi suất margin. Năm 2025 các công ty chứng khoán nhằm lôi kéo KH cạnh tranh từng chút về phí, và chỉ vài điểm phần trăm lãi suất. Cũng nhờ được sự ủng hộ và hỗ trợ từ ban lãnh đạo nên Khối MG cũng tăng cường được sức cạnh tranh và thu hút được nhiều KH lớn.
- **Rủi ro trong hoạt động của các cá nhân trong khối:** Do sự phát triển mạnh của internet và tư vấn online, nên có những lúc các cá nhân chưa nắm bắt hết được các quy định về an ninh mạng, và phát ngôn, cũng như quyền riêng tư khi tư vấn online. Khối khắc phục bằng cách hướng dẫn và trao đổi thêm về các quy định cập nhật.
- **Rủi ro khi đặt lệnh cho KH:** Do cần phải có sự linh hoạt, và kịp thời khi đặt lệnh cho KH, nên nhiều khi KH chỉ gọi điện hoặc nhắn tin cho MG qua các phần mềm nhắn tin để nhờ đặt lệnh giúp mà chưa có phiếu lệnh, tạo rủi ro trong hoạt động của các cá nhân MG. Hướng khắc phục là cần nhờ KH nhắn tin rõ ràng, đồng thời thực hiện xác nhận lệnh sớm nhất có thể.

Đánh giá của GĐMG về tình hình thị trường chứng khoán thế giới và trong nước năm 2025:

- Năm 2025 là 1 năm có nhiều biến động lớn trên thị trường thế giới, nhất là khi Tổng thống Trump áp đặt hàng loạt các thuế đối ứng lên nhiều quốc gia trên thế giới trong đó có VN. Tuy nhiên sau biến cố thuế quan thị trường chứng khoán của nhiều nước trên thế giới vẫn tiếp tục tăng trưởng mạnh và vượt đỉnh, diễn hình như chỉ số Dow Jones của Mỹ, hay Nikkei 225 của Nhật...
- Ở TTCK VN sau biến cố thuế quan vào tháng 4, thị trường đã hồi phục rất nhanh và đã lên tới đỉnh cao mới với mức cao nhất lên tới 1.794,58 điểm. Và hiện đang ở vùng 1600 – 1700 điểm.
- Trong năm 2025, hoạt động MG của DSC cũng khá hiệu quả khi đã đạt và vượt các chỉ tiêu doanh thu.

Ngoài ra, Công ty tiếp tục tối ưu hóa hệ thống và cải tiến quy trình nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng, từ đó giữ vững sự gắn kết và lòng trung thành của nhà đầu tư.

KHỐI TƯ VẤN SỐ

“ĐỘT PHÁ CÔNG NGHỆ – TỐI ƯU TRẢI NGHIỆM TỰ DOANH”

Trong lộ trình chuyển đổi số của DSC, Khối Tư vấn số (TVS) đóng vai trò là hạt nhân tiên phong, vận hành theo mô hình kinh doanh độc lập và tinh gọn. Đây là lời giải của DSC cho bài toán phục vụ tệp khách hàng đại chúng (Mass Market) thông qua sự kết hợp giữa trí tuệ con người và sức mạnh công nghệ, tạo nên một dải sản phẩm song hành và cộng hưởng cùng mô hình môi giới truyền thống.

1. Định vị chiến lược: “Cá nhân hóa” trong sự “Tập trung”

Khác với mô hình môi giới truyền thống tập trung vào sự tương tác cá nhân (High-touch), Khối TVS hướng tới sự tối ưu hóa thông qua các khuyến nghị tập trung từ đội ngũ chuyên gia chuyên trách.

- **Mô hình tự phục vụ (Self-service):** Khách hàng chủ động hoàn toàn trong các thao tác hành chính và giao dịch thông qua nền tảng số và hệ thống tổng đài tự động.
- **Đồng nhất chất lượng:** Mọi tư vấn đều được kiểm soát chặt chẽ về mặt chuyên môn, đảm bảo tính khách quan, độc lập và xuyên suốt, loại bỏ những sai lệch thông tin cá nhân hóa không cần thiết.
- **Chiến lược đa kênh (Multi-channel):** Việc tách bạch phân khúc giúp DSC bao phủ toàn diện thị trường: Khối TVS tập trung vào nhóm khách hàng ưu tiên sự tinh gọn, độc lập và chi phí thấp; trong khi đó, Khối KHCN tiếp tục phát huy thế mạnh chăm sóc chuyên sâu cho phân khúc khách hàng chuyên nghiệp.

2. Sản phẩm cốt lõi: “Bình dân hóa” Tri thức chuyên sâu

Với sự tham gia trực tiếp từ các chuyên gia của Khối Phân tích, Khối TVS đã thực hiện sứ mệnh “Bình dân hóa” các báo cáo nghiên cứu phức tạp, chuyển hóa chúng thành những thông tin gần gũi, dễ tiếp cận nhưng vẫn giữ nguyên giá trị cốt lõi:

- **Khuyến nghị đầu tư định kỳ:** Tập trung vào danh mục cổ phiếu Bluechips có thanh khoản cao, dựa trên Universe Đầu tư do Khối Phân tích sàng lọc, đánh giá và theo dõi liên tục.
- **Hỗ trợ ra quyết định chiến lược:** Cung cấp hệ thống báo cáo vĩ mô và ngành hàng quý. Đặc biệt, các phân tích về tác động của thuế quan và lộ trình nâng hạng thị trường đã hỗ trợ nhà đầu tư có cái nhìn dài hạn và chủ động trước các biến số vĩ mô.
- **Nâng cao năng lực tự chủ:** Hoạt động đào tạo trực tuyến về chính sách và kiến thức thị trường (như cập nhật các Nghị quyết mới về xử lý nợ xấu và thị trường vốn) đã nhận được phản hồi tích cực với tỷ lệ hài lòng đạt 90%.

3. Kết quả vận hành: Tăng trưởng bùng nổ

Tính đến cuối năm 2025, hệ thống Tư vấn số đã khẳng định sức hút mạnh mẽ với những con số ấn tượng:

- **Quy mô khách hàng:** Phục vụ hơn **4.000 khách hàng** có giao dịch thực (Active Accounts)
- **Tốc độ tăng trưởng:** Duy trì ở mức **120%/năm** trong năm 2025.

Nhận thấy nhu cầu về một mô hình môi giới tinh gọn (Discounted Broker) đi kèm chất lượng tư vấn chuyên sâu vẫn là dòng chảy chủ lưu của thị trường, trong giai đoạn tới, DSC sẽ tiếp tục triển khai đầu tư mạnh mẽ vào trí tuệ nhân tạo (AI) để nâng cao khả năng phân tích hành vi và cá nhân hóa trải nghiệm người dùng trên quy mô lớn.

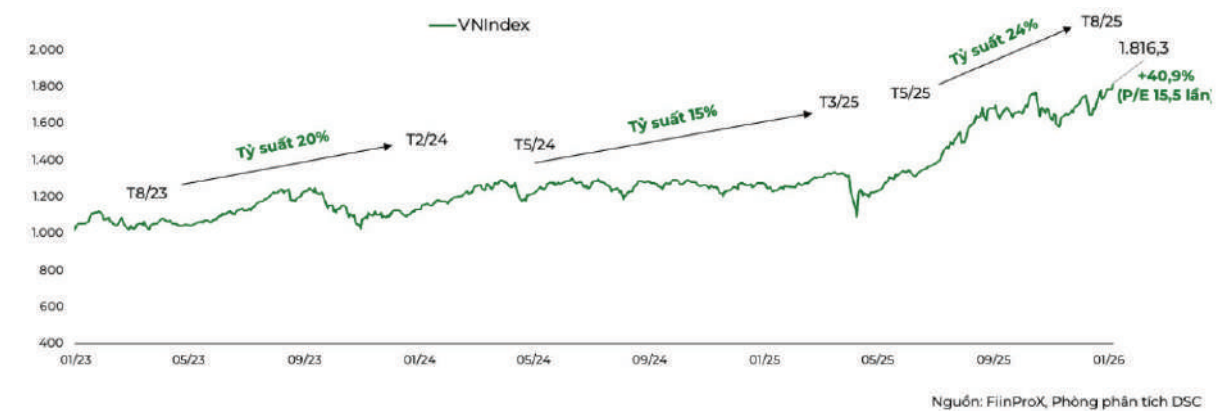
KHỐI TỰ DOANH VÀ ỦY THÁC ĐẦU TƯ

“BẢN LĨNH QUẢN TRỊ – ĐỒNG HÀNH VỊ THẾ”

Năm 2025 là một “bản kiểm chứng” thực tế cho năng lực thích nghi của DSC trước những biến số vĩ mô phức tạp. Thị trường chứng khoán chứng kiến những nhịp rung lắc mạnh mẽ: từ sự lạc quan của VN-Index trong nửa đầu năm, đến những áp lực tỷ giá và tâm lý bất ổn sau tuyên bố áp thuế quan của Chính phủ Mỹ. Trong bối cảnh khối ngoại duy trì đà bán ròng và sự phân hóa sâu sắc giữa các nhóm cổ phiếu trụ cột như Vingroup hay Tài chính – Ngân hàng, DSC đã kiên định với chiến lược: Quản trị rủi ro là ưu tiên hàng đầu để tạo ra tỷ suất sinh lời bền vững.

1. Hoạt động Tự doanh: Kỳ luật và Hiệu quả tuyệt đối

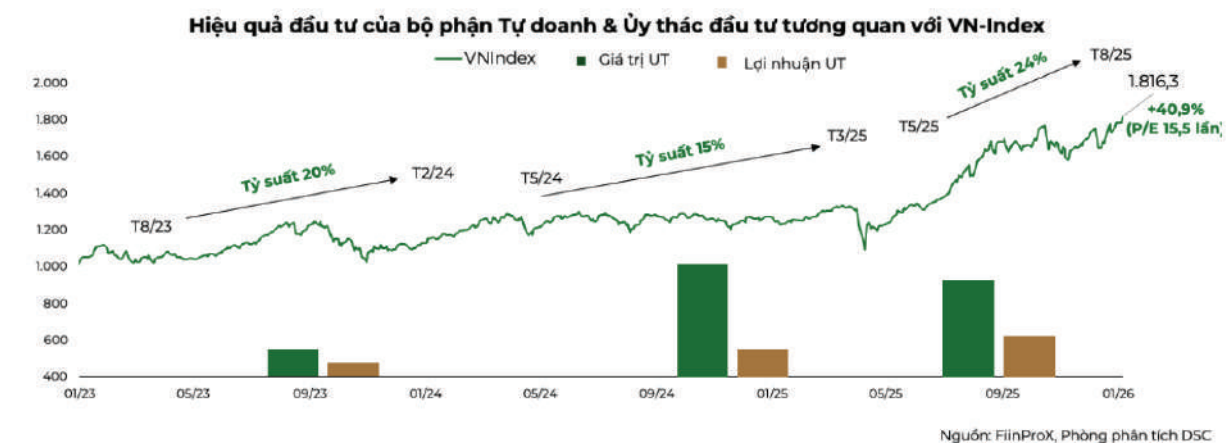
Hiệu quả đầu tư của bộ phận Tự doanh tương quan với VN-Index



Trong bối cảnh thị trường biến động, Khối Tự doanh đã chứng minh được sự nhạy bén trong việc luân chuyển dòng vốn. Chúng tôi không theo đuổi việc giao dịch dàn trải mà tập trung vào các doanh nghiệp có nền tảng quản trị minh bạch và hưởng lợi từ nội lực kinh tế Việt Nam.

- **Hiệu suất ấn tượng:** Ghi nhận tỷ suất đầu tư xấp xỉ 30%, vượt trội đáng kể so với mức tăng trưởng của VN-Index.
- **Quản trị chu kỳ:** DSC đã thực hiện hai giai đoạn giải ngân chiến lược: (1) Giai đoạn tích lũy đầu năm và (2) Giai đoạn bút phá từ tháng 5 đến tháng 8/2025 (đạt hiệu suất 24%).
- **Kết quả tài chính:** Danh mục cổ phiếu niêm yết đóng góp trên 120 tỷ đồng lợi nhuận, cùng cổ vũng chắc cho kết quả kinh doanh chung của toàn Công ty.

2. Ủy thác đầu tư: Sản phẩm “May đo” cho phân khúc Doanh chủ



Nằm trong chiến lược đa tầng của DSC, hoạt động Ủy thác đầu tư được thiết kế riêng biệt để phục vụ tệp khách hàng **High Networth (HNWI)** và **Ultra High Networth (UHNWI)**. Đây là nhóm khách hàng có nhu cầu đặc thù, đòi hỏi sự tinh tế và tính bảo mật cao hơn so với phân khúc đại chúng.

- **Định vị khách hàng mục tiêu:** DSC tập trung vào nhóm **Khách hàng Doanh chủ**. Đây là những nhà đầu tư có nguồn tiền lớn, linh động, đề cao tính độc lập của tài sản cá nhân và không muốn gộp chung tài sản vào các quỹ mở truyền thống (pool).
- **Triết lý “Bảo vệ túi tiền”:** Khác với tư duy thuần túy “đánh bại chỉ số” (benchmark), chiến lược của chúng tôi tập trung vào **Lợi nhuận tuyệt đối và Hạn chế rủi ro sụt giảm (Down-side Risk Protection)**. Chúng tôi hiểu rằng với phân khúc Doanh chủ, việc bảo toàn vốn trong các giai đoạn biến động (như pha giảm sâu dưới 1.100 điểm vào tháng 4/2025) quan trọng hơn việc tìm kiếm lợi nhuận bằng mọi giá.
- **Cam kết “Skin in the game”:** Điểm khác biệt cốt lõi của DSC chính là sự đồng nhất trong chuyên môn. Mọi vị thế đầu tư của Khách hàng ủy thác đều dựa trên chính danh mục và tiêu chuẩn khắt khe mà Bộ phận Tự doanh áp dụng cho nguồn vốn của Công ty. Chúng tôi đồng hành trên cùng một con thuyền với khách hàng.

3. Tư vấn đầu tư: Chuyên môn hóa và Sự bền bỉ

Hoạt động tư vấn của khối ghi nhận kết quả vượt trội nhờ khả năng “thanh lọc” nhiễu loạn thông tin:

- **Tỷ suất lợi nhuận vượt trội:** Đạt mức **40%/năm**, ngang bằng hiệu suất tăng trưởng của thị trường sau khi Việt Nam chính thức được nâng hạng lên **Thị trường mới nổi (Emerging Market)**. Việc nâng hạng này đã kích hoạt dòng vốn từ các quỹ chỉ số ngoại, và DSC đã đón đầu thành công các mã Blue-chips thuộc danh mục FTSE và MSCI.
- **Tỷ lệ an toàn cao:** Trên **80% danh mục đạt lợi nhuận dương**. Nhờ chiến lược đa dạng hóa vào nhóm Blue-chips và các doanh nghiệp có dòng tiền ổn định, mức sụt giảm tài sản (draw-down) lớn nhất của DSC chỉ ở mức 15%, thấp hơn đáng kể so với mức sụt giảm 20% của thị trường chung trong các giai đoạn bị tác động bởi tin tức thuế quan toàn cầu.

Trong năm 2025, trước các tuyên bố của Tổng thống Mỹ Donald Trump về việc áp thuế 20% lên hàng xuất khẩu Việt Nam, DSC đã chủ động thực hiện chiến lược “phòng thủ sớm”, tái cơ cấu danh mục từ các nhóm ngành thâm dụng xuất khẩu sang nhóm dịch vụ tài chính và hạ tầng nội địa, giúp bảo vệ tài sản khách hàng trước làn sóng bán tháo của khối ngoại



KHỐI CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

“KHUNG SƯỜN THÚC ĐẨY ĐỘT PHÁ (THE ENABLER)”

Năm 2025, đánh dấu cột mốc 3 năm DSC tái khẳng định vị thế trên thị trường, Khối Công nghệ thông tin (CNTT) không chỉ đóng vai trò hỗ trợ kỹ thuật mà đã vươn lên trở thành “**Enabler**” – **Động lực thúc đẩy chuyển đổi số**. Trong một thị trường đòi hỏi sự sòng phẳng về nền tảng và minh bạch về số liệu, Khối CNTT đã tập trung vào ba trụ cột chiến lược: (1) Hiện đại hóa hạ tầng, (2) Đột phá hệ sinh thái số và (3) Tối ưu hóa hiệu suất vận hành

1. Hệ sinh thái E-Broking: Số hóa toàn diện hành trình khách hàng

Thay vì các công cụ rời rạc, DSC đã hợp nhất toàn bộ trải nghiệm người dùng vào một hệ sinh thái số đồng bộ, giúp giảm thiểu sự phụ thuộc vào các thao tác thủ công và nâng cao năng lực tự chủ của nhà đầu tư:

- **Hợp nhất đa nền tảng:** Ra mắt **App E-broking** tích hợp toàn bộ các dịch vụ từ giao dịch, tư vấn đến đào tạo, xóa bỏ sự phân mảnh trong trải nghiệm khách hàng.
- **Giáo dục và Trải nghiệm thực tế:** Hệ thống **Thực tập số (E-Intern)** và **Giao dịch mô phỏng (Edemo)** đã thu hút hàng nghìn lượt truy cập mỗi ngày, giúp nhà đầu tư làm quen với thị trường một cách an toàn. Điều này trực tiếp giảm tải áp lực hỗ trợ cho bộ phận vận hành và môi giới truyền thống.

- **Ứng dụng AI đột phá:** Nền tảng **DSC Auto-visual** cho phép chuyển đổi kịch bản thành video tư vấn tự động chỉ trong 4 phút. Việc ứng dụng AI vào sản xuất nội dung không chỉ tối ưu hóa 70% chi phí marketing mà còn giúp DSC duy trì tần suất tương tác khách hàng liên tục trên các nền tảng số.

2. Core-Business & Hạ tầng: Chuẩn hóa để bứt phá

Song song với các dự án Digital, hệ thống lõi (Core) và hạ tầng vận hành được nâng cấp để đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe nhất của thị trường:

- **Chinh phục cột mốc KRX:** DSC đã vận hành thành công hệ thống giao dịch mới KRX theo yêu cầu của Sở GDCK. **Ngay trong tháng đầu tiên vận hành (tháng 5/2025), giá trị giao dịch qua hệ thống đã đạt 8.640 tỷ đồng, tăng 31% so với tháng trước đó, chứng minh năng lực chịu tải và độ ổn định tuyệt đối của hệ thống.**

- **Cải thiện hành trình khách hàng (UX/UI):** Việc tối ưu hóa quy trình mở tài khoản và đăng ký ngân hàng trực tuyến đã tạo ra sự bùng nổ về số lượng tài khoản mở mới (**tăng 199.5%** so với nửa đầu năm).
- **Quản trị vận hành hậu KRX:** Khối CNTT đã tối ưu hóa quy trình xử lý dữ liệu sau giờ giao dịch (batching), đưa thời gian hoàn tất về trước 17:00, giúp các phòng ban nghiệp vụ tối ưu hóa thời gian làm việc và nâng cao hiệu quả vận hành chung của Công ty.

3. Tuân thủ và Bảo mật: Hành lang an toàn cho sự tăng trưởng

Sự tin cậy là tài sản lớn nhất của một CTCK. Khối CNTT đã thực hiện nghiêm túc các quy định pháp lý và tiêu chuẩn bảo mật:

- **Tuân thủ tuyệt đối:** Triển khai thành công hệ thống Chứng thư số (Thông tư 73), cập nhật thuế VAT (Luật thuế 2025) và chặn giao dịch đối với các tài khoản chưa cập nhật CCCD theo quy định của cơ quan quản lý.
- **An ninh mạng chủ động:** Thực hiện **Pentest (Kiểm thử xâm nhập)** định kỳ để phát hiện và khắc phục lỗ hổng bảo mật, đảm bảo hệ thống luôn trong trạng thái phòng vệ cao nhất trước các nguy cơ tấn công mạng.

4. Văn hóa đổi mới: Đón đầu kỷ nguyên AI

*Không dừng lại ở việc vận hành, Khối CNTT đã lan tỏa tư duy công nghệ đến toàn Công ty thông qua chuỗi Workshop chuyên sâu về **Generative AI, AI Prompt và RAG (Retrieval-Augmented Generation)**. Đây là bước chuẩn bị để DSC bước vào giai đoạn cá nhân hóa dịch vụ ở cấp độ cao hơn thông qua trí tuệ nhân tạo trong năm 2026.*

59



KHOẢNG VẬN HÀNH

“KỶ LUẬT THỰC THI – BẢO CHỨNG CHO SỰ AN TOÀN VÀ XUYỀN SUỐT”

Nếu Khối Công nghệ thông tin thiết kế nên “động cơ”, thì Khối Vận hành chính là “hệ thống truyền động” đảm bảo bộ máy DSC vận hành trơn tru, chuẩn xác và tuân thủ tuyệt đối. 2025 là một năm bản lề với khối lượng công việc khổng lồ từ việc chuyển đổi hệ thống thị trường đến nâng cấp tiêu chuẩn định danh khách hàng. Khối Vận hành đã hoàn thành xuất sắc vai trò “hậu phương vững chắc”, trực tiếp hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược của Ban điều hành mà không để xảy ra bất kỳ rủi ro hệ thống.

1. Đột phá Hạ tầng Giao dịch & Chuẩn hóa Dữ liệu quốc gia

- **Chiến dịch KRX:** DSC đã tham gia 100% các đợt kiểm thử (UAT) và diễn tập thực tế do Sở GDCK và VSDC tổ chức. Việc ban hành mới toàn bộ quy trình vận hành (từ cơ chế khớp lệnh mới, lệnh MTL đến giao dịch lô lẻ) đã giúp DSC nâng cấp thành công hệ thống kết nối, đảm bảo trải nghiệm giao dịch của khách hàng hoàn toàn thông suốt và không bị gián đoạn trong giai đoạn chuyển giao lịch sử.
- **Tiên phong Đề án 06/CP:** DSC là một trong những định chế tài chính đầu tiên chủ động trong việc minh bạch hóa dữ liệu nhà đầu tư. Tính đến tháng 5/2025, DSC đã hoàn thiện hệ thống **eKYC – IDCHECK**, kết nối đối soát dữ liệu trực tiếp với **C06 – Bộ Công an**. Hơn **3.500** tài khoản đã được rà soát và chuẩn hóa thành công, đảm bảo định danh khách hàng chính xác tuyệt đối và sẵn sàng kết nối với hạ tầng giao dịch mới.

2. Quản trị Rủi ro Margin & Vận hành Khách hàng Cá nhân

Trong bối cảnh thị trường biến động mạnh, sự phối hợp chặt chẽ giữa Khối Vận hành và Khối Quản trị rủi ro là chốt chặn cuối cùng bảo vệ tài sản của Công ty:

- **Kỷ luật cho vay ký quỹ:** Quản lý an toàn và hiệu quả quy mô dư nợ bình quân **2.885,49 tỷ đồng (tăng 31,98%)**. Các nghiệp vụ giám sát tỷ lệ, cảnh báo (Call Margin) và xử lý vi phạm (Force Sell) được thực thi tự động, chính xác, đảm bảo không phát sinh cảnh báo nghiêm trọng từ hệ thống giám sát và **không ghi nhận bất kỳ tổn thất tài chính nào**.
- **Hỗ trợ giao dịch xuyên suốt:** Các kênh Chăm sóc khách hàng (Hotline, Email, Quầy) đã xử lý mượt mà khối lượng công việc khổng lồ: hướng dẫn hoàn tất hồ sơ mở tài khoản, trực tiếp hỗ trợ hơn **2.300 giao dịch nghiệp vụ phức tạp** (lưu ký, chuyển quyền mua, phong tỏa/giải tỏa chứng khoán) với tỷ lệ sai sót bằng 0%.

3. Năng lực Phục vụ Định chế & Thị trường Trái phiếu (GBond)

Sự trưởng thành của Khối Vận hành được minh chứng rõ nét qua khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe của tệp khách hàng tổ chức và thị trường vốn nợ:

- **Giao dịch Công cụ nợ (GBond):** Khối đã hỗ trợ đối soát, thanh toán và xử lý thành công khối lượng giao dịch trái phiếu chính phủ/công cụ nợ lên tới **hơn 25.146 tỷ đồng**, khẳng định vị thế của DSC trên thị trường thu nhập cố định.

60

Vai trò Kiến tạo Nội bộ

Không chỉ dừng lại ở vận hành nghiệp vụ, Khối đã chủ động cung cấp hệ thống báo cáo quản trị chuyên sâu (về dư nợ, doanh số) phục vụ kịp thời các quyết định của Ban Tổng Giám đốc. Đồng thời, Khối đóng vai trò “người hướng dẫn”, liên tục tổ chức đào tạo nghiệp vụ và chuẩn hóa quy trình cho đội ngũ môi giới mới, tạo sự đồng bộ về chất lượng dịch vụ trên toàn hệ thống DSC.



KHỐI HÀNH CHÍNH NHÂN SỰ

01. Tổng quan quản trị nguồn nhân lực

Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC xác định con người là yếu tố cốt lõi, quyết định năng lực cạnh tranh và sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Triết lý phát triển nhân sự của DSC tập trung vào ba trụ cột: **Chuẩn mực – chuyên nghiệp – bền vững**, trong đó chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ nhân viên (CBNV) có đạo đức nghề nghiệp, năng lực chuyên môn vững vàng, tinh thần đổi mới sáng tạo và gắn bó lâu dài với doanh nghiệp.

Các chính sách nhân sự được rà soát và cập nhật phù hợp với chiến lược phát triển trung – dài hạn, cũng như yêu cầu vận hành trong bối cảnh thị trường tài chính – chứng khoán không ngừng biến động.

02. Cơ cấu nguồn nhân lực

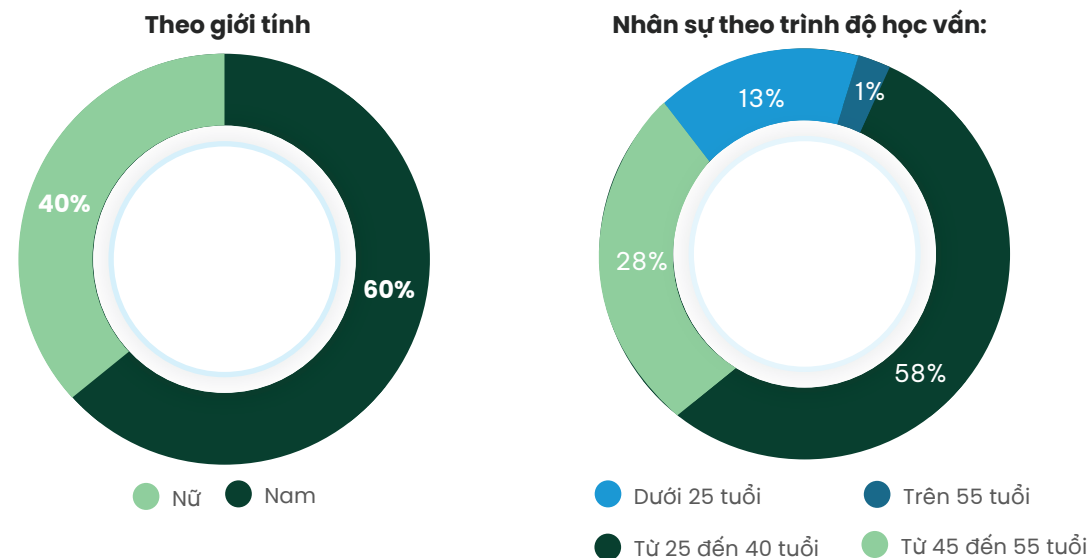
Trong giai đoạn 2021–2025, quy mô nhân sự của DSC có sự điều chỉnh linh hoạt theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ. Giai đoạn 2021–2022 ghi nhận sự tăng trưởng nhân sự nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động. Từ năm 2023–2025, công ty tập trung tái cơ cấu, tối ưu hóa nguồn lực, nâng cao chất lượng đội ngũ thay vì tăng mạnh về số lượng, đảm bảo hiệu quả hoạt động và kiểm soát chi phí.

Báo cáo số liệu nhân sự 2025: Đến năm 2025, Đội ngũ lao động trẻ chiếm tỷ trọng đáng kể, năng động, thích ứng nhanh với công nghệ mới; đồng thời công ty vẫn duy trì lực lượng nhân sự có kinh nghiệm lâu năm giữ vai trò nòng cốt trong quản lý, đào tạo và truyền thừa tri thức. Trình độ chuyên môn của CBNV ngày càng được nâng cao, phù hợp với yêu cầu pháp lý và đặc thù của ngành chứng khoán. Tỷ lệ nhân sự có chứng chỉ hành nghề thuộc Khối tư vấn chứng khoán và các bộ phận liên quan có xu hướng tăng cao với mục tiêu 100% nhân sự đều đáp ứng đủ điều kiện về chứng chỉ hành nghề chứng khoán.

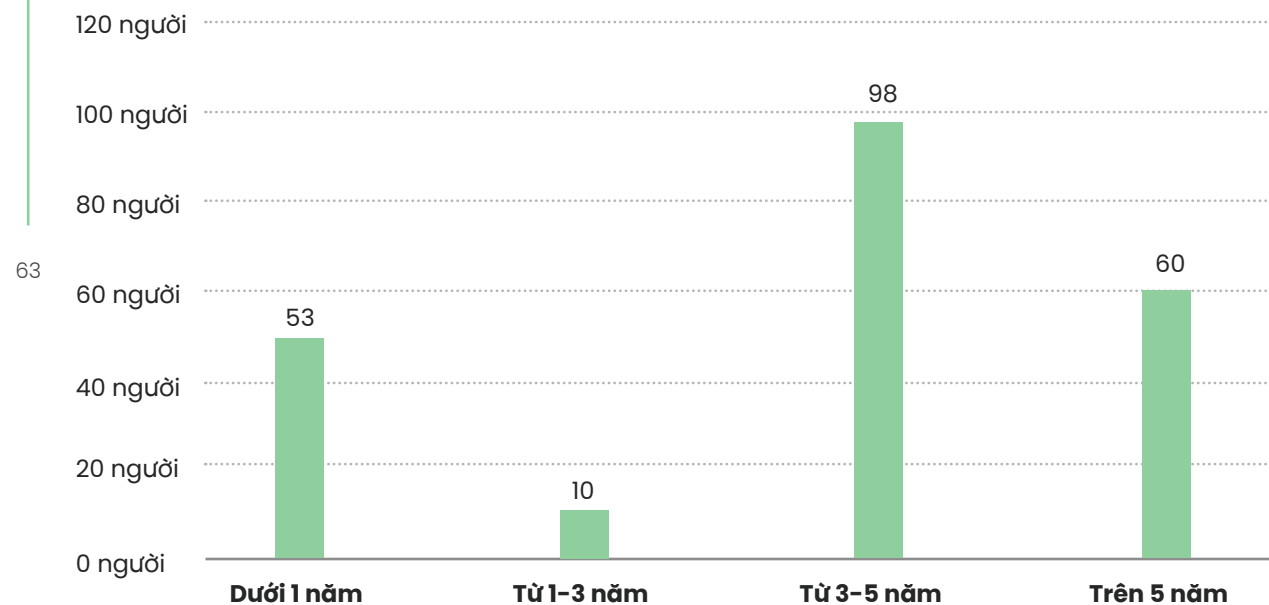
+ Về Trình độ chuyên môn:

STT	Trình độ	31/12/2025		31/12/2024	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Trình độ trên Đại học	11	4,97%	11	5%
2	Trình độ Đại học	196	88,69%	199	90%
3	Trình độ cao đẳng, trung cấp	11	4,97%	11	5%
4	Lao động phổ thông	196	88,69%	199	90%
Tổng số		221	100%	220	100%

+ Về độ tuổi và giới tính năm 2025:



+ Về Thâm niên công tác năm 2025:



Cơ cấu nhân sự năm 2025 cho thấy DSC đã hình thành được đội ngũ nhân sự gắn bó với Công ty, vừa có chiều sâu kinh nghiệm, vừa có lực lượng trẻ kế cận, đáp ứng yêu cầu phát triển trung và dài hạn của Công ty.

03. Tuyển chọn và thu hút nhân tài

Trong năm 2025, công tác tuyển dụng được triển khai theo nguyên tắc đúng nhu cầu – đúng người – đúng thời điểm. Quy trình tuyển dụng được chuẩn hóa, đảm bảo minh bạch, khách quan. Chất lượng ứng viên được chú trọng hơn số lượng, ưu tiên các vị trí then chốt và các nhân sự có chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề theo quy định pháp luật.

Công tác tuyển dụng năm 2025 đóng vai trò hỗ trợ chiến lược ổn định bộ máy và chuẩn hóa nguồn nhân lực theo yêu cầu pháp lý của ngành. Công ty chú trọng thu hút nhân sự có kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính – chứng khoán, công nghệ và quản trị rủi ro, đồng thời tạo điều kiện cho nguồn nhân lực trẻ có tiềm năng phát triển dài hạn tại DSC.

04. Đào tạo & phát triển con người – Nền tảng cho kỷ nguyên đổi mới

DSC xác định đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là một trong những trụ cột chiến lược. Trong năm 2025, Công ty tiếp tục đầu tư cho các chương trình đào tạo nội bộ và bên ngoài, tập trung vào:

- **Nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ;**
- **Phát triển kỹ năng quản lý, lãnh đạo;**
- **Bồi dưỡng kiến thức về công nghệ, sản phẩm và quy định pháp lý.**
- **Các chương trình đào tạo được triển khai linh hoạt, kết hợp nhiều hình thức nhằm tối ưu hiệu quả học tập và ứng dụng thực tiễn.**

Chỉ tiêu đào tạo & phát triển năm 2025

Tổng thời gian đào tạo:

50 GIỜ

Tỷ lệ tham gia đào tạo:

100%

Số khóa đào tạo:

3+

Công ty tập trung công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, thông qua các hợp đồng đào tạo, nâng cao các kiến thức chuyên môn. Trong công tác đào tạo và phát triển nhân lực luôn được thực hiện song song với việc quản lý con người thông qua đánh giá kết quả làm việc, làm cơ sở trả lương cho từng vị trí, bộ phận trong toàn Công ty.

Công ty vẫn tiếp tục triển khai và chú trọng đến việc đào tạo kỹ năng cho CBNV. Năm 2025, Công ty đã chú trọng tập trung triển khai các khóa đào tạo hội nhập và văn hóa để giúp CBNV mới nhanh chóng hòa nhập cũng như giúp toàn thể CBNV hiểu hơn về những thông điệp truyền tải từ Ban Lãnh đạo đến CBNV của DSC.

Năm 2025, DSC phát triển đào tạo nội bộ với hai chương trình đào tạo đáng chú ý bao gồm: **Chương trình đào tạo về “Chuẩn mực Thành Công” với sự tham gia của toàn bộ CBNV DSC tại các văn phòng, chi nhánh.**

- Trong chương trình, các nội dung quan tâm đến tiêu chuẩn trong tư duy, thái độ và công việc hành vi đã được truyền tải một cách rõ ràng, dễ hiểu. Thông qua các câu chuyện minh họa, ví dụ cụ thể và phần trao đổi, thảo luận, CBNV có cơ hội nhìn nhận lại vai trò, trách nhiệm của bản thân trong công việc thực hiện mục tiêu chung, đồng thời nâng cao tinh thần chủ động, kỷ luật và hợp tác trong công việc.
- Chương trình đào tạo cũng thúc đẩy mối liên hệ chặt chẽ giữa “chuẩn mực thành công” của mỗi cá nhân với sự phát triển chung của Công ty, qua đó khuyến khích CBNV không ngừng hoàn thiện năng lực chuyên môn, kỹ năng làm việc và đạo đức nghề nghiệp.
- Thông qua chương trình, DSC tiếp tục khẳng định cam kết đầu tư cho công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ CBNV có bản lĩnh, trách nhiệm và cùng chung giá trị cốt lõi, sẵn sàng đồng hành cùng Công ty trên đường phát triển.

Chương trình “Đào tạo về Hệ thống Quản lý Tuân thủ tại DSC” đã diễn ra thành công suôn sẻ với sự tham gia của đông đảo CBNV, các cấp quản lý ở tất cả các miền từ Bắc đến Nam.

- Tại chương trình, CBNV đã được phổ biến một hệ thống và cập nhật các nội dung quan tâm liên quan đến khung quản lý tuân thủ, các quy định pháp luật hiện hành trong lĩnh vực chứng khoán, cũng như các quy định, quy trình nội bộ đang được áp dụng tại DSC. Bên cạnh việc truyền đạt kiến thức, chương trình còn tập trung làm rõ vai trò, trách nhiệm của từng cá nhân, từng cấp quản lý trong việc nhận diện, phòng chống và kiểm soát giảm rủi ro tuân thủ trong quá trình thực hiện công việc.
- Thông qua các ví dụ thực tiễn, tình huống minh họa và phần trao đổi, thảo luận trực tiếp, CBNV đã có cơ hội hiểu rõ hơn cách thức áp dụng hệ thống quản lý tuân thủ vào hoạt động thường ngày, đồng thời nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của văn hóa tuân thủ trong toàn hệ thống DSC.
- Chương trình đào tạo không chỉ dẫn phần chuẩn hóa kiến thức, thống nhất cách hiểu và cách thực hiện giữa các đơn vị, nhưng vẫn khẳng định cam kết mạnh mẽ của DSC trong việc xây dựng môi trường làm việc minh bạch, chuyên nghiệp, tuân thủ pháp luật và hướng tới phát triển bền vững. Đây cũng là nền tảng quan trọng để DSC tiếp tục nâng cao năng lực quản trị, quản lý rủi ro và chất lượng hoạt động trong thời gian tới. Các chương trình là nền tảng để DSC tiếp tục xây dựng đội ngũ nhân sự đáp ứng yêu cầu quản trị rủi ro và phát triển bền vững trong giai đoạn tới.

5. Chính sách đãi ngộ toàn diện dành cho người lao động

DSC duy trì chính sách đãi ngộ cạnh tranh và toàn diện nhằm thu hút, giữ chân và tạo động lực cho người lao động. Thu nhập của cán bộ nhân viên được xây dựng trên cơ sở hiệu quả công việc, năng lực cá nhân và kết quả hoạt động chung của Công ty. Bên cạnh thu nhập, DSC chú trọng đến các chế độ phúc lợi, chăm sóc sức khỏe, bảo hiểm và các chương trình hỗ trợ đời sống tinh thần, góp phần nâng cao sự gắn bó lâu dài của người lao động.

Mức lương bình quân của người lao động tại DSC năm 2024 và 2025 lần lượt là **17,196,807 đồng và 17,483,597 đồng**. So với mức lương cơ bản theo quy định của Nhà nước, mức lương bình quân của Công ty được đánh giá ở mức khá tốt. Công ty luôn mong muốn người lao động được hưởng những chính sách, giá trị vật chất lẫn tinh thần xứng đáng với công sức mà người lao động đã cống hiến cho Công ty. Cụ thể như sau

Nội dung	Năm 2024	Năm 2025
Tiền lương	46,362,590,893	39,275,659,904
BHXH, BHYT và phí công đoàn	3,705,859,500	3,481,849,550
Bảo hiểm sức khỏe	1,447,322,528	1,072,789,522
Thù lao, tiền thưởng khác	3,325,850,000	5,737,156,328
Tổng cộng	54,841,622,921	49,567,455,304
Mức lương bình quân	17,196,807	17,483,597

c3) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Chính sách lương, thưởng của Công ty: Công ty luôn khuyến khích người lao động phát huy sáng kiến, học hỏi nâng cao kỹ năng, kiến thức chuyên môn trong công việc để nâng cao thu nhập, tạo sự an tâm gắn bó và nâng cao mức độ hài lòng của người lao động.

- **Chính sách lương:** Tiền lương là một trong những chính sách quan trọng được Công ty đặc biệt quan tâm và đã phân định vị trí, chức danh, tính chất công việc, kết quả kinh doanh để định giá tiền lương phù hợp mỗi người lao động. Tiền lương được chi trả căn cứ thực tế đóng góp của từng người lao động cho hiệu quả chung của Công ty theo quy chế cụ thể được công bố tới từng CBNV.
- **Chính sách thưởng:** Nhằm khuyến khích động viên sự gia tăng hiệu quả đóng góp, ngoài các quyền lợi được quy định bởi Bộ Luật lao động, Công ty có chính sách thưởng dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm của Công ty và đóng góp của mỗi cá nhân đối với kết quả kinh doanh đó, mức độ hoàn thành công việc; ...

Chính sách phúc lợi, trợ cấp:

- Việc trích nộp Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp và Bảo hiểm tai nạn nghề nghiệp được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật.
- Để đảm bảo sức khỏe cho NLĐ, hàng năm, Công ty duy trì việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ và mua bảo hiểm sức khỏe toàn diện cho CBNV.
- Công ty luôn chú trọng xây dựng môi trường làm việc an toàn, chuyên nghiệp, hiệu quả, bình đẳng, thân thiện và cởi mở. Công ty đảm bảo các điều kiện làm việc tốt nhất cho cán bộ, nhân viên. Trụ sở làm việc và văn phòng chi nhánh được thiết kế khang trang, thoáng mát, trang bị máy tính cá nhân và các công cụ làm việc khác đầy đủ, tạo cảm giác thoải mái, tiện nghi nhất cho người lao động. Phòng HCNS có trách nhiệm thường xuyên đồn đốc, nhắc nhở cán bộ, nhân viên duy trì môi trường làm việc an toàn, sạch sẽ và chuyên nghiệp.
- Công ty tập trung chú trọng đến đời sống tinh thần cho CBNV, thường xuyên tổ chức các chương trình nhằm tăng sự giao lưu, kết nối và chia sẻ giữa CBNV cũng như giúp CBNV giải tỏa sau những giờ làm việc căng thẳng: tham gia các chương trình thể thao nội bộ gắn kết với các thành viên đơn vị khác, và các chương trình mini game trong các dịp lễ của đất nước để CBNV nhìn lại và hiểu hơn về lịch sử và truyền thống của dân tộc.

6. Văn hóa doanh nghiệp & gắn kết nội bộ

Trong năm 2025, DSC tiếp tục thúc đẩy xây dựng văn hóa doanh nghiệp dựa trên các giá trị cốt lõi, đề cao tinh thần hợp tác, trách nhiệm và sáng tạo. Các hoạt động gắn kết nội bộ được triển khai phù hợp, góp phần tạo dựng môi trường làm việc tích cực, chuyên nghiệp và nhân văn. Công ty khuyến khích cán bộ nhân viên chủ động đóng góp ý kiến, cải tiến quy trình và cùng đồng hành trong quá trình phát triển của DSC.

7. Định hướng phát triển nguồn nhân lực

Trong thời gian tới, DSC sẽ tiếp tục:
Hoàn thiện chiến lược nhân sự gắn với chiến lược kinh doanh;
Đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao;
Nâng cao hiệu quả quản trị, đánh giá và phát triển đội ngũ kế thừa;
Xây dựng môi trường làm việc hiện đại, linh hoạt và bền vững.
Với định hướng lấy con người làm trung tâm, công tác nhân sự của DSC không chỉ đáp ứng yêu cầu vận hành và tuân thủ, mà còn từng bước trở thành nền tảng tạo lợi thế cạnh tranh bền vững cho Công ty.



TRUYỀN THÔNG – TIẾP THỊ

Hoạt động truyền thông của CTCP Chứng khoán DSC được triển khai đồng bộ, bám sát định hướng kinh doanh và mục tiêu gia tăng nhận diện thương hiệu trên thị trường. Công ty duy trì sự hiện diện thường xuyên trên các kênh báo chí, nền tảng số và hệ sinh thái truyền thông của đối tác, qua đó bảo đảm thông tin minh bạch, nhất quán và kịp thời tới nhà đầu tư.

Nội dung truyền thông tập trung làm rõ năng lực tài chính, kết quả tăng trưởng, chất lượng dịch vụ, đồng thời lan tỏa hình ảnh doanh nghiệp năng động, quản trị chuẩn mực và lấy khách hàng làm trung tâm. Hoạt động truyền thông, quảng bá được đo lường hiệu quả, tối ưu chi phí và tạo ra tương tác thực chất thay vì chỉ dừng ở mức độ hiển thị.

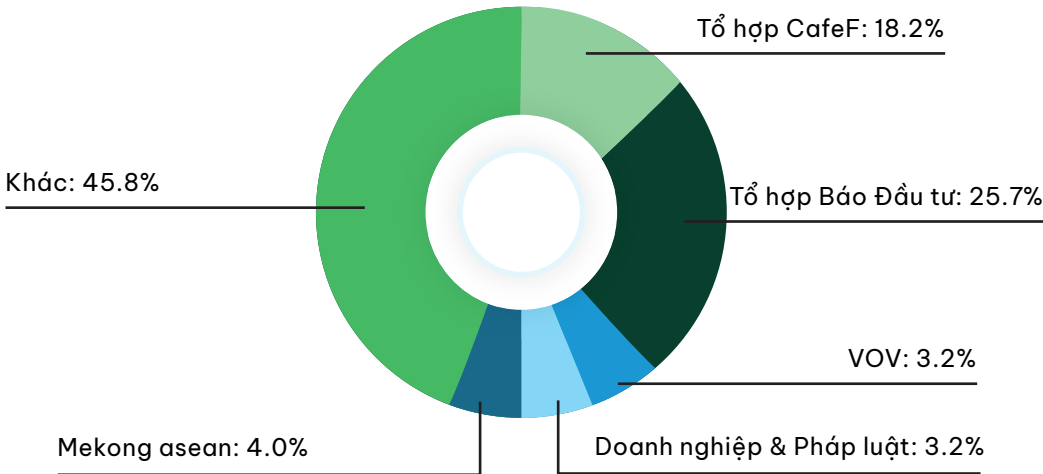
Bên cạnh truyền thông thương hiệu, DSC đẩy mạnh hoạt động PR cho dịch vụ, sản phẩm, sự kiện và chương trình cộng đồng, góp phần mở rộng tệp khách hàng tiềm năng, củng cố niềm tin của cổ đông và gia tăng mức độ gắn kết với thị trường. Công tác phối hợp giữa các bộ phận được thực hiện chặt chẽ, giúp tiến độ xử lý thông tin nhanh, phản ứng linh hoạt trước các vấn đề phát sinh.

Trên nền tảng Facebook “Chứng khoán DSC”, sau khi triển khai tái cấu trúc chiến lược nội dung theo hướng chuyên sâu và định vị rõ nhóm khách hàng mục tiêu, hiệu quả truyền thông đã ghi nhận sự cải thiện rõ rệt. Tổng lượt xem đạt 207,6 nghìn lượt; số lượt tương tác vượt 16.000, tăng 11% so với năm 2024; riêng mức độ tương tác tổng thể tăng gần 16%. Đáng chú ý, lượng người theo dõi thực tăng mạnh lên hơn 9.200 tài khoản, tương đương mức tăng 182%, đưa tổng số người theo dõi trang lên 12.625, tăng 365% so với cùng kỳ. Kết quả này cho thấy chiến lược nội dung đã tiếp cận đúng tệp khách hàng mục tiêu tại các địa bàn trọng điểm gồm Hà Nội, TP.HCM và Đà Nẵng, đồng thời củng cố nền tảng truyền thông số phục vụ mục tiêu phát triển thương hiệu và mở rộng khách hàng của Công ty.

Kết quả đạt được cho thấy truyền thông tiếp tục đóng vai trò là một trụ cột hỗ trợ tăng trưởng, tạo nền tảng thuận lợi cho các kế hoạch phát triển tiếp theo của Công ty.

250 bài báo, tin tức trên Tạp chí, Báo điện tử & Trang thông tin điện tử

Tỷ lệ bài tính theo tổ hợp truyền thông, đầu báo



03

BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN



DỰ BÁO NỀN KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

TRIỂN VỌNG KINH TẾ VĨ MÔ 2026 – TĂNG TRƯỞNG TỪ NỘI LỰC

Năm 2026 được xác định là dấu mốc khởi đầu quan trọng trên hành trình đưa Việt Nam gia nhập nhóm các quốc gia có thu nhập cao. Về mặt số liệu, mục tiêu trọng tâm là thiết lập nền tảng cho tăng trưởng GDP đạt mức hai con số. Đây không chỉ là những con số thống kê, mà là minh chứng cho tinh thần quyết tâm của toàn hệ thống chính trị và cộng đồng doanh nghiệp trong việc hiện thực hóa mục tiêu dân giàu, nước mạnh.

Bước vào kỷ nguyên mới, nội hàm của nền kinh tế Việt Nam đang có sự chuyển dịch mang tính bước ngoặt. Thay vì dựa vào lợi thế về tài nguyên thiên nhiên, vị trí địa lý hay nguồn lao động giá rẻ, động lực tăng trưởng bền vững giờ đây được định vị dựa trên năng lực thể chế. Trong mô hình kinh tế này, Nhà nước đóng vai trò chủ đạo trong việc dẫn dắt và kiến tạo, tạo không gian và hành lang pháp lý thông thoáng để khối kinh tế tư nhân thực sự trở thành động lực tăng trưởng then chốt.

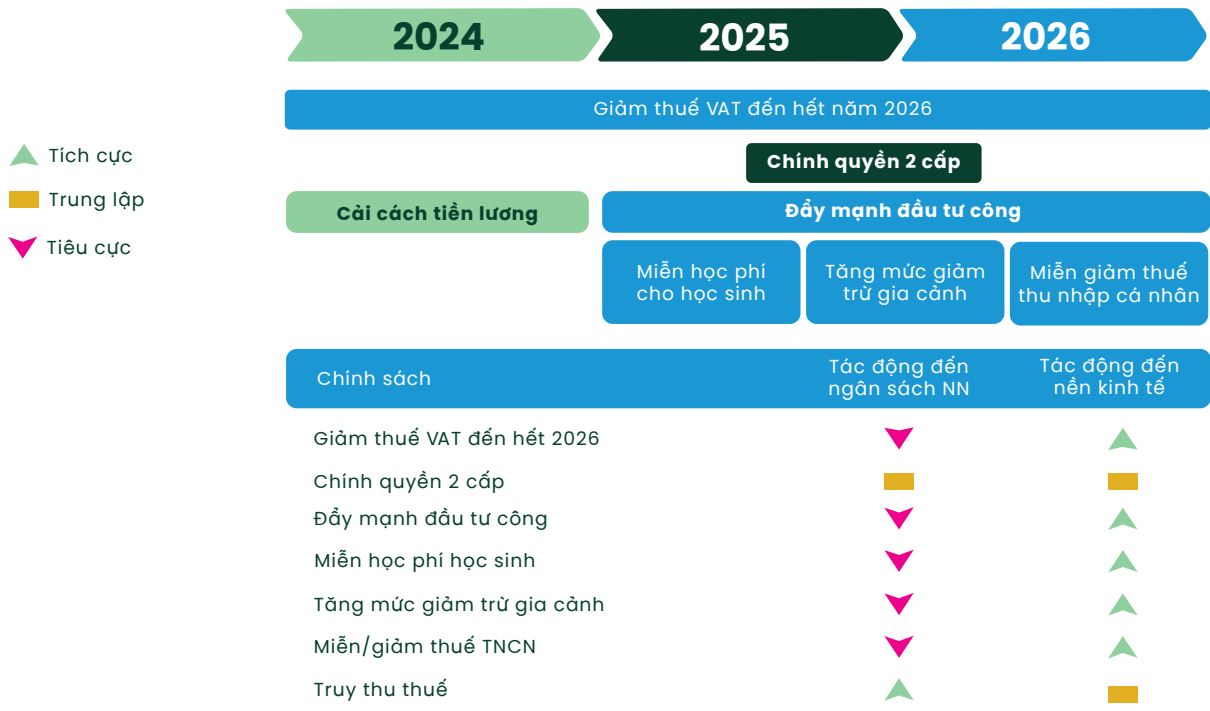
Sức mạnh nội sinh của nền kinh tế dựa trên “Tứ trụ chính sách” về đổi mới do Bộ Chính trị ban hành, tạo nên một hệ sinh thái đồng bộ để đất nước vươn mình:

- **Thể chế:** Nghị quyết số 66-NQ/TW (30/04/2025) tập trung đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, tháo gỡ những “điểm nghẽn” để đáp ứng yêu cầu phát triển trong kỷ nguyên mới.
- **Kinh tế:** Nghị quyết số 68-NQ/TW (04/05/2025) khẳng định vai trò quan trọng và tạo điều kiện tối đa cho sự phát triển của Kinh tế tư nhân.
- **Khoa học công nghệ:** Nghị quyết số 57-NQ/TW (22/12/2024) tạo đột phá về đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, coi đây là “trái tim” của năng suất lao động.
- **Hội nhập:** Nghị quyết số 59-NQ/TW (24/01/2025) định hướng hội nhập quốc tế chủ động, sâu rộng và hiệu quả trong tình hình mới.

“Thể chế là động lực của động lực. Phải tập trung khơi thông mọi nguồn lực, trước hết là nguồn lực con người và nguồn lực thể chế để đưa đất nước bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.”

Trích phát biểu của Tổng Bí thư Tô Lâm tại Hội nghị Toàn Quốc quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW và Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị

Song hành cùng các quyết sách vĩ mô là chiến lược xây dựng Nhà nước phúc lợi. Các chính sách thiết thực như giảm thuế VAT, miễn học phí, và miễn/giảm thuế thu nhập cá nhân được thực hiện nhằm khoan thư sức dân, thúc đẩy tiêu dùng nội địa. Đây là những “đòn bẩy” trực tiếp hỗ trợ đời sống nhân dân, đồng thời tạo lực đẩy mạnh mẽ để nền kinh tế hướng đến mục tiêu tăng trưởng GDP 10% trong năm 2026.



Từ góc độ dẫn dắt, Đầu tư công được xác định là động lực tăng trưởng chủ đạo và là kênh truyền dẫn chính sách quan trọng nhất trong năm 2026. Việc giải ngân đầu tư công quyết liệt và hiệu quả không chỉ đơn thuần là kích cầu tài khóa, mà còn đóng vai trò “vốn mồi”, tạo hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ đến khối kinh tế tư nhân và kích cầu tiêu dùng nội địa. Quan trọng hơn, sự chuyển mình trong cách thức triển khai các dự án trọng điểm chính là cơ sở cốt lõi để khôi phục niềm tin của thị trường, củng cố niềm tin của doanh nghiệp và người dân vào một cơ chế vận hành mới: Kỷ nguyên của hiệu quả và hành động.

Sự thay đổi tư duy của Bộ Chính trị trong công tác đầu tư công đã trở thành tâm điểm điều hành với bước chuyển chiến lược từ chú trọng “tốc độ” sang đề cao “giá trị kinh tế – giá trị thịnh dư” và quyết liệt chống lãng phí. Theo quan điểm mới này, chất lượng giải ngân dựa trên hiệu quả thịnh dư kinh tế – xã hội được đặt ngang hàng về tầm quan trọng với tốc độ giải ngân – vốn là thước đo truyền thống trước đây. Hệ quả tất yếu của sự thay đổi này là việc ưu tiên tập trung nguồn lực cho các dự án mang tính trọng điểm, có khả năng đem lại sự hỗ trợ tức thời cho nền kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội, coi đó là trọng tâm cốt lõi để tối ưu hóa nguồn lực quốc gia.



“Phải coi công tác phòng, chống lãng phí là nhiệm vụ trọng tâm, ngang hàng với phòng, chống tham nhũng, tiêu cực... Mỗi đồng vốn đầu tư công phải thực sự tạo ra giá trị gia tăng cho xã hội, không để nguồn lực của đất nước bị ‘ngủ quên’ hay thất thoát trong các dự án đắp chiếu.”

Trích phát biểu của Tổng Bí thư Tô Lâm (Tháng 10/2024)

Chúng tôi phân loại các dự án đầu tư công thành 2 nhóm chính: (1) các dự án tạo ra động lực tăng trưởng mới như hạ tầng phát triển, hạ tầng kết nối và (2) các dự án chống lãng phí, khơi thông nguồn lực.

NHÓM A | HẠ TẦNG PHÁT TRIỂN / HẠ TẦNG KẾT NỐI

NHÓM ĐƯỜNG XÁ MỚI — Cao tốc, Đường sắt, Sân bay, Cảng biển thế hệ tiếp theo

STT	Dự án	Phân nhóm	Vị trí	Vốn đầu tư	lộ trình	Trạng thái	Ý nghĩa/ Tác động
A1	Cao tốc Bắc–Nam phía Đông (GĐ 2026–2030) Mở rộng lên 6–8 làn	Cao tốc	Toàn tuyến Lạng Sơn – Cà Mau (2.000 km)	~100.000 tỷ đ (~4,2 tỷ USD)	2026–2030	Chuẩn bị	Mở rộng từ 4 lên 6–8 làn xe toàn tuyến. Đáp ứng lưu lượng tăng 40% sau 2025. Tiêu chuẩn cao tốc hạng A.
A2	Đường sắt tốc độ cao Bắc – Nam 350 km/h – Dự án thế kỷ	Đường sắt	Hà Nội – P.HCM (1.541 km, 23 ga HK)	~67,3 tỷ USD (1.600.000 tỷ đ) (~4,2 tỷ USD)	2027–2035	Chuẩn bị ĐT	HN–HCM còn ~3,5h. Tái cơ cấu toàn bộ hệ thống vận tải QG. Tạo trục đô thị tăng trưởng mới Bắc–Nam.
A3	Cao tốc Bắc–Nam phía Tây (Một số đoạn trọng điểm)	Đường bộ	Các tỉnh Tây Nguyên – Đông Nam Bộ (~1.200 km)	~90.000 tỷ đ (ước tính)	2026–2030	Quy hoạch	Khai thông hành lang phía Tây. Kết nối Tây Nguyên với ĐBSCL và Đông Nam Bộ. Mở quỹ đất nông nghiệp lớn.
A4	Cảng biển trung chuyển Cần Giờ (Cảng container quốc tế	Cảng biển	Cần Giờ, TP.HCM (diện tích ~571 ha)	~5,5 tỷ USD (~130.000 tỷ đ)	2026–2032	Chuẩn bị	Cảng nước sâu đón tàu 250.000 DWT. Trung chuyển quốc tế. Cạnh tranh trực tiếp với Singapore. GDP TP.HCM +2%.
A5	Sân bay Long Thành Giai đoạn 2 (50 triệu HK/năm)	Hàng không	Long Thành, Đồng Nai (thêm 1 nhà ga)	~30 tỷ USD (tổng toàn dự án)	2030–2035	Quy hoạch	Nâng công suất lên 50 triệu HK/năm GĐ2. Trở thành hub hàng không hạng nhất ĐNA. Aerotropolis 5.000 ha.
A6	Đường sắt Hà Nội – Hạ Long Kết nối Thủ đô – Di sản thế giới	Đường sắt	Hà Nội – Hạ Long (175 km)	~10 tỷ USD (ước tính)	2026–2031	Nghiên cứu KT	Kết nối Thủ đô với Di sản thế giới Vịnh Hạ Long. Thúc đẩy du lịch và phát triển kinh tế Quảng Ninh.

NHÓM NĂNG LƯỢNG — Đảm bảo an ninh năng lượng cho tăng trưởng GDP 8–10%/năm

STT	Dự án	Phân nhóm	Vị trí	Vốn đầu tư	lộ trình	Trạng thái	Ý nghĩa/ Tác động
A7	Nhà máy Điện hạt nhân Ninh Thuận 1 & 2 EVN + PVN làm chủ đầu tư	Điện hạt nhân	Vinh Hải & Phước Dinh, Ninh Thuận	~10–15 tỷ USD (4.000–6.400 MW)	2025–2035	Khởi động	QH thông qua NQ174/2024 và NQ189/2025. Cung cấp điện nền ổn định. Net-zero 2050. Công nghệ Nga/Hàn.
A8	Nhà máy điện khí LNG Nhơn Trạch 3 & 4 (PVN – PV Power)	Điện khí LNG	Nhơn Trạch, Đồng Nai (1.624 MW)	~2,5 tỷ USD (~60.000 tỷ đ)	2023–2025	Gần vận hành	Vận hành nửa cuối 2025. Nhà máy LNG đầu tiên của VN. Nhập khẩu LNG từ Thị Vải

A9	Điện gió ngoài khơi Nam Trung Bộ (Khu vực 1 – 2.000 MW)	Điện gió off-shore	Vinh Hải & Phước Dinh, Ninh Thuận	~10–15 tỷ USD (4.000–6.400 MW)	2025–2035	Khởi động	QH thông qua NQ174/2024 và NQ189/2025. Cung cấp điện nền ổn định. Net-zero 2050. Công nghệ Nga/Hàn.
A10	Chuỗi khí – điện Lô B – Ô Môn (PVN làm chủ)	Điện khí	Lô B (Biển Tây Nam) – Ô Môn, Cần Thơ	~10 tỷ USD (chuỗi toàn bộ)	2025–2028	Triển khai	Dòng khí đầu tiên 2027. Cung cấp cho 4 nhà máy điện Ô Môn (4.800 MW). Đảm bảo điện ĐBSCL.
A11	Thủy điện tích năng Bắc Ái (Nguồn dự phòng cho năng lượng tái tạo)	Thủy điện tích năng	Khánh Hòa (1.200 MW)	~25.000 tỷ đ (~1 tỷ USD)	2025–2030	Thi công	Lưu trữ điện năng lượng tái tạo dư thừa. Điều hòa phụ tải. Vận hành 2029–2030. Công nghệ mới nhất.
A12	Lưới truyền tải 500kV (GĐ 2025–2030) Xây mới 12.944 km đường dây	Hạ tầng lưới điện	Toàn quốc (tập trung giải tỏa công suất miền Bắc – Trung – Nam)	18–24 tỷ USD (lưới GĐ 2025–2030)	2025–2030	Triển khai	Xây mới 12.944 km đường dây 500kV. Cải tạo 1.404 km. Giải quyết nghẽn mạch truyền tải liên miền.

NHÓM B | CHỐNG LÃNG PHÍ / KHƠI THÔNG NGUỒN LỰC

Giải quyết ùn tắc đô thị · Tái phân phối dân cư · Tối ưu hóa tài sản hạ tầng hiện hữu · Khơi thông giá trị đất và vốn đóng băng

METRO TP.HCM NỐI LONG THÀNH — Khơi thông hành lang kinh tế TP.HCM – Đồng Nai

STT	Dự án	Phân nhóm	Vị trí	Vốn đầu tư	lộ trình	Trạng thái	Ý nghĩa/ Tác động
B1	Metro TP.HCM Tuyến số 2 (Bến Thành – Tham Lương)	Metro đô thị	TP.HCM (11,3 km, 10 ga ngầm)	48.000 tỷ đ (≈ 2,0 tỷ USD)	2025–2030	Khởi công 2025	Khởi công 2025. Giải tỏa ùn tắc cửa ngõ Tây Bắc TP.HCM. TOD dọc tuyến kích hoạt giá đất vùng Bình Dương.
B2	Đường sắt Thủ Thiêm – Long Thành (Kết nối sân bay Long Thành)	Đường sắt đô thị	Thủ Thiêm (TP.HCM)– Sân bay Long Thành (38 km)	~60.000 tỷ đ (ước tính)	2026–2032	Chuẩn bị ĐT	Hành trình từ trung tâm TP.HCM đến Long Thành chỉ 20 phút. Tích hợp với Metro số 1. Mô hình Aerotropolis
B3	Metro TP.HCM Tuyến số 3a (Bến Thành – Tân Kiên)	Metro đô thị	TP.HCM (19,8 km, 18 ga)	~68.000 tỷ đ (ước tính)	2027–2033	Quy hoạch	Kết nối Quận 1 – Quận 6 – Bình Chánh. Tái phân phối dân cư đến vùng ngoại ô phía Tây Nam.
B4	Metro TP.HCM Tuyến số 4 (Thanh Xuân – Khu đô thị cảng Hiệp Phước)	Metro đô thị	TP.HCM (36,2 km, 26 ga)	~100.000 tỷ đ (ước tính)	2028–2035	Quy hoạch	Nối cảng Hiệp Phước – KCN phía Nam. Phát triển đô thị dọc sông Sài Gòn. Logistics đô thị cuối chặng.

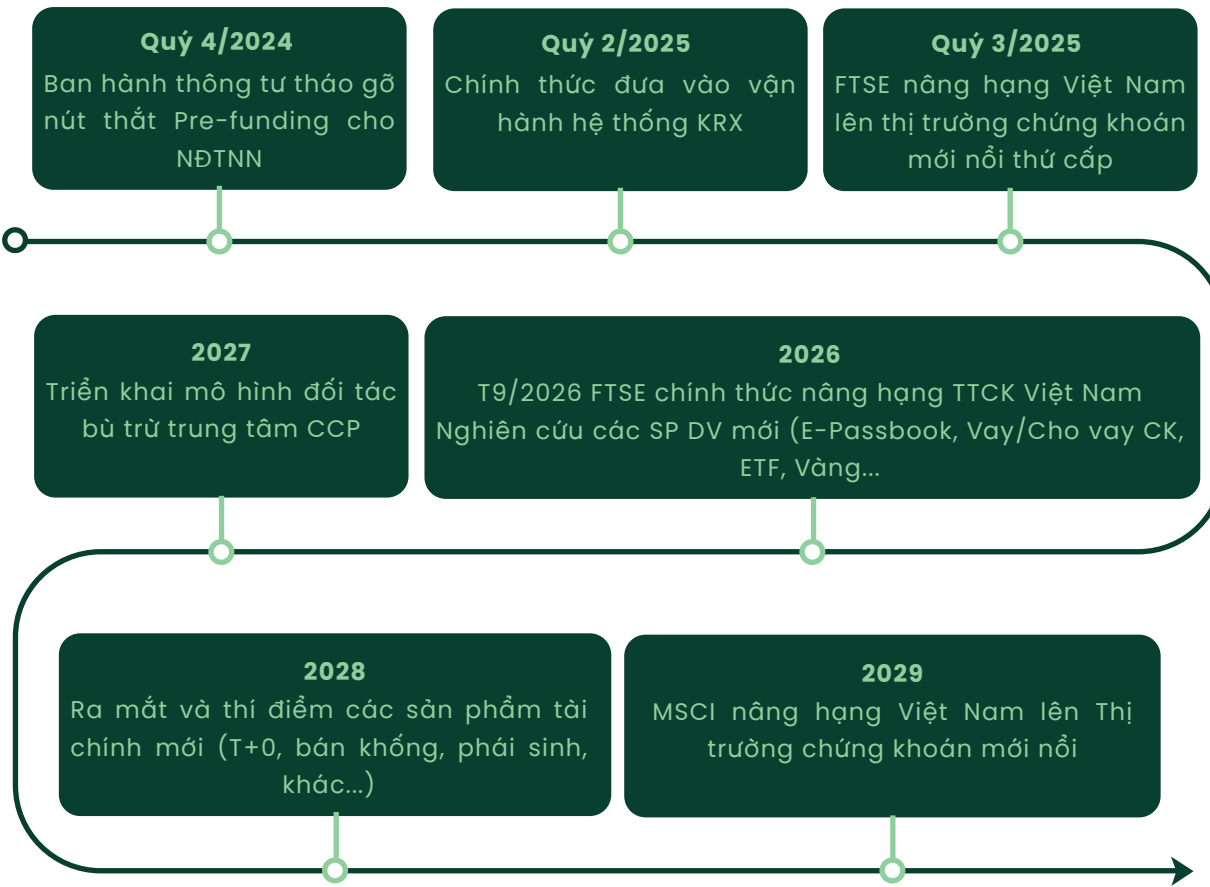
VÀNH ĐAI GIẢM ÙN TẮC / TÁI PHÂN PHỐI — Tái cơ cấu không gian đô thị, phân phối lại nguồn lực kinh

STT	Dự án	Phân nhóm	Vị trí	Vốn đầu tư	Lộ trình	Trạng thái	Ý nghĩa/ Tác động
B5	Vành đai 3 TP.HCM (Hoàn thành toàn tuyến)	Đường vành đai	TP.HCM – BD – Đồng Nai – Long An (76,3 km)	75.378 tỷ đ (≈ 3,2 tỷ USD)	2023–2026	Thi công cao điểm	Hoàn thành toàn tuyến 2026. Giảm 35% lưu lượng nội đô. Kích hoạt hành lang công nghiệp vùng Đông Nam Bộ.
B6	Vành đai 4 TP.HCM (Vùng Đông Nam Bộ mở rộng)	Đường vành đai	TP.HCM – Đồng Nai – Tây Ninh – Bình Dương (206 km)	~120.000 tỷ đ (≈ 5 tỷ USD)	2026–2028	Khởi công 6/2026	Khởi công tháng 6/2026. Tái phân phối KCN ra xa nội đô. Đất dọc tuyến tăng giá 40–60%. Giảm ùn tắc liên tỉnh.
B7	Vành đai 4 Hà Nội (Thủ đô – Hưng Yên – Bắc Ninh)	Đường vành đai	Hà Nội – Hưng Yên – Bắc Ninh (113 km)	56.290 tỷ đ (≈ 2,4 tỷ USD)	2022–2028	Đang thi công	Mở rộng không gian kinh tế Thủ đô. Kết nối KCN Hà Nội–Bắc Ninh–Hưng Yên. Giảm tải Vành đai 3 quá tải.
B8	Nút giao An Phú & các nút giao trọng điểm TP.HCM (Điểm ng-hẽn giao thông)	Nút giao thông	TP.HCM (Mai Chí Thọ x Cao Bằng; cầu Thủ Thiêm 3–4)	~15.000 tỷ đ (các nút giao)	2024–2026	Thi công	Giải tỏa nút cổ chai cửa ngõ phía Đông. Kết nối Thủ Đức – trung tâm – Long Thành. Giảm ùn tắc tức thì.
B9	Đại lộ cảnh quan sông Hồng (Hà Nội – trục đô thị mới)giao thông)	Đường đô thị	Hà Nội (dọc sông Hồng, ~30 km)	~40.000 tỷ đ (ước tính)	2026–2031	huấn bị ĐT	Khai thông 3.600 ha bãi giữa sông Hồng. Tái phân phối dân cư Hoàn Kiếm sang phía Đông. BĐS ven sông tăng 50%.
B10	Đường sắt Hà Nội – Hạ Long Kết nối Thủ đô – Di sản thế giới	Metro đô thị	Hà Nội (T2: 35km; T5: 38,4km)	8 tỷ USD (2 tuyến)	2025–2030	Khởi công 2025	Kết nối ĐH Quốc gia, KCN Hòa Lạc. Tái cơ cấu không gian đô thị Tây Hà Nội. Giảm 30% ùn tắc nội thành.

Các dự án nếu được triển khai thành công đem lại lợi ích không chỉ cho nhóm tham gia trực tiếp nhưng bao gồm cả nền kinh tế, người lao động, là một động lực giúp đạt được mục tiêu tăng trưởng 2 chữ số, khi Việt Nam sẽ đẩy mạnh triển khai các dự án từ hạ tầng đường bộ, hạ tầng hàng không và các dự án năng lượng. Dòng vốn đầu tư công là động lực then chốt giúp kinh tế Việt Nam hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng hai con số cùng hệ thống hạ tầng đồng bộ trong kỷ nguyên vươn mình.

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2026

Bước sang năm 2026, TTCK Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục khởi sắc sau khi đã trải qua một năm bước ngoặt với nhiều đổi mới và cải cách. Với việc TTCK Việt Nam đã được FTSE Russel nâng hạng lên TTCK mới nổi thứ cấp cùng với mục tiêu sẽ được MSCI nâng hạng Việt Nam lên TTCK mới nổi vào năm 2029 – 2030, cộng với chính sách thúc đẩy tăng trưởng sẽ là tác động tích cực đến TTCK 2026.



1. Chu kỳ kinh tế tích cực – Nền tảng phục hồi lợi nhuận bền vững

Nền kinh tế bước vào pha hồi phục sớm với sự đồng pha của chính sách ưu tiên tăng trưởng, cầu nội địa cải thiện và sự dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu. Đây là bệ phóng cho một chu kỳ lợi nhuận mới: doanh nghiệp gia tăng doanh thu, tối ưu biên lợi nhuận và cải thiện dòng tiền. Khác với những biến động ngắn hạn, sự tăng trưởng này dựa trên năng lực tái đầu tư và chi trả cổ tức thực chất, tạo nền tảng vững chắc cho giá trị vốn hóa của doanh nghiệp.

2. Nâng hạng FTSE 2026 – Chuẩn hóa và mở rộng tệp nhà đầu tư

Câu chuyện về chuẩn hóa và mở rộng tệp nhà đầu tư Nâng hạng FTSE (từ cận biên lên thị trường mới nổi thứ cấp) là một bước chuyển quan trọng vì nó tác động đồng thời vào cấu trúc dòng vốn và chuẩn mực thị trường. Về dòng vốn, việc gia nhập rõ chỉ số ở “đẳng cấp” cao hơn giúp mở rộng tệp nhà đầu tư được phép phân bổ, gia tăng trọng số theo dõi chỉ số, đồng thời tạo hiệu ứng định vị lại rủi ro quốc gia theo hướng tích cực. Về chuẩn mực, nâng hạng buộc thị trường phải vận hành “đúng chuẩn” hơn: cơ chế thanh toán, khả năng tiếp cận nhà môi giới toàn cầu, xử lý giao dịch lỗi, minh bạch thông tin và kỷ luật thị trường. Đây mới là phần cốt lõi, vì nó tạo tiền đề cho thị trường tăng độ sâu và giảm “chiết khấu” do rủi ro vận hành theo thời gian. Theo thông tin công bố, mốc hiệu lực được đặt vào 21/09/2026 và có đợt rà soát giữa kỳ vào tháng 3/2026 để đánh giá tiến độ điều kiện tiếp cận.

3. Lộ trình MSCI 2030 – Mục tiêu dài hạn thúc đẩy cải cách thể chế

Hướng tới mục tiêu MSCI Emerging Markets vào năm 2030, thị trường đang bước vào lộ trình kỷ luật để tháo gỡ các nút thắt về khả năng tiếp cận và nâng cao tỷ lệ sở hữu nước ngoài thực chất. Ngay cả khi đang triển khai, lộ trình này đã tạo ra áp lực tích cực giúp chuẩn hóa hạ tầng lưu ký và nâng tầm quản trị công ty theo thông lệ quốc tế, giảm thiểu “chiết khấu rủi ro” cho thị trường Việt Nam.

4. Chuyển dịch chính sách – Từ quy mô sang chất lượng vận hành

Trọng tâm điều hành hiện nay tập trung vào minh bạch hóa và giảm chi phí tuân thủ. Các cải cách thể chế không chỉ nhắm tới việc gia tăng số lượng niêm yết mà còn chú trọng vào kỷ luật công bố thông tin và hiệu quả giám sát. Sự thay đổi này trực tiếp làm giảm rủi ro hệ thống, giúp định vị lại niềm tin và thu hút dòng vốn dài hạn từ các định chế tài chính lớn.

5. Mô hình “Hai động cơ” – Sự cộng hưởng giữa Kinh tế Nhà nước và Tư nhân

Sự kết hợp giữa Nghị quyết 79 (Kinh tế Nhà nước) và Nghị quyết 68 (Kinh tế Tư nhân) tạo ra một cơ cấu tăng trưởng đồng bộ. Kinh tế Nhà nước đóng vai trò kiến tạo, dẫn dắt tại các lĩnh vực nền tảng như hạ tầng, năng lượng và chuỗi cung ứng chiến lược. Trong khi đó, kinh tế tư nhân là động lực thực thi hiệu quả, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo và mở rộng thị trường, cùng nhau tạo nên sức mạnh tổng lực cho nền kinh tế vĩ mô.

6. Tái cấu trúc thị trường vốn và phục hồi niềm tin

Cân bằng hệ thống tài chính quốc gia là yêu cầu tất yếu của giai đoạn phát triển mới. Tính đến cuối năm 2025, quy mô thị trường chứng khoán đạt khoảng 81,9% GDP, thấp hơn mục tiêu 100% GDP; trong khi thị trường trái phiếu – công cụ quan trọng để huy động vốn trung và dài hạn – mới đạt khoảng 23,1% GDP, còn rất xa mục tiêu 47% GDP, trong khi dư nợ tín dụng ngân hàng đã tương đương 134% GDP. Rõ ràng, dòng vốn ngân hàng đang được xem như là “vàng đen” với nền kinh tế Việt Nam. Quan sát từ các thị trường nước ngoài, ngân hàng chỉ là một nguồn cung cấp vốn ngắn – trung hạn, trong khi các dự án dài hạn, mang tính rủi ro cao sẽ phải huy động vốn từ thị trường, phù hợp với tính chất an toàn của tiền gửi đầu vào.

Sự suy giảm niềm tin vào thị trường mặc dù đã được khắc phục nhưng vẫn chưa hoàn toàn trở lại, đặt nhiều Doanh nghiệp chỉ còn trông chờ vào nguồn vốn từ Ngân hàng, tạo ra sự lệch pha, tiềm ẩn rủi ro lớn cho cả hệ thống tài chính.

Bắt đầu từ thay đổi thể chế, thay đổi tinh thần luật, giảm rủi ro quốc gia (bao gồm chính trị, kinh tế, pháp lý, xã hội) sẽ gây dựng lại niềm tin từ Nhà đầu tư, cởi trói cho thị trường trái phiếu, từ đó giúp Doanh nghiệp tiếp cận được nhiều nguồn vốn hơn, đạt được sự bền vững, cân bằng trong tài chính không chỉ ở góc độ vĩ mô mà còn vĩ mô.

7. Làn sóng IPO và thoái vốn của Nhà nước – Sự trở lại làn sóng IPO chứng kiến sự lộ diện của các con rồng ẩn mình.

Sau giai đoạn bùng nổ IPO 2017–2018 với sự dẫn dắt của nhóm ngân hàng và doanh nghiệp nhà nước lớn, thị trường chứng khoán đã trải qua thời kỳ trầm lắng kéo dài từ 2019 đến 2024. Tuy nhiên, năm 2025 đánh dấu sự trở lại mạnh mẽ của làn sóng huy động vốn, tiêu biểu là nhóm ngành chứng khoán với quy mô đạt 35.600 tỷ đồng (1,35 tỷ USD), dựa trên nền tảng định giá sát thị trường và sự chủ động của dòng vốn nội.

Bước vào giai đoạn 2026–2030, thị trường sẽ chứng kiến làn sóng IPO quy mô lớn và đa dạng hơn nhờ lộ trình nâng hạng lên thị trường mới nổi (FTSE 2026). Đáng chú ý, cơ chế pháp lý đang ngày càng cởi mở hơn đối với các doanh nghiệp FDI, tạo điều kiện thuận lợi để nhóm này niêm yết và huy động vốn trực tiếp trên sàn chứng khoán Việt Nam.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG – DÀI HẠN

NGUYÊN TẮC CỐT LÕI: KIM CHỈ NAM CHO MỌI QUYẾT ĐỊNH

1. Chiến lược thận trọng, bảo toàn tài sản – nền tảng bất di bất dịch

Bảo vệ vốn là ưu tiên tuyệt đối. Mọi quyết định đầu tư đều phải bước qua “phễu” lọc rủi ro nghiêm ngặt trước khi xét đến biên lợi nhuận.

2. Ưu tiên hiệu quả sử dụng vốn – không đánh đổi rủi ro lấy lợi nhuận

DSC chỉ theo đuổi các cơ hội đầu tư có hiệu quả vốn rõ ràng, bền vững và có thể kiểm soát. Chúng tôi kiên quyết từ chối mô hình tăng trưởng bằng cách chấp nhận rủi ro cao để đổi lấy lợi nhuận ngắn hạn. Hiệu quả vốn là thước đo kỷ luật và trách nhiệm của toàn tổ chức.

3. Tập trung kiến tạo giá trị thực sự

Thay vì lạm dụng tài nguyên vốn và nhân lực hay là chạy theo tăng trưởng bề mặt, DSC hướng tới việc tìm kiếm lợi nhuận thông qua tạo ra giá trị bền vững, lâu dài cho khách hàng, cổ đông và cộng đồng.

CÁC TRỤ CỘT CHIẾN LƯỢC 2026 – 2030

Chuyển đổi số – Xây dựng nền tảng khách hàng phổ thông dựa trên công nghệ số

DSC tiếp tục đẩy mạnh tiến trình số hóa không chỉ ở mức độ “công cụ” mà là “văn hóa đầu tư”, tập trung vào hai nhánh chiến lược:

Thực tập số – Kiến tạo thế hệ kế thừa: Chúng tôi xây dựng một môi trường “vườn ươm” trực tuyến dành cho thế hệ trẻ (Gen Z & Gen Alpha). Thông qua nền tảng này, sinh viên và những người mới khởi đầu ngành tài chính được tiếp cận với quy trình làm việc chuẩn mực, dữ liệu thực tế và các khóa đào tạo chuyên sâu. Đây không chỉ là trách nhiệm xã hội, mà là chiến lược “sẵn đầu người” chủ động, tuyển chọn những cá nhân xuất sắc nhất để trở thành đội ngũ môi giới tinh hoa, mang DNA của DSC trong tương lai.

Tư vấn số – Cá nhân hóa ở quy mô lớn: Dịch vụ tư vấn số được phát triển với mục tiêu tiếp cận rộng rãi hơn đến những Nhà đầu tư phổ thông, nhờ tận dụng toàn bộ hệ thống phân tích – khuyến nghị, công nghệ và các kênh truyền thông đa phương tiện của DSC. Chúng tôi sử dụng các công cụ phân tích dữ liệu chuyên sâu, hệ thống khuyến nghị đầu tư dựa trên dữ liệu thực tế, kết hợp với các kênh truyền thông số hiệu quả để tiếp cận, tư vấn và hỗ trợ khách hàng một cách kịp thời và chính xác.

DSC sẽ tiếp tục cải tiến hệ thống và tăng cường các tiện ích trên hệ thống đầu tư của DSC, tạo ra trải nghiệm người dùng (UX/UI) tốt nhất nhằm đảm bảo được hoạt động tư vấn số cho các Khách hàng diễn ra một cách trơn tru, hiệu quả.

Bộ ba kiến tạo giá trị: NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ, TỰ DOANH VÀ ỦY THÁC ĐẦU TƯ

Trong những năm tiếp theo, DSC sẽ tăng cường mở rộng hợp tác, với các Doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết, các đối tác, định chế tài chính quốc tế và trong nước để tạo ra giá trị mới cho Khách hàng và Nhà đầu tư.

Sau thời gian xây dựng, hoàn thiện đội ngũ và quy trình, Ban lãnh đạo của DSC đã đề ra chiến lược dài hạn dựa trên tinh thần **“KẾT NỐI ĐỂ KIẾN TẠO”**. Bên cạnh mảng Môi giới và Cho vay ký quỹ truyền thống, DSC tạo ra sự kết hợp giữa mảng Ngân hàng đầu tư, Tự doanh và Ủy thác đầu tư, dựa trên lợi thế vững chắc của đội ngũ Ban lãnh đạo của DSC.

Mảng Ngân hàng đầu tư – Hưởng lợi lớn từ nhu cầu M&A của cổ đông mẹ và dư địa phát triển dài hạn

DSC chuyển hướng mạnh mẽ sang mô hình kinh doanh kiến tạo giá trị thực sự, tập trung khai thác các cơ hội chất lượng từ giai đoạn đáy của ngành Ngân hàng đầu tư (Investment Banking) tại Việt Nam. Chúng tôi đánh giá rõ ràng rằng ngành IB đang hình thành đáy và bước vào giai đoạn phục hồi với dư địa tăng trưởng bền vững, đặc biệt khi kinh tế vĩ mô ổn định và dòng vốn nội – ngoại dần quay trở lại.

DSC có lợi thế vượt trội nhờ mối quan hệ chặt chẽ và uy tín tích lũy từ các thương vụ M&A lớn liên quan đến cổ đông mẹ. Trong giai đoạn 2026 – 2030, mảng Ngân hàng đầu tư của DSC dự kiến hưởng lợi mạnh mẽ từ làn sóng nhu cầu tái cấu trúc, sáp nhập và mua lại của các tập đoàn lớn – đặc biệt là cổ đông mẹ. Chúng tôi không chỉ dừng ở vai trò tư vấn mà còn tham gia sâu hơn thông qua chiến lược đồng đầu tư (Co-Invest) – trực tiếp đầu tư cùng cổ đông lớn trong các thương vụ chiến lược.

Thị trường M&A Việt Nam đang có dấu hiệu phục hồi rõ nét với số lượng và giá trị giao dịch tăng dần, tập trung vào các lĩnh vực bất động sản, công nghiệp, tiêu dùng và công nghệ. DSC tận dụng kinh nghiệm, mạng lưới quan hệ và uy tín đã được kiểm chứng để dẫn dắt các thương vụ chất lượng cao, từ tư vấn độc lập đến thực hiện giao dịch phức tạp.

- **Tối ưu hóa nội lực:** Tăng cường hiệu quả vận hành thông qua cấu trúc tài chính linh hoạt.
- **Kết nối toàn cầu:** Khai thác mạng lưới đối tác chiến lược và quan hệ quốc tế sâu rộng từ hệ sinh thái Tập đoàn
- **Kỷ luật tài chính:** Thiết lập hệ thống quản trị rủi ro và dòng tiền nghiêm ngặt theo chuẩn mực quốc tế.
- **Nâng tầm quản trị:** Chuẩn hóa năng lực điều hành, tạo nền tảng vững chắc cho lộ trình niêm yết hoặc huy động vốn quy mô lớn.

Mảng Tự doanh và Ủy thác đầu tư – Hướng tới khách hàng Ultra High Net Worth

DSC phát triển mảng Tự doanh thành nền tảng cốt lõi để phục vụ phân khúc khách hàng có tài sản lớn (Ultra High Net Worth) – cả kênh tư nhân (private) lẫn công khai (public). Chúng tôi không chỉ chia sẻ năng lực tự doanh chuyên sâu mà còn mở rộng danh mục sản phẩm tài chính đa dạng, đáp ứng toàn diện nhu cầu phức tạp của nhóm khách hàng này.

Từ năm 2026 – 2030, DSC hướng tới việc trở thành nhà cung cấp dịch vụ tài chính vượt ra khỏi khuôn khổ công ty chứng khoán truyền thống. Các sản phẩm và dịch vụ sẽ được mở rộng bao gồm:

- Vượt xa mô hình quản lý quỹ truyền thống, với dịch vụ Ủy thác đầu tư, DSC vận hành dòng vốn ủy thác với tư duy của một nhà kinh doanh vốn chuyên nghiệp. Mục tiêu trọng yếu là thiết lập “ngưỡng phòng vệ” tuyệt đối để tối thiểu hóa sự sụt giảm tài sản (Drawdown), đồng thời khai thác các vị thế đầu tư có hiệu suất lợi nhuận ổn định. Chúng tôi chuyển hóa nhu cầu tài chính đa dạng của khách hàng thành các chiến lược phân bổ vốn linh hoạt, đảm bảo tính thanh khoản và khả năng sinh lời bền bỉ qua các chu kỳ thị trường.
- Các sản phẩm thu nhập cố định (Fixed Income) như trái phiếu, sản phẩm tiền gửi với chất lượng cao, nắm bắt nhạy bén xu hướng lãi suất thị trường, đảm bảo sự an toàn tối đa cho dòng vốn nhàn rỗi trong khi vẫn tối ưu hóa lợi suất;
- Giải pháp chiến lược kết hợp đột phá giữa Thị trường tư nhân (Private Market) – bao gồm đầu tư trực tiếp, các quỹ chuyên biệt có rào cản gia nhập cao – và Thị trường đại chúng (Public Market) như cổ phiếu, trái phiếu niêm yết;
- Các sản phẩm tùy chỉnh (bespoke solutions) phù hợp với nhu cầu bảo toàn vốn, tăng trưởng dài hạn và đa dạng hóa danh mục của khách hàng lớn.

Khách hàng Ultra High Net Worth thường có nhu cầu đa dạng và với các dịch vụ mà DSC cung cấp. DSC cam kết đồng hành lâu dài, cung cấp dịch vụ toàn diện, minh bạch và hiệu quả, giúp khách hàng đạt được mục tiêu tài chính bền vững.

Tầm nhìn tổng thể 2026 – 2030

DSC hướng tới việc trở thành một định chế tài chính thực sự kiến tạo giá trị, không chạy theo tăng trưởng ngắn hạn mà tập trung mang lại lợi ích lâu dài cho khách hàng lớn, cổ đông và xã hội. Bằng cách tận dụng lợi thế từ cổ đông mẹ, năng lực tự doanh mạnh mẽ và chiến lược chuyển đổi số thận trọng, DSC sẽ củng cố vị thế dẫn đầu trong mảng Ngân hàng đầu tư và dịch vụ tài chính cao cấp, đồng thời mở rộng tầm ảnh hưởng ra khu vực với định hướng quốc tế hóa.

Với nguyên tắc cốt lõi là thận trọng bảo vệ vốn và hiệu quả sử dụng vốn, DSC cam kết phát triển bền vững, tạo ra giá trị thực sự thay vì lạm dụng tài nguyên, góp phần vào sự thịnh vượng chung của thị trường tài chính Việt Nam.



04

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thông tin chung

Trong năm 2025, Hội đồng Quản trị của DSC gồm 04 thành viên, trong đó có 01 thành viên HĐQT độc lập. Công tác chuẩn bị và đề cử nhân sự HĐQT được thực hiện tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế quản trị nội bộ, bảo đảm đúng trình tự, thủ tục theo quy định hiện hành.

Cơ cấu HĐQT của DSC được xây dựng theo hướng cân đối và hợp lý giữa các thành viên có kinh nghiệm quản lý, am hiểu pháp luật, tài chính và lĩnh vực chứng khoán, đồng thời phân định rõ vai trò, chức năng và trách nhiệm giữa thành viên điều hành, thành viên không điều hành và thành viên HĐQT độc lập. Cơ cấu này đáp ứng yêu cầu về tỷ lệ thành viên độc lập theo quy định, qua đó góp phần bảo đảm tính độc lập, khách quan và hiệu quả trong hoạt động của HĐQT.

Các thành viên HĐQT của DSC đều là những nhân sự có uy tín nghề nghiệp, đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định để đảm nhiệm chức danh thành viên HĐQT và thành viên HĐQT độc lập, đóng góp tích cực vào công tác định hướng chiến lược, giám sát và quản trị Công ty.

Danh sách chi tiết các thành viên HĐQT cùng tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

STT	Thành viên	Chức danh	Năm sinh	Số CP sở hữu tại ngày 01/01/2025		Số CP sở hữu tại ngày 31/12/2025	
				Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ
1	Nguyễn Đức Anh	Chủ tịch HĐQT	1995	72.999.800	35,64%	85.409.766	31,06%
2	Bạch Quốc Vinh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1975	300.000	0,15%	402.755	0,15%
3	Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT	1986	6.059.800	2,96%	7.089.966	2,58%
4	Bùi Văn Hùng	Thành viên HĐQT độc lập	1970	15.000	0,01%	20.137	0,01%

STT	Họ tên	Chức vụ	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
1	Nguyễn Đức Anh	Chủ tịch HĐQT	08/01/2021	
2	Bạch Quốc Vinh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	20/04/2022	
3	Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT	08/01/2021	
4	Vũ Nhật Lâm	Thành viên HĐQT	26/07/2021	04/04/2025
5	Bùi Văn Hùng	Thành viên HĐQT độc lập	04/04/2025	

Một số thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng và Thư ký Công ty đã hoàn thành các khóa đào tạo về quản trị công ty và đã được UBCKNN cấp chứng chỉ theo quy định. Các thành viên mới được bầu sẽ tham gia đầy đủ các khóa đào tạo về quản trị công ty theo đúng quy định của pháp luật và của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị

Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức 44 cuộc họp định kỳ và bất kỳ, kịp thời với diễn biến của hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tỷ lệ tham gia các cuộc họp của thành viên HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Đức Anh	44/44	100%	
2	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	44/44	100%	
3	Ông Bạch Quốc Vinh	44/44	93.2%	Không được tham gia biểu quyết
4	Ông Vũ Nhật Lâm	0/8	0%	Lý do cá nhân
5	Ông Bùi Văn Hùng	36/36	100%	

Các nghị quyết/ quyết định của HĐQT trong năm 2025

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2025/NQ-HĐQT/DSC	02/01/2025	Phê duyệt Hợp đồng/Giao dịch với Người Nội bộ của Công ty	100%
2	01.1/2025/NQ-HĐQT/DSC	02/01/2025	Phê duyệt hạn mức tự doanh năm 2025 của Công ty	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
3	01/2025/NQ-HĐQT/DSC	20/01/2025	Miễn nhiệm và bổ nhiệm Giám đốc (Người đứng đầu) Chi nhánh HCM	100%
4	02/2025/NQ-HĐQT/DSC	22/01/2025	Phê duyệt điều chỉnh Tổng hạn mức dư nợ cho vay ký quỹ/ứng trước tiền bán.	100%
5	03/2025/NQ-HĐQT/DSC	24/01/2025	Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2024 và Kế hoạch thưởng hiệu quả kinh doanh năm 2024	100%
6	04/2025/NQ-HĐQT/DSC	07/02/2025	Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
7	05/2025/NQ-HĐQT/DSC	10/03/2025	Tái bổ nhiệm chức danh Phụ trách Phòng Kiểm toán nội bộ của Công ty	100%
8	06/2025/NQ-HĐQT/DSC	21/03/2025	Thông qua Bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
9	07/2025/NQ-HĐQT/DSC	24/04/2025	Triển khai thực hiện Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua	100%
10	08/2025/NQ-HĐQT/DSC	24/04/2025	Phê duyệt Danh mục Hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua	100%
11	09/2025/NQ-HĐQT/DSC	23/05/2025	Phê duyệt nhận cấp hạn mức tín dụng với Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát Triển	100%
12	10/2025/NQ-HĐQT/DSC	23/05/2025	Phê duyệt nhận cấp hạn mức tín dụng với Ngân hàng TMCP Á Châu	100%
13	11/2025/NQ-HĐQT/DSC	26/05/2025	Thông qua việc Tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản lần 01 năm 2025	100%
14	/2025/NQ-HĐQT/DSC	13/06/2025	Phê duyệt Bộ tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản lần 01 năm 2025	100%
15	13/2025/NQ-HĐQT/DSC	18/06/2025	Phê duyệt việc nhận cấp hạn mức tín dụng với Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	100%
16	14/2025/NQ-HĐQT/DSC	20/06/2025	Phê duyệt việc nhận cấp hạn mức tín dụng với Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	100%
17	15/2025/NQ-HĐQT/DSC	25/06/2025	Triển khai thực hiện Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua	100%

18	16/2025/NQ-HĐQT/DSC	25/06/2025	Phê duyệt Danh mục Hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua	100%
19	17/2025/NQ-HĐQT/DSC	24/04/2025	Phê duyệt lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ An toàn tài chính năm 2025	100%
20	18/2025/NQ-HĐQT/DSC	04/07/2025	Báo cáo kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2025 và Kế hoạch KD 6 tháng cuối năm 2025 của Công ty	100%
21	20/2025/NQ-HĐQT/DSC	17/07/2025	Phê duyệt việc điều chỉnh thông tin tại Tờ trình Đại hội đồng cổ đông số 11/2024/TTr-ĐHĐCĐ/DSC ngày 27/02/2024	100%
22	20.1/2025/NQ-HĐQT/ DSC	01/08/2025	Phê duyệt điều chỉnh Tổng hạn mức dư nợ cho vay ký quỹ/ứng trước tiền bán	100%
23	21/2025/NQ -HĐQT/DSC	08/08/2025	Thông qua việc Tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản lần 02/2025	100%
24	21.1/2025/NQ -HĐQT/ DSC	18/08/2025	Phê duyệt đầu tư tự doanh đối với mã chứng khoán VDP	100%
25	22/2025/NQ-HĐQT/DSC	21/08/2025	Phê duyệt việc nhận cấp Hạn mức tín dụng với Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	100%
26	22.1/2025/NQ -HĐQT/ DSC	26/08/2025	Phê duyệt các nội dung liên quan đến kiểm toán nội bộ năm 2025 của Công ty	100%
27	23/2025/NQ -HĐQT/DSC	28/08/2025	Phê duyệt Bộ tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản lần 02/2025	100%
28	24/2025/NQ-HĐQT/DSC	05/09/2025	Phê duyệt ban hành “Quy chế Quản lý tuân thủ”	100%
29	25/2025/NQ-HĐQT/DSC	13/06/2025	Phê duyệt việc nhận cấp hạn mức tín dụng tại Công ty Tài chính tín dụng tiêu dùng TNHH MB Shinsei (Mcredit)	100%
30	26/2025/NQ-HĐQT/DSC	19/09/2025	Thông qua chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua chứng khoán và trả cổ tức bằng cổ phiếu	100%
31	26.1/2025/NQ-HĐQT/ DSC	03/10/2025	Phê duyệt điều chỉnh tăng hạn mức tự doanh năm 2025 của Công ty	100%
32	27/2025/NQ-HĐQT/DSC	13/10/2025	Thông qua triển khai Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty (“ESOP”)	100%
33	28/2025/NQ-HĐQT/DSC	13/10/2025	Thông qua Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (“ESOP”) và Danh sách Cán bộ nhân viên được tham gia chương trình	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
34	29/2025/NQ-HĐQT/DSC	20/10/2025	Thông qua Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	100%
35	30/2025/NQ-HĐQT/DSC	22/10/2025	Thông qua điều chỉnh gia hạn thời gian thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu	100%
36	31/2025/NQ-HĐQT/DSC	31/10/2025	Báo cáo Kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2025 & Kế hoạch kinh doanh 03 tháng cuối năm 2025 của Công ty	100%
37	32/2025/NQ-HĐQT/DSC	20/11/2025	Thông qua Phương án xử lý cổ phiếu chưa phân phối hết và Kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu	100%
38	33/2025/NQ-HĐQT/DSC	24/11/2025	Thông qua Báo cáo Kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng và sửa đổi điều lệ Công ty	100%
39	34/2025/NQ-HĐQT/DSC	18/08/2025	Thông qua việc sửa đổi Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (“ESOP”)	100%
40	35/2025/NQ-HĐQT/DSC	03/12/2025	Thông qua việc sửa đổi, bổ sung “Quy định về Phòng, chống rửa tiền”	100%
41	36/2025/NQ-HĐQT/DSC	05/12/2025	Thông qua việc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản lần 3 năm 2025	100%
42	36.1/2025/NQ-HĐQT/ DSC	26/12/2025	Phê duyệt Tổng Dự toán Công trình: “Cung cấp, lắp đặt hoàn thiện nội thất tại PGD Hàm Long – Tòa nhà HEAC số 14-16 phố Hàm Long, Phường Cửa Nam, TP Hà Nội	100%
43	37/2025/NQ-HĐQT/DSC	31/12/2025	Phê duyệt việc nhận cấp Hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TNHH Indovina (“Indovina”)	100%
44	36.1/2025/NQ-HĐQT/ DSC	31/12/2025	Phê duyệt bộ tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản lần 03 năm 2025	100%

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc

Hội đồng Quản trị nhận thấy Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện nhiệm vụ thành công, cụ thể như sau:

- Ban Tổng Giám đốc đã thực thi tốt kế hoạch kinh doanh năm 2025: tổng tài sản, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận tăng trưởng như kế hoạch, theo đúng định hướng chiến lược hoạt động Hội đồng quản trị đề ra.
- Hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ được củng cố. Hoạt động Kiểm toán nội bộ tiếp tục được củng cố để đảm bảo vận hành mô hình 3 tuyến phòng thủ hiệu quả.

- Mô hình kinh doanh, cơ cấu tổ chức được điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với định hướng phát triển kinh doanh
- Các giải pháp kinh doanh thường xuyên được cập nhật và điều chỉnh theo điều kiện của thị trường.
- Hệ thống công nghệ thông tin đảm bảo an toàn trong vận hành và giúp thúc đẩy quá trình chuyển đổi số.
- Tiếp tục tối ưu chi phí và tăng hiệu quả hoạt động theo định hướng đã đề ra.

Qua quá trình giám sát, HĐQT đánh giá Ban Tổng Giám đốc năm 2025 đã triển khai nghiêm túc các Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT; kịp thời thông tin báo cáo và điều chỉnh tiến trình thực hiện phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu của HĐQT; đề xuất các kế hoạch kinh doanh và những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý Công ty.

Bên cạnh đó, HĐQT cũng đã giành nhiều thời gian trao đổi, thảo luận với Ban Tổng Giám đốc để thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty trên cơ sở thực hiện đúng Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và quy định pháp luật hiện hành.

Hoạt động của các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)

Chức năng của Ban Kiểm soát trực thuộc Hội đồng quản trị được giao cho các nhân sự chuyên trách.

Các kế hoạch, định hướng của HĐQT năm 2026

- Chỉ đạo và giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện thành công kế hoạch kinh doanh 2026 và phù hợp với điều kiện thị trường; kiểm soát tốt chất lượng dư nợ cho vay ký quỹ; tiếp tục tối ưu hóa hoạt động, duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận; tiếp tục nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng và trải nghiệm khách hàng.
- Chuyển dịch dần sang định hướng Ngân hàng đầu tư trong giai đoạn 2026-2030;

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:



BÀ: NGUYỄN THỊ HIỀN NGỌC

Trưởng ban Kiểm soát

Cử nhân kinh tế

Với hơn 35 năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực kế toán, bà Hiền Ngọc đã từng nắm giữ nhiều vị trí quan trọng như Giám đốc Ban Tài chính – CTCP Tập đoàn Thành Công; Trưởng văn phòng đại diện CTCP Tập đoàn Thành Công tại Hà Nội.



BÀ: BÙI THỊ NGỌC LY

Thành viên Ban Kiểm soát

Cử nhân kinh tế

Với kinh nghiệm hơn 10 năm trong lĩnh vực tài chính, kế toán tại CTCP Tập đoàn Thành Công.



BÀ: LÊ THỊ LIÊN
Thành viên Ban Kiểm soát

Cử nhân kinh tế

Với kinh nghiệm hơn 10 năm trong lĩnh vực tài chính, kế toán tại CTCP Tập đoàn Thành Công.

Thay đổi thành viên Ban kiểm soát: **không có**

Hoạt động chung

Ban kiểm soát đã thực hiện đúng trách nhiệm và quyền hạn của mình theo chức năng và nhiệm vụ đã được ghi rõ tại Điều lệ Công ty, tuân thủ các quy định trong Luật Doanh nghiệp, bao gồm việc kiểm tra tính hợp lý, tuân thủ quy chế, điều lệ của các hoạt động kinh doanh, kiểm tra các BCTC năm 2025.

Hoạt động giám sát đối với Hội đồng Quản trị

Ban kiểm soát đã thực hiện đúng trách nhiệm và quyền hạn của mình theo chức năng và nhiệm vụ đã được ghi rõ tại Điều lệ Công ty, tuân thủ các quy định trong Luật Doanh nghiệp, bao gồm việc kiểm tra tính hợp lý, tuân thủ quy chế, điều lệ của các hoạt động kinh doanh, kiểm tra các BCTC năm 2025.

- Giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh cũng như sự tuân thủ của Công ty đối với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ. Hoạt động của HĐQT Công ty đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Nghị quyết ĐHĐCĐ và Điều lệ Công ty. Tổng Giám đốc đã tuân thủ đúng chức năng, nhiệm vụ và phân cấp của HĐQT, tích cực triển khai việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT;
- Trực tiếp đánh giá tình hình triển khai kế hoạch kinh doanh của Công ty, thường xuyên phối hợp, đưa ra các yêu cầu cung cấp hồ sơ, tài liệu hoặc tổ chức làm việc trực tiếp với Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý Công ty, nhằm có đầy đủ thông tin, dữ liệu cần thiết để thực hiện công việc.

Cuộc họp của Ban Kiểm soát/ Ủy ban Kiểm toán

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỉ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Thị Hiền Ngọc	4/4	100%	100%	
2	Lê Thị Liên	4/4	100%	100%	
3	Bùi Thị Ngọc Ly	4/4	100%	100%	

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông

Trong năm 2025, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc duy trì mối quan hệ với BKS, nâng cao hoạt động giám sát, đóng góp ý kiến khi cần thiết.

Công ty đã thực hiện đầy đủ việc công bố thông tin những vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động theo quy định của pháp luật.

BKS không nhận được các đơn khiếu nại của cổ đông trong năm 2025.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS/Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng các cán bộ quản lý khác của Công ty và Ban Kiểm soát chủ động liên lạc, trao đổi với nhau khi có những hoạt động kinh doanh cần thiết có ý kiến của các Bên trên tinh thần đoàn kết, hỗ trợ, nhằm mục đích hoàn thiện và phát triển Công ty.

Hoạt động khác của BKS (nếu có)

Không có

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Người nội bộ của Công ty (Thành viên HĐQT)	Số Căn cước: 033186007455 Ngày cấp: 03/12/2020; Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH	Kết TP Giao lưu TDP Hoàng 20, Cổ Nhuế, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	02/01/2025	Nghị quyết HĐQT số 01/2025/ NQ-HĐQT/ DSC ngày 02/01/2025	Nội dung: DSC cung cấp dịch vụ tư vấn/tư vấn đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật và theo yêu cầu của bà Hà. Tổng giá trị: 806.000.000 VND

Ghi chú/Note: số Giấy NSH*: số CCCD/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức).

Giao dịch giữa Công ty với các đối tượng khác:

Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): Không có

Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: Không có

Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác: Không có

Giao dịch cổ phiếu

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư NTP	Người liên quan của ông Nguyễn Đức Anh và bà Nguyễn Thị Thu Hà	72.999.800	35,64%	81.900.000	29,78%	- Nhận cổ tức phát hành bằng cổ phiếu (Tỷ lệ 17%);
2	Nguyễn Đức Anh	Người nội bộ	70.000.000	34,17%	85.409.766	31,06%	- Nhận cổ tức phát hành bằng cổ phiếu (Tỷ lệ 17%);
3	Bạch Quốc Vinh	Người nội bộ	300.000	0,15%	402.755	0,15%	- Thực hiện quyền mua Phát hành cho cổ đông hiện hữu; - Nhận cổ tức phát hành bằng cổ phiếu (Tỷ lệ 17%);
4	Nguyễn Thị Thu Hà	Người nội bộ	6.059.800	2,96%	7.089.966	2,58%	- Thực hiện quyền mua Phát hành cho cổ đông hiện hữu; - Nhận cổ tức phát hành bằng cổ phiếu (Tỷ lệ 17%);
5	Bùi Văn Hùng	Người nội bộ	15.000	0,01%	20.137	0,01%	- Thực hiện quyền mua Phát hành cho cổ đông hiện hữu; - Nhận cổ tức phát hành bằng cổ phiếu (Tỷ lệ 17%);
6	Nguyễn Thị Hiền Ngọc	Người nội bộ	25.000	0,01%	33.562	0,01%	- Thực hiện quyền mua Phát hành cho cổ đông hiện hữu; - Nhận cổ tức phát hành bằng cổ phiếu (Tỷ lệ 17%);
7	Lê Thị Liên	Người nội bộ	8.000	0,00%	8.000	0,00%	- Bán; - Thực hiện quyền mua Phát hành cho cổ đông hiện hữu; - Nhận cổ tức phát hành bằng cổ phiếu (Tỷ lệ 17%);

8	Bùi Thị Ngọc Ly	Người nội bộ	6.400	0,00%	7.001	0,00%	- Thực hiện quyền mua Phát hành cho cổ đông hiện hữu; - Nhận cổ tức phát hành bằng cổ phiếu (Tỷ lệ 17%);
9	Trần Minh Toàn	Người nội bộ	22.900	0,01%	30.743	0,01%	- Thực hiện quyền mua Phát hành cho cổ đông hiện hữu; - Nhận cổ tức phát hành bằng cổ phiếu (Tỷ lệ 17%);

Thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc

Vui lòng xem tại mục 7 - Thuyết minh - Báo cáo tài chính DSC 2025

QUẢN TRỊ RỦI RO

Tổng quan về hệ thống Quản trị rủi ro

Hệ thống Quản trị rủi ro là trọng tâm của HĐQT và Ban lãnh đạo của DSC, là nền tảng cốt lõi cho hành trình phát triển vượt bậc của DSC cũng như giúp DSC có được tư thế chủ động trước những biến số khó lường của nền kinh tế toàn cầu.

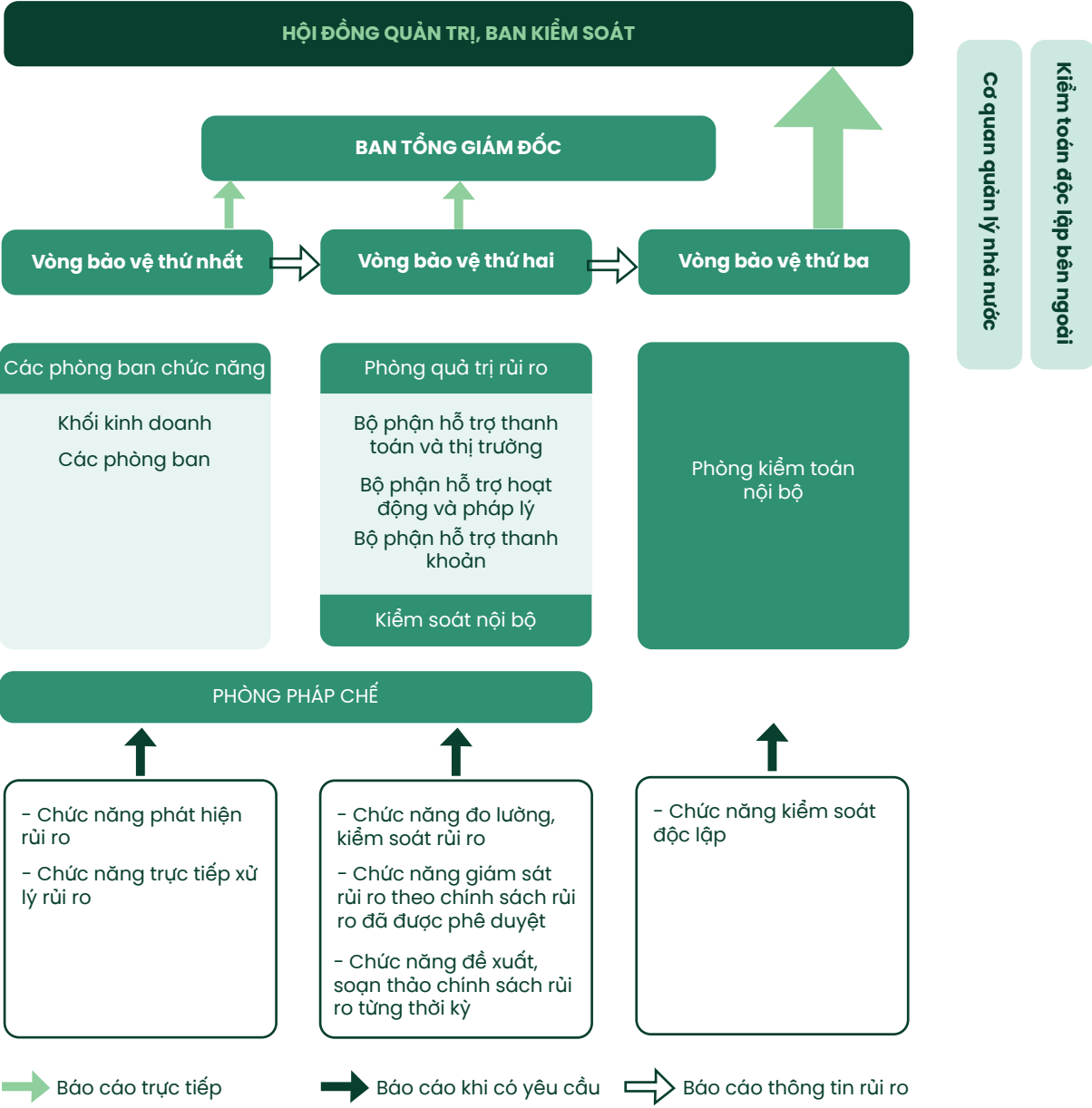
Do đó, song hành với mục tiêu trở thành một định chế tài chính toàn diện, DSC ngày càng chú trọng tăng cường hoạt động quản trị rủi ro. Hiện nay, Công ty đã triển khai hoạt động quản trị rủi ro thông qua việc thiết lập, vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ theo thông lệ tốt của quốc tế và phù hợp quy định pháp luật của Việt Nam.

Trong năm 2025, hệ thống chính sách và quy trình Quản trị rủi ro (QTRR) của DSC tiếp tục được rà soát, đánh giá và hoàn thiện nhằm bảo đảm mức độ phù hợp với thực tiễn hoạt động kinh doanh cũng như định hướng phát triển của Công ty. Song song với đó, DSC đẩy mạnh các chương trình đào tạo và nâng cao nhận thức về rủi ro, góp phần tăng cường năng lực phòng ngừa và kiểm soát rủi ro trong toàn hệ thống thông qua nhiều hình thức triển khai linh hoạt.

DSC xác định quản trị rủi ro là nền tảng cốt lõi trong hệ thống quản trị doanh nghiệp, nhằm đảm bảo hoạt động an toàn, bền vững và tuân thủ pháp luật trong mọi giai đoạn phát triển. Công tác quản trị rủi ro được triển khai theo hướng chủ động, phòng ngừa và xuyên suốt, gắn chặt với chiến lược kinh doanh, năng lực tài chính và điều kiện thị trường của Công ty.

DSC không theo đuổi việc loại bỏ hoàn toàn rủi ro, mà tập trung nhận diện sớm, đo lường phù hợp và kiểm soát rủi ro trong phạm vi khẩu vị rủi ro đã được phê duyệt, qua đó thực hiện vai trò tư vấn và cảnh báo rủi ro, hỗ trợ Ban Điều hành và các đơn vị kinh doanh đưa ra quyết định phù hợp, đảm bảo sự cân bằng giữa mục tiêu tăng trưởng và an toàn hệ thống.

DSC xây dựng cấu trúc tổ chức quản trị rủi ro theo mô hình 3 tuyến phòng vệ. Hoạt động QTRR không chỉ được thực hiện bởi Bộ phận Quản trị Rủi ro, mà còn được tích hợp ngay trong các bộ phận kinh doanh, đồng thời chịu sự giám sát, kiểm tra định kỳ của Kiểm toán nội bộ, nhằm bảo đảm tính độc lập và hiệu quả của hệ thống kiểm soát.



Nhận diện và định hướng quản trị rủi ro

Trên các đánh giá, phân tích và kinh nghiệm trong thời gian vận hành, DSC đã nhận diện được các rủi ro trọng yếu đi kèm với các định hướng để quản trị các loại rủi ro trọng yếu.

Rủi ro thanh toán là những rủi ro xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết.

Định hướng quản trị rủi ro thanh toán:

- DSC kiểm soát chặt chẽ danh mục cấp dịch vụ tài chính cho Khách hàng trên cơ sở chính sách khung tiêu chí danh mục đã được phê duyệt. Mọi thay đổi về chính sách khung tiêu chí danh mục phải được thông qua bởi cấp có thẩm quyền.
- DSC xây dựng các sản phẩm dịch vụ tài chính, dịch vụ ngân hàng đầu tư cho khách hàng trên cơ sở các đơn vị kinh doanh chứng minh các lợi ích thu được lớn hơn rủi ro tiềm ẩn và có các biện pháp quản trị rủi ro/giảm thiểu rủi ro đối với các dịch vụ này phù hợp với các giới hạn rủi ro của DSC, được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- DSC hạn chế tối đa các trường hợp phát sinh nợ quá hạn, nợ xấu, áp dụng vào KPI của các đơn vị kinh doanh về chỉ tiêu phát sinh nợ quá hạn/nợ xấu mới. Các đơn vị kinh doanh phải đánh giá/ kiểm soát khả năng và tình hình tài chính của khách hàng thông qua công tác thường xuyên nắm bắt thông tin, cập nhật những khó khăn, kế hoạch thực hiện nghĩa vụ tài chính của Khách hàng để bảo đảm thu hồi nợ ngay khi đến hạn, không để phát sinh nợ quá hạn/nợ xấu. Việc thẩm định, xác thực Khách hàng phải được triển khai và tuân thủ chặt chẽ tại các đơn vị kinh doanh.
- Ban Tổng Giám đốc xây dựng chính sách QTRR từng thời kỳ trình cấp thẩm quyền phê duyệt. Căn cứ vào chính sách QTRR đã ban hành, triển khai chi tiết các tiêu chí đo lường rủi ro thanh toán để giám sát.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro làm thay đổi các giá trị tài sản đang sở hữu theo chiều hướng bất lợi. Rủi ro thị trường có thể xảy ra do sự thay đổi các yếu tố của nền kinh tế, chính trị (tỷ giá hối đoái, lãi suất, giá cả, sự ổn định của nền kinh tế,...) tác động dẫn đến rủi ro về giá và thanh khoản của chứng khoán.

Định hướng quản trị rủi ro thị trường:

- Kiểm soát 100% các mã chứng khoán thuộc diện cảnh báo, kiểm soát của cơ quan chức năng (UBCKNN, SGD chứng khoán). Không thực hiện đầu tư tự doanh vào các doanh nghiệp thuộc diện kiểm soát của cơ quan chức năng.
- Theo dõi chặt chẽ các biến động thị trường (xu hướng biến động của thị trường về giá và thanh khoản, các giao dịch bất thường có các yếu tố có thể bị quy kết làm giá) và phải có báo cáo định kỳ/bất thường cho các cấp có thẩm quyền.
- Xây dựng kịch bản đối phó với các giả định thị trường trong trường hợp xấu nhất xảy ra: giá giảm/ thị trường mất thanh khoản.
- Kiểm soát/ theo dõi biến động thị trường phải là trách nhiệm và nghĩa vụ của tất cả các đơn vị Kinh doanh, Quản trị rủi ro, Nghiên cứu, Đầu tư.
- Ban Tổng Giám đốc xây dựng chính sách QTRR từng thời kỳ trình cấp thẩm quyền phê duyệt. Căn cứ vào chính sách QTRR đã ban hành, triển khai chi tiết các tiêu chí đo lường rủi ro thị trường để giám sát.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản phát sinh khi DSC không bảo đảm khả năng thực hiện đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thanh toán đến hạn, bao gồm: thanh toán các khoản nợ phải trả; đáp ứng nhu cầu giải ngân cho hoạt động giao dịch ký quỹ (margin) của nhà đầu tư; thanh toán tiền mua chứng khoán cho hoạt động tự doanh trong các trường hợp nhà đầu tư tổ chức nước ngoài thực hiện giao dịch không yêu cầu ký quỹ; hoặc đáp ứng kịp thời các yêu cầu rút tiền và thanh toán trên tài khoản giao dịch của khách hàng tại DSC.

Định hướng quản trị rủi ro thanh khoản:

- Định hướng đa dạng hóa nguồn vốn đảm bảo hoạt động kinh doanh và thanh khoản của Công ty.
- Xây dựng và áp dụng hệ thống báo cáo, bộ tiêu chí đo lường rủi ro thanh khoản cụ thể, phù hợp với các quy định của pháp luật và khả năng chấp nhận rủi ro của DSC trong từng thời kì.
- Tuân thủ quy trình cân đối nguồn trên cơ sở tính toán thận trọng đảm bảo việc cân đối nguồn sát với thực tế. Đảm bảo nguyên tắc xác định có nguồn huy động mới quyết định đầu tư hoặc cho vay. Tuân thủ chặt chẽ các quy chế, quy định về kiểm soát chi phí đảm bảo theo đúng kế hoạch được giao hàng năm
- Đảm bảo xây dựng kế hoạch nguồn hàng năm linh hoạt trước những thay đổi có thể dự kiến được của các yếu tố vĩ mô (quy định pháp luật, lãi suất,...) và phù hợp với định hướng chiến lược của DSC trong từng thời kì.
- Theo dõi chặt chẽ về biến động lãi suất, tỷ giá trên thị trường để kịp thời điều chỉnh, cân đối dòng tiền đảm bảo nguồn cung đáp ứng đủ cầu, phù hợp với các giới hạn rủi ro của công ty.
- Đánh giá định kỳ về hiệu quả sử dụng nguồn vốn của DSC nói chung và từng đơn vị có nhu cầu sử dụng nguồn nói riêng; trên cơ sở đó, đưa ra các điều chỉnh cần thiết và cân nhắc việc phân bổ nguồn cho giai đoạn tiếp theo.
- Định kỳ rà soát lại các chính sách, quy định, quy trình về cân đối, huy động nguồn và phân bổ nguồn, đảm bảo sự phối hợp, tương tác chặt chẽ, kịp thời giữa các đơn vị tham gia đồng thời đảm bảo hoạt động các chốt kiểm soát nhất định.
- Cập nhật thường xuyên, liên tục các sự kiện liên quan đến hoạt động nguồn của DSC để làm cơ sở đánh giá tình hình hoạt động của toàn công ty ở mảng nguồn vốn cũng như phát triển các tình huống rủi ro trong tương lai.

Trong năm 2025, hoạt động quản lý thanh khoản của DSC được triển khai an toàn và hiệu quả, không ghi nhận sự cố rủi ro thanh khoản. Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty luôn được duy trì ở mức **784%**, cao hơn đáng kể so với mức tối thiểu **180%** theo quy định của cơ quan quản lý, qua đó khẳng định năng lực tài chính và khả năng đáp ứng nghĩa vụ thanh toán của DSC trong mọi điều kiện thị trường.

Rủi ro pháp lý

DSC hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán và chịu sự điều chỉnh trực tiếp của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư, Luật Kế toán, Luật Phòng, chống rửa tiền, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan. Do đó, Công ty có thể đối mặt với rủi ro phát sinh từ việc các văn bản hướng dẫn thi hành chưa đầy đủ, chưa đồng bộ hoặc có sự thay đổi về chính sách pháp luật, trong trường hợp việc cập nhật và áp dụng chưa kịp thời. DSC thường xuyên theo dõi, rà soát và cập nhật các quy định pháp luật nhằm hạn chế tối đa các rủi ro pháp lý có thể phát sinh, bao gồm các rủi ro liên quan đến tuân thủ và phòng, chống rửa tiền.

Rủi ro hoạt động và rủi ro thương hiệu

Rủi ro hoạt động là rủi ro gây ra tổn thất do các nguyên nhân liên quan đến con người, sự không đầy đủ hoặc vận hành không tốt các quy trình, hệ thống hoặc do tác động của các sự kiện bên ngoài.

Rủi ro thương hiệu là những tổn thất, thiệt hại về giá trị do sự thay đổi trong quan niệm của Khách hàng về DSC như uy tín, hình ảnh, chất lượng phục vụ, có thể ảnh hưởng đến nhu cầu sử dụng sản phẩm và dịch vụ, cũng như mức độ gắn bó của Khách hàng đối với DSC.

Định hướng quản trị rủi ro hoạt động và rủi ro thương hiệu:

- Đảm bảo 100% các quy chế, quy trình, quy định ban hành từ Công ty được P.QTRR soát xét và cho ý kiến ngoại trừ một số trường hợp cấp có thẩm quyền chấp nhận ban hành không qua ý kiến của QTRR.
- Đảm bảo các sự kiện rủi ro trên toàn Công ty được ghi nhận ký và lưu trữ. Công ty chủ động ban hành các quy định, tiêu chuẩn kiểm soát, chế tài xử phạt nhằm hạn chế các hành vi sai phạm phát sinh từ rủi ro đạo đức.
- Đào tạo nâng cao nhận thức cán bộ nhân viên, xây dựng môi trường làm việc để người lao động phát huy tính sáng tạo, tinh thần đoàn kết gắn bó trong công việc, tạo cơ hội cho người lao động phát triển sự nghiệp nhằm hạn chế rủi ro chảy máu chất xám, rủi ro đạo đức nghề nghiệp.
- Đảm bảo các lỗi/thiếu sót đã được phát hiện, khắc phục, điều chỉnh trong các quy trình, quy định, văn bản ban hành của Công ty và không tiếp tục tái diễn.
- Ban hành Quy trình, quy định, hướng dẫn các nghiệp vụ kỹ thuật của Phòng CNTT.
- Đảm bảo phối hợp với các cơ quan truyền thông, phương tiện thông tin đại chúng để kịp thời ngăn chặn ảnh hưởng của các sự kiện rủi ro uy tín khi phát sinh, hạn chế tối đa ảnh hưởng tới hoạt động và hình ảnh của Công ty.
- Ban Tổng Giám đốc xây dựng chính sách QTRR từng thời kỳ trình cấp thẩm quyền phê duyệt. Căn cứ vào chính sách QTRR đã ban hành, triển khai chi tiết các tiêu chí đo lường rủi ro hoạt động và thương hiệu để giám sát.

Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro nêu trên, DSC có thể đối mặt với các rủi ro bất khả kháng như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, bão lụt hoặc các sự kiện khách quan khác. Những rủi ro này, nếu xảy ra, có thể gây thiệt hại về con người và tài sản của Công ty. DSC xây dựng các phương án dự phòng và kế hoạch ứng phó phù hợp nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực của các rủi ro này đối với hoạt động kinh doanh.

Mục tiêu và kế hoạch 2026

Trong năm 2026, Phòng Quản trị Rủi ro định hướng triển khai công tác quản trị rủi ro theo hướng chủ động hơn trong nhận diện và đánh giá rủi ro, tăng cường hiệu quả cảnh báo sớm và gắn chặt công tác quản trị rủi ro với hoạt động điều hành của Công ty. Trọng tâm là đảm bảo các rủi ro trọng yếu phát sinh trong quá trình hoạt động được nhận diện, đánh giá và kiểm soát kịp thời, phù hợp với khẩu vị rủi ro đã được phê duyệt.

Phòng Quản trị Rủi ro dự kiến triển khai các dự án và hoạt động trọng tâm nhằm nâng cao nhận thức về quản trị rủi ro, đồng thời tăng cường hiệu quả ngăn chặn và xử lý rủi ro phát sinh từ hoạt động kinh doanh của các đơn vị trong Công ty, bao gồm:

- Rà soát, cập nhật và chuẩn hóa Bộ Hồ sơ nhận diện rủi ro theo từng mảng hoạt động trọng yếu, làm cơ sở cho việc theo dõi, đánh giá và giám sát rủi ro một cách hệ thống và xuyên suốt;
- Hoàn thiện cơ chế nhận diện và cảnh báo sớm rủi ro, nhằm kịp thời phát hiện các dấu hiệu rủi ro phát sinh và hỗ trợ công tác điều hành trong các giai đoạn thị trường biến động;
- Tiếp tục triển khai và hoàn thiện việc ứng dụng công nghệ và dữ liệu trong công tác quản trị rủi ro, phục vụ hoạt động giám sát, phân tích và nâng cao hiệu quả cảnh báo rủi ro;
- Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông nội bộ và nâng cao văn hóa quản trị rủi ro, góp phần tăng cường nhận thức, trách nhiệm và kỷ luật tuân thủ trong toàn Công ty.

Thông tin cổ phiếu và Hoạt động quan hệ Nhà đầu tư

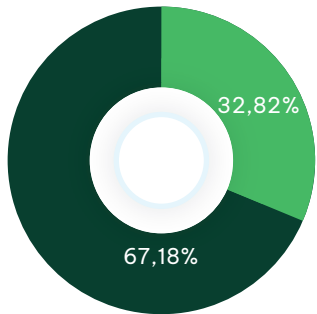
DSC cam kết tuân thủ chặt chẽ quy định về công bố thông tin, đảm bảo minh bạch trong hoạt động kinh doanh. Đồng thời, cung cấp thông tin định kỳ/bất thường và kết quả kinh doanh bằng tiếng Việt & tiếng Anh để nhà đầu tư trong và ngoài nước dễ dàng cập nhật.

Bên cạnh đó, DSC đảm bảo duy trì sự kiện Hội nghị Nhà đầu tư theo quý nhằm tạo cầu nối trao đổi thông tin, giải đáp thắc mắc, giúp cổ đông và nhà đầu tư hiểu rõ hơn về DSC, tăng sự tin tưởng và an tâm khi đầu tư.

Cơ cấu cổ đông DSC

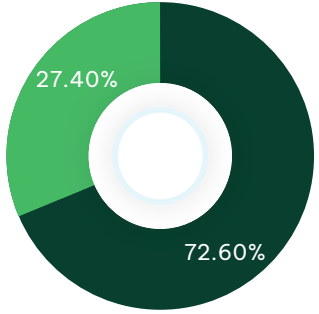
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị tính theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng số vốn cổ phần			
1. Cổ đông nội bộ HĐQT, BGD, BKS, KTT	274,999,911	2,749,999,110,000	100.00%
2. Cổ đông khác			
Cá nhân tổ chức	184,747,106	1,847,471,060,000	67.18%
Tổng số vốn cổ phần	274,999,911	2,749,999,110,000	%
Cổ đông sở hữu từ 5% trở lên	99,659,943	1,996,599,430,000	72.60%
Cổ đông sở hữu dưới 5%	75,339,968	753,399,680,000	27.40%

	Số lượng cổ phiếu	Giá trị tính theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng số vốn cổ phần	274,999,911	2,749,999,110,000	100.00%
Cổ đông nước ngoài	40,170	401,700,000	0.01%
Cổ đông trong nước	274,959,741	2,749,597,410,000	99.99%



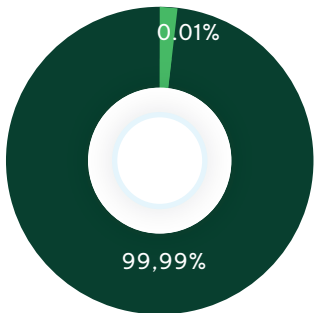
Biểu đồ cơ cấu cổ đông theo cổ phần (%)

Cổ đông nội bộ Cổ đông khác



Biểu đồ cơ cấu cổ đông theo sở hữu (%)

Cổ đông sở hữu từ 5% trở lên Cổ đông sở hữu dưới 5%



Biểu đồ cơ cấu cổ đông trong và ngoài nước (%)

Cổ đông nước ngoài Cổ đông trong nước

Số liệu tại ngày 22/12/2025 Nguồn: Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam

Trong năm 2025, với cam kết về tính minh bạch và tinh thần đồng hành cùng nhà đầu tư, DSC đã định kỳ tổ chức thành công **4 buổi Hội thảo Công bố Kết quả Kinh doanh (Earnings Call)** tương ứng với từng quý. Đây không chỉ đơn thuần là các buổi báo cáo số liệu tài chính khô khan, mà còn là diễn đàn đối thoại trực tiếp, nơi Ban Điều hành DSC chia sẻ chi tiết về chiến lược vận hành, phân tích những chuyển biến của thị trường và giải đáp mọi thắc mắc của cổ đông. Việc duy trì nhịp độ công bố thông tin chuyên nghiệp này đã góp phần củng cố niềm tin vững chắc, khẳng định vị thế của DSC là một định chế tài chính minh bạch, luôn đặt quyền lợi của nhà đầu tư làm trọng tâm trong tiến trình thực thi các chuẩn mực quản trị hiện đại.



05

HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG BÁO CÁO CÁC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tác động đối với nền kinh tế

DSC duy trì hiệu quả hoạt động kinh doanh thông qua các chỉ tiêu cốt lõi như doanh thu và lợi nhuận, qua đó thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, cải thiện thu nhập và các lợi ích kinh tế cho người lao động, đồng thời đảm bảo chính sách cổ tức ổn định và bền vững cho cổ đông.

DSC chủ động đóng góp vào việc hình thành một thị trường tài chính phát triển, minh bạch thông qua hoạt động kết nối dòng vốn và cơ hội đầu tư; thúc đẩy thị trường chứng khoán trở thành kênh huy động vốn trung và dài hạn hiệu quả cho nền kinh tế. Công ty tích cực tham gia đóng góp ý kiến xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến thị trường chứng khoán, góp phần nâng cao tính thực tiễn và chất lượng chính sách; đồng thời tiên phong trong việc nghiên cứu, phát triển và triển khai các sản phẩm mới trên thị trường.

Tác động đối với môi trường

1. Hoạt động phát thải

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính – chứng khoán, tác động môi trường của DSC chủ yếu đến từ vận hành văn phòng, hạ tầng công nghệ thông tin và tiêu thụ năng lượng gián tiếp.

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp:

- Tiêu thụ điện tại trụ sở chính và các chi nhánh
- Hoạt động trung tâm dữ liệu (data center)
- Di chuyển công tác của cán bộ nhân viên

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải:

- Tăng tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử, hợp đồng điện tử (eKYC, eContract), giảm tiêu thụ giấy so với năm trước.
- Tối ưu hệ thống server, chuyển dịch một phần hạ tầng lên nền tảng điện toán đám mây nhằm nâng cao hiệu suất sử dụng năng lượng.
- Triển khai chương trình “Green Office” tại toàn hệ thống: tiết kiệm điện, phân loại rác thải, hạn chế nhựa dùng một lần.
- Khuyến khích họp trực tuyến, giảm tần suất di chuyển nội địa.

DSC không phát sinh khí thải công nghiệp, nước thải sản xuất hay chất thải nguy hại quy mô lớn.

2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Do đặc thù là doanh nghiệp dịch vụ tài chính, DSC không sử dụng nguyên vật liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất.

Nguồn lực tiêu thụ chính bao gồm:

- Giấy in, mực in, thiết bị văn phòng
- Thiết bị công nghệ thông tin (máy tính, server, thiết bị mạng)

Tài liệu điện tử hóa: Giao dịch được thực hiện qua nền tảng số.

Tái chế giấy và vật tư văn phòng:

Thiết bị CNTT hết vòng đời được bàn giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định.

3. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

- Điện năng tiêu thụ tại trụ sở và chi nhánh: 188.621,30 kWh/năm, trong đó:
 - Hà Nội : 134.396,30 kWh/năm
 - Đà Nẵng : 25.171 kWh/năm
 - TP. Hồ Chí Minh: 29.045 kWh/năm

Nguồn điện được mua từ nhà cung cấp điện lực địa phương theo hợp đồng thương mại.

b) Sáng kiến tiết kiệm năng lượng

- Ứng dụng hệ thống điều hòa trung tâm tiết kiệm điện, cài đặt nhiệt độ chuẩn 24–26°C.
- Sử dụng thiết bị văn phòng đạt tiêu chuẩn tiết kiệm năng lượng.

4. Tiêu thụ nước

a) Nguồn cung cấp và lượng sử dụng

Nước sinh hoạt được cung cấp bởi đơn vị cấp nước địa phương.

b) Lượng nước tái sử dụng

Do đặc thù văn phòng, lượng nước tái sử dụng không đáng kể. Công ty triển khai các biện pháp tiết kiệm như:

- Thiết bị vệ sinh tiết kiệm nước
- Truyền thông nội bộ về sử dụng nước hiệu quả

5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm môi trường: Không có.

b) Tổng số tiền phạt liên quan đến vi phạm môi trường: Không có.

DSC tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy và an toàn lao động trong môi trường văn phòng.

c) Hoạt động đào tạo và phát triển

- Tổng số giờ đào tạo năm: >50 giờ
- Tỷ lệ nhân viên tham gia đào tạo: 100%
- Các chương trình đào tạo trọng tâm:
 - Chuẩn mực Thành Công;
 - Hệ thống tuân thủ (CMS)
 - Ứng dụng công nghệ và AI trong công việc;
 - Và các chương trình đào tạo dành riêng cho từng khối, phòng/ban

Chính sách liên quan đến người lao động

a) Quy mô nhân sự và thu nhập

- Số lao động tính đến 31/12/2025: 221 người
- Lao động bình quân năm: 218 người
- Thu nhập bình quân: 17.5 triệu đồng/người/tháng

b) Chính sách đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi

- Khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm với chi phí trung bình 2.2 triệu đồng/người.
- Bảo hiểm sức khỏe bổ sung và bảo hiểm tai nạn cho toàn bộ CBNV.
- Môi trường làm việc linh hoạt, áp dụng hybrid working cho một số vị trí phù hợp.

c) Hoạt động đào tạo và phát triển

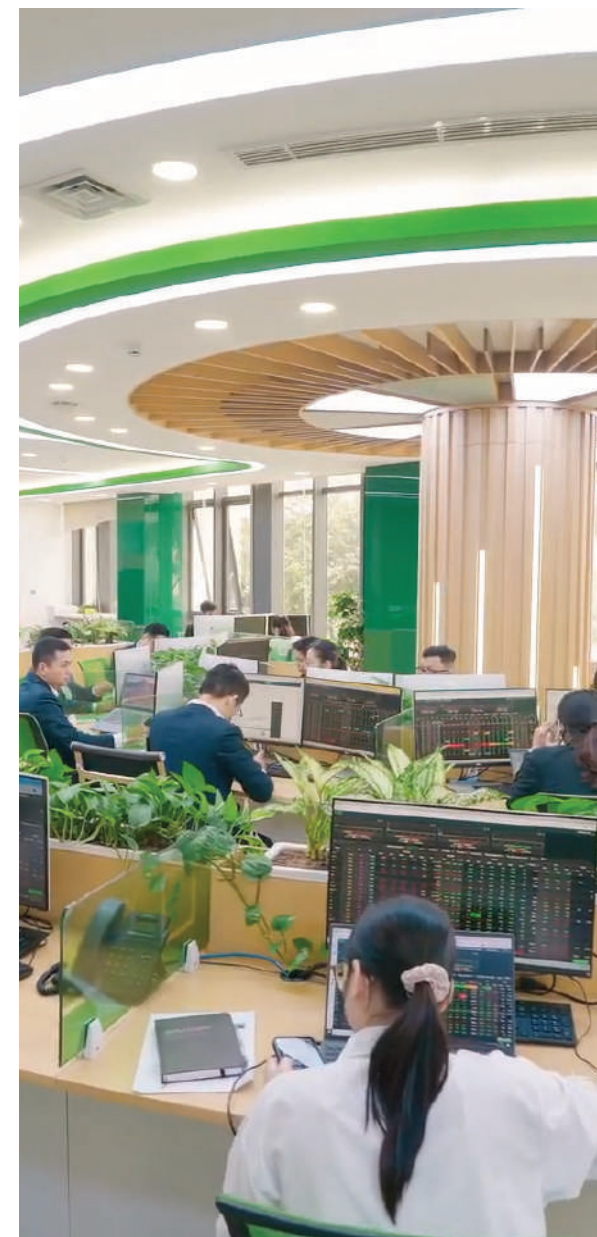
- Tổng số giờ đào tạo năm: >50 giờ
- Tỷ lệ nhân viên tham gia đào tạo: 100%
- Các chương trình đào tạo trọng tâm:
 - Chuẩn mực Thành Công;
 - Hệ thống tuân thủ (CMS);
 - Ứng dụng công nghệ và AI trong công việc;
 - Và các chương trình đào tạo dành riêng cho từng khối, phòng/ban.

Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

DSC triển khai các chương trình trách nhiệm xã hội (CSR) tập trung vào giáo dục tài chính và hỗ trợ cộng đồng:

- Tổ chức 20+ hội thảo, chương trình phổ cập kiến thức đầu tư cho sinh viên và nhà đầu tư cá nhân.
- Đóng góp cho các quỹ an sinh xã hội địa phương: >150 triệu đồng cùng nhiều phần quà mang tính thiết yếu.
- Vận động CBNV tham gia hiến máu nhân đạo: Gần 50 lượt hiến máu tình nguyện
- Hỗ trợ đồng bào bị ảnh hưởng bởi thiên tai: >100 triệu đồng

Chiến lược CSR của DSC định hướng gắn liền với nâng cao hiểu biết tài chính và phát triển thị trường vốn bền vững.



Goals / Notes

STOCK MARKET ANALYSIS



06

6. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC

Số: 272.2/CBTT-DSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà nội, Ngày 27 tháng 2 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: – Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
– Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam/
– Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM/
– Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC

Mã Chứng khoán: DSC

Mã Thành viên: 024

Địa chỉ: Tầng 2, Thành Công Buliding, 80 Dịch Vọng Hậu, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Điện thoại liên hệ: +84 243 880 3456

Fax: +84 243 783 2189

Email: info@dsc.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố (*):

Công ty Cổ phần Chứng Khoán DSC (“DSC”) công bố thông tin về Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và giải trình liên quan như sau

• Ngày 27/02/2026, DSC đã gửi Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và Công văn giải trình liên quan đến Quý Cơ Quan theo quy định;

• Bên cạnh đó, DSC đã đăng tải nội dung về Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và Công văn giải trình liên quan trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 27/02/2026 tại đường dẫn: <https://dsc.com.vn/> của Công ty.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 27/02/2026 tại đường dẫn: <https://dsc.com.vn/> của công ty.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm

– Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

– Công văn giải trình liên quan

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

TỔNG GIÁM ĐỐC
BẠCH QUỐC VINH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC

Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu,
P. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm Tài chính kết thúc 31/12/2025

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Nguyễn Đức Anh	Chủ tịch
Ông Bạch Quốc Vinh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên
Ông Bùi Văn Hùng	Thành viên độc lập (bổ nhiệm ngày 04/4/2025)
Ông Phạm Quang Hưng	Thành viên độc lập (bổ nhiệm ngày 14/01/2026)
Ông Vũ Nhật Lâm	Thành viên độc lập (miễn nhiệm ngày 04/4/2025)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Nguyễn Thị Hiền Ngọc	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Ngọc Ly	Thành viên
Bà Lê Thị Liên	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Bạch Quốc Vinh	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này là ông Nguyễn Đức Anh, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Bạch Quốc Vinh – Tổng Giám đốc được ông Nguyễn Đức Anh ủy quyền ký Báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 theo Giấy ủy quyền số 04/2024/UQ-CTHĐQT/DSC ngày 04/7/2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC

Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu,
P. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm Tài chính kết thúc 31/12/2025

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.
- Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.
- Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc công bố rằng, Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THAY MẶT VÀ ĐẠI DIỆN CHO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC
BẠCH QUỐC VINH

Ngày 26 thansg năm 2026

RSM Việt Nam

Văn phòng Hà Nội Tầng 25 Tháp A, tòa nhà Discovery Complex, số 302 Cầu Giấy,
Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
T: 024 3795 5353 – F: 024 3795 5252
www.rsm.global/vietnam – www.rsmhanoi.com.vn



Số: 11/2026/RSMHN-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

V/v: Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC

Kính gửi:

Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính được trình bày từ trang 06 đến trang 52. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài nước CHXHCN Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, đồng thời chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán còn bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hoàng Thị Vinh

Giám đốc Kiểm toán
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
1678-2023-026-1

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Thành viên Hãng RSM Quốc tế

Lê Đại Dương

Kiểm toán viên
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
4650-2026-026-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC

Tầng 2, Thành công Building, 80 Dịch Vọng Hậu,
P. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2025

TÀI SẢN	M ã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		7.021.023.311.550	5.756.139.855.473
I. Tài sản tài chính	110		6.995.991.255.312	5751946696325
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	4.1	308.974.913.991	480.274.656.275
1.1. Tiền	111.1		308.974.913.991	480.274.656.275
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) (FVTPL)	112	4.3.1	3.319.362.371.700	2.779.791.689.000
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	4.3.2	432.251.506.849	270.000.000.000
4. Các khoản cho vay	114	4.3.3	2.885.493.985.825	2.186.281.583.458
5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	4.4	(36.209.977.289)	(36.224.742.061)
6. Các tài sản tài chính khác	117	4.5	81.129.544.187	66.304.341.774
6.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	177.1		81.129.544.187	66.304.341.774
6.1.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.2		39.638.634.191	33.396.122.603
6.1.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận"	117.3		41.490.909.996	32.908.219.171
6.1.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận"	117.4		41.490.909.996	33.396.122.603
7. Trả trước cho người bán	118	4.5	4.290.000.000	4.225.000.000
8. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	4.5	2.332.030.251	2.930.328.081
9. Các khoản phải thu khác	122	4.5	246.050.092	243.010.092
10. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	4.5	(1.879.170.294)	(1.879.170.294)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		25.032.056.238	4.193.159.148
1. Tạm ứng	131	4.5	337.298.456	70.204.715
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	4.6	3.764.117.782	3.158.044.433

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	M ã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	4.7	20.930.640.000	914.640.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	137		-	50.270.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		38.934.531.035	36.150.267.357
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		12.280.947.470	13.889.090.993
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	6.635.875.356	8.056.821.857
Nguyên giá	222		16.820.678.349	14.966.290.869
Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(10.184.802.993)	(6.909.469.012)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	5.645.072.114	5.832.269.136
Nguyên giá	228		11.949.518.480	10.886.918.480
Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(6.304.446.366)	(5.054.649.344)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	250		26.653.583.565	22.261.176.364
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	4.7	2.205.238.540	2.496.952.886
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	4.6	12.224.749.231	9.992.418.455
3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	4.10	12.223.595.794	9.771.805.023
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		7.059.957.842.585	5.792.290.122.830

NGUỒN VỐN	Mã số TM		Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.033.099.359.896	3.390.676.192.879
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		4.025.976.066.508	3.388.326.479.655
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	4.11	3.938.843.638.522	3.340.274.390.000
1.1. Vay ngắn hạn	312		3.938.843.638.522	3.340.274.390.000
2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	4.12	8.597.342.383	1.953.212.364
3. Phải trả người bán ngắn hạn	320	4.11	1.849.812.181	517.873.252
4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		231.000.000	240.000.000
5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	321	4.15	48.620.483.110	25.381.397.583
6. Phải trả người lao động	323		7.728.936.523	7.830.541.661
7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		186.867.430	194.267.480
8. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	4.13	16.151.678.754	6.219.144.612
9. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	328		-	104.500.000
10. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	4.14	3.063.140.092	2.295.928.729
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		703.167.513	3.315.223.974
II. Nợ phải trả dài hạn	340		7.123.293.388	2.349.713.224
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356	6.9	7.123.293.388	2.349.713.224
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.16	3.026.858.482.689	2.401.613.929.951
I. Vốn chủ sở hữu	410		3.026.858.482.689	2.401.613.929.951
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.750.499.110.000	2.048.889.250.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		2.749.999.110.000	2.048.389.250.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1 a		2.749.999.110.000	2.048.389.250.000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	411.2		500.000.000	500.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		138.256.882	138.256.882
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		138.256.882	138.256.882
4. Lợi nhuận chưa phân phối	417		276.082.858.925	352.448.166.187
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		7.059.957.842.585	5.792.290.122.830

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	Mã số TM		Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	006		274.999.911	204.838.925
2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK (VND)	008	5.1	399.547.900.000	112.079.760.000
4. Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK (VND)	012	0	11.940.000	11.940.000
3. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK (VND)	013	5.2	16.502.140.000	-
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư (VND)	021		11.469.062.140.000	9.412.739.210.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		11.194.196.070.000	9.193.422.790.000
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		97.231.400.000	124.572.700.000
c. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		107.425.960.000	645.640.000
d. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		70.208.710.000	94.098.080.000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư (VND)	022		1.181.280.000	1.179.430.000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		1.181.280.000	1.179.430.000
3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư (VND)	023	5.3	77.557.050.000	94.075.300.000
4. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư (VND) quyền của	025	5.4	3.867.770.000	8.191.680.000
5. Tiền gửi của khách hàng (VND)	026	5.5	345.803.445.094	290.098.983.593
5.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		342.484.102.044	289.824.563.378
5.2. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		3.319.343.050	274.420.215
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán GD chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	029.1		3.190.297.963	17.997.037
b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán GD chứng khoán của NĐT nước ngoài	029.2		129.045.087	256.423.178
6. Phải trả NĐT về tiền gửi GDCK theo phương thức CTCK quản lý	031	5.6	345.789.988.622	290.076.907.821
6.1. Phải trả NĐT trong nước về tiền gửi GDCK theo phương thức CTCK quản lý	031.1		345.774.327.013	289.916.308.289
6.2. Phải trả NĐT nước ngoài về tiền gửi GDCK theo phương thức CTCK quản lý	031.2		15.661.609	160.599.532
7. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		13.456.472	22.075.772

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	M ã số	TM	Năm 2025	Năm 2024 Trình bày lại
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		263.177.087.823	179.126.840.914
- Lãi bán các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ	01.1	6.1	99.479.395.390	28.532.163.322
- Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ	01.2	6.2	51.512.000.104	53.945.648.351
- Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ	01.3	6.3	112.185.692.329	96.649.029.241
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	6.3	18.716.937.392	9.980.263.314
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	6.3	253.428.970.873	197.292.446.866
1.4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		113.782.816.122	103.975.163.406
1.5. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08		14.113.000.000	2.761.000.000
1.6. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		3.706.759.920	3.143.235.986
1.7. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		5.375.935.227	6.581.818.182
1.8. Thu nhập hoạt động khác	11	6.4	22.705.429.180	248.466.246
Cộng doanh thu hoạt động	20		695.006.936.537	503.109.234.914
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		27.723.602.797	34.782.555.522
- Lỗ bán các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ	21.1	6.1	819.660.427	4.095.684.751
- Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ	21.2	6.2	25.260.624.600	29.826.863.351
- Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ			1.643.317.770	860.007.420
2.2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	6.5	(14.764.772)	34.451.136
2.3. Chi phí hoạt động tự doanh	27	6.5	117.488.542.050	121.230.854.531
2.4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	28	6.5	400.776.884	1.076.413.500
2.5. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29	6.5	1.594.500.546	3.117.307.998

I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG

CHỈ TIÊU	M ã số	TM	Năm 2025	Năm 2024 Trình bày lại
2.6. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	6.5	3.937.660.442	3.353.921.807
2.7. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	6.5	80.000.000	1.892.252.164
Cộng chi phí hoạt động	40		151.210.317.947	165.487.756.658
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		4.030.215.473	2.505.555.661
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		4.030.215.473	2.505.555.661
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1. Chi phí lãi vay	52	6.5	150.449.692.964	71.932.753.915
Cộng chi phí tài chính	60	6.5	150.449.692.964	71.932.753.915
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		-	-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CK	62	6.7	52.657.591.766	47.495.849.385
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	70	6.7	344.719.549.333	220.698.430.617
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1. Thu nhập khác	71		19.698.902	52.687.903
8.2. Chi phí khác	72		712.500.000	65.859.514
Cộng kết quả hoạt động khác	80		(692.801.098)	(13.171.611)
IX. TỔNG LN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	90		344.026.748.235	220.685.259.006
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		68.831.503.956	43.865.406.690
10.1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	100.1	6.8	64.057.923.792	42.648.430.165
10.2. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	100.2	6.9	4.773.580.164	1.216.976.525
XI. LÃI KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	200		275.195.244.279	176.819.852.316
XII. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300		-	-
Tổng thu nhập toàn diện	400		-	-
XIII. LÃI THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500		275.195.244.279	176.819.852.316
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	501	4.16.4	1.268	847
13.2. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	502	4.16.4	1.268	847

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	M ã số	TM	Năm 2025	Năm 2024 Trình bày lại
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01	6.8	344.026.748.235	220.685.259.006
2. Điều chỉnh cho các khoản	02		66.058.201.235	(1.264.995.795)
- Khấu hao tài sản cố định	03		4.525.131.003	3.897.088.210
- Các khoản dự phòng	04		(14.764.772)	34.451.136
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	07		(7.772.313.773)	(9.188.437.080)
- Chi phí lãi vay	06	6.6	150.449.692.964	71.932.753.915
- Dự thu tiền lãi	08		(81.129.544.187)	(67.940.851.976)
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		25.260.624.600	29.826.863.351
- Lỗ đánh giá lại giá trị các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11		25.260.624.600	29.826.863.351
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		(51.512.000.104)	(53.945.648.351)
- (Lãi) đánh giá giá trị các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		(51.512.000.104)	(53.945.648.351)
5. (Lỗ) từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	30		(1.511.711.613.924)	(1.275.718.519.799)
- (Tăng) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		(513.319.307.196)	(1.076.774.299.259)
- (Tăng)/giảm các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32		(162.251.506.849)	173.456.986.302
- (Tăng) các khoản cho vay	33		(699.212.402.367)	(694.757.513.478)
- Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		66.304.341.774	440.342.630.863
- Giảm/(tăng) các khoản phải thu các dịch vụ công ty CK cung cấp	37		589.297.830	(1.988.937.924)
- Giảm/(tăng) các khoản phải thu khác	39		47.230.000	(4.815.454)
- (Tăng)/giảm các tài sản khác	40		(267.093.741)	63.163.465
- (Giảm)/tăng chi phí phải trả	41		(228.276.135)	22.386.335
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	42		(2.838.404.125)	3.350.635.400
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	43	4.15	(42.265.488.125)	(33.928.525.007)
- Lãi vay đã trả	44		(140.288.882.687)	(69.494.272.004)
- Tăng/(giảm) phải trả cho người bán	45		1.267.518.948	(6.309.297.379)
- (Giảm)/tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	45		(7.400.050)	3.060.000

CHỈ TIÊU	M ã số	TM	Năm 2025	Năm 2024 Trình bày lại
- Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	47		1.446.649.860	(1.291.959.256)
- (Giảm) phải trả người lao động	48		(101.605.138)	(317.969.098)
- Tăng/(giảm) phải trả, phải nộp khác	50		7.148.666.363	(504.816.222)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51		14.280.714.346	287.891.614
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(42.015.666.632)	(7.872.868.697)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(1.127.878.039.958)	(1.080.417.041.588)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	61		(2.654.892.480)	(2.096.580.832)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	62		-	2.727.273
3. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		7.279.361.632	8.599.093.891
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		4.624.469.152	6.505.240.332
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	71	4.16	353.384.580.000	-
1. Tiền thu từ đi vay	73	4.11	13.492.169.570.000	11.062.938.289.725
1.1. Tiền vay khác	73.2		13.492.169.570.000	11.062.938.289.725
2. Tiền trả nợ gốc vay	74	4.11	(12.893.600.321.478)	(9.571.915.660.025)
2.1. Tiền chi trả gốc nợ vay khác	74.3		(12.893.600.321.478)	(9.571.915.660.025)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		951.953.828.522	1.491.022.629.700
TĂNG TIỀN THUẦN TRONG NĂM	90		(171.299.742.284)	417.110.828.444
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	4.1	480.274.656.275	63.163.827.831
Tiền	101.1		480.274.656.275	63.163.827.831
Các khoản tương đương tiền	101.2	4.1	308.974.913.991	480.274.656.275
Tiền	103.1		308.974.913.991	480.274.656.275
Các khoản tương đương tiền	103.2		-	-

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	M ã số	TM	Năm 2025	Năm 2024 Trình bày lại
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		43.387.147.834.930	38.730.833.636.490
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(43.260.897.367.660)	(40.374.252.786.110)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		(67.195.122.608)	1.473.023.887.127
4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(3.350.883.161)	(2.250.174.509)
Tăng tiền thuần trong năm	20		55.704.461.501	(172.645.437.002)
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng				
	30		290.098.983.593	462.744.420.595
Tiền gửi ngân hàng đầu năm	31		290.098.983.593	462.744.420.595
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		289.824.563.378	462.704.308.296
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34		274.420.215	40.112.299
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng				
	40	5.4	345.803.445.094	290.098.983.593
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41		345.803.445.094	290.098.983.593
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		342.484.102.044	289.824.563.378
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		3.319.343.050	274.420.215

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

		Số dư đầu năm		Số tăng giảm				Số dư cuối năm	
CHỈ TIÊU	TM	Tại ngày 01/01/2023	Tại ngày 01/01/2024						
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I. Biến động vốn chủ sở hữu	4.16	2.233.794.077.635	2.401.613.929.951	176.819.852.316 (9.000.000.000)		976.805.104.279 (351.560.551.541)		2.401.613.929.951	3.026.858.482.689
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.048.889.250.000	2.048.889.250.000	-	-	701.609.860.000	-	2.048.889.250.000	2.750.499.110.000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.048.389.250.000	2.048.389.250.000	-	-	701.609.860.000	-	2.048.389.250.000	2.749.999.110.000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần		500.000.000	500,000,000	-	-	-	-	500.000.000	500,000,000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		138.256.882	138.256.882	-	-	-	-	138.256.882	138.256.882
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		138.256.882	138.256.882	-	-	-	-	138.256.882	138.256.882
4. Lợi nhuận chưa phân phối		184.628.313.871	184.628.313.871	119.916.788.312	-	176.819.852.316 (9.000.000.000)		184.628.313.871	352.448.166.187
Tổng cộng		1.065.488.039.323	352.448.166.187	176.819.852.316 (9.000.000.000)		275.195.244.279 (351.560.551.541)		352.448.166.187	276.082.858.925
II. Thu nhập toàn diện khác		-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi (lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng		-	-	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC

Tầng 2, Thành công Building, 80 Dịch Vọng Hậu,
P. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Công ty CP Chứng khoán Đà Nẵng. Công ty hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 29/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18/12/2006 và lần thay đổi bổ sung gần nhất ngày 22/12/2025 theo Giấy phép điều chỉnh số 135/GĐPC-UB-CK điều chỉnh vốn điều lệ; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400554813 do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp lần đầu, ngày 18/12/2006 với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 06 ngày 15/01/2026 theo điều chỉnh vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán mới nhất là **2.749.999.110.000 VND**. Số lượng cổ phiếu là 274.999.911 cổ phiếu, mệnh giá là **10.000 VND/cổ phiếu**.

Ngày 24/9/2024, Công ty chính thức niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là DSC theo Quyết định **số 550/QĐ-SGDHCM** của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/9/2024.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại **Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, P. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam**.

Tổng số nhân viên của Công ty **tại ngày 31/12/2025 là 221 người (tại ngày 01/01/2025 là 221 người)**.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực **chứng khoán**.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty trong năm là:

- Tự doanh;
- Môi giới chứng khoán;
- Bào lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là **12 tháng**.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có các đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Tên đơn vị Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC – Phòng giao dịch Hàm Long	Tầng 1 số 14-16 Hàm Long, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Đà Nẵng – Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC	Tầng 03, số 130 Điện Biên Phủ, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Chi nhánh Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC	Số 14 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

1.6 Hạn chế đầu tư của công ty chứng khoán

Công ty tuân thủ quy định tại **Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020** quy định về hoạt động của công ty chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Cộng hòa XHCN Việt Nam.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

3.1 Tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư **210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính**, Thông tư **334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC** và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

3.2 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đã đặt ra.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm **tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty và chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.**

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

3.4 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích tạo lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá trên cơ sở giá trị hợp lý đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục **“Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”**. Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục **“Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”**.ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

3.5 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu thích hợp, tới giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc khó có khả năng thu hồi được các khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra sau khi ghi nhận ban đầu và sự kiện đó có tác động đến các luồng tiền ước tính trong tương lai của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc chậm trả các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát được cho thấy rằng có sự suy giảm có thể đo lường được các luồng tiền dự kiến trong tương lai của các khoản nợ kể từ khi ghi nhận ban đầu, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc dự phòng được trích lập được xác định dựa trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục **“Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí dự phòng các khoản cho vay”**.

3.6 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá trị giải ngân của khoản cho vay). Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng riêng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán hoặc các quyền tài sản được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục **“Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí dự phòng các khoản cho vay”**.

3.7 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá trị chứng khoán;
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá trị chứng khoán;
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá trị chứng khoán;
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy niêm yết hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất;
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung (“OTC”), căn cứ vào Báo cáo tài chính của tổ chức phát hành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Cho mục đích xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”), cơ sở tính thuế của các tài sản tài chính của Công ty được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng giảm giá. Theo đó, giá trị thị trường của chứng khoán cho mục đích trích lập dự phòng được xác định theo quy định của Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính và Thông tư 24/2022/TT-BTC ngày 07/4/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 48/2019/TT-BTC.

3.8 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- a) Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- b) Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

- Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản; hoặc

- Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản và cũng không chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

3.9 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động:

- Chi phí thiết kế, thi công văn phòng;
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí trả trước khác;

3.11 Thuê tài sản

Thuê hoạt động:

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê tài sản.

3.12 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng ước tính (năm)
Máy móc, thiết bị	03 – 05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động.

3.13 Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình cụ thể như sau:

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích. Cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (năm)
Phần mềm máy vi tính	01 – 08

Bằng sáng chế và nhãn hiệu

Bằng sáng chế và nhãn hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (năm)
Bằng sáng chế và nhãn hiệu	03 – 05

3.14 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả khác và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.16 Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giữa giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định (TSCĐ), nhượng bán TSCĐ.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

3.17 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

3.18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.19 Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu

Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm và tổng số cổ phiếu tiềm năng dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.20 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính. Năm 2025, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất bằng **20%** lợi nhuận được từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích Báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận chịu thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận chịu thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức đảm bảo chắc chắn rằng sẽ có lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu; trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại với thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Hoạt động kinh doanh chứng khoán bao gồm: môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, cho khách hàng vay tiền để thực hiện giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán và hoạt động kinh doanh chứng khoán khác theo quy định của pháp luật thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Hoạt động khác: Chịu thuế suất 10%.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2025 (VND)	Tại ngày 01/01/2025 (VND)
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	308.974.913.991	480.274.656.275
Cộng	308.974.913.991	480.274.656.275

4.2 Khối lượng và giá trị giao dịch thực hiện trong năm

Năm 2025		Năm 2024		
	Khối lượng giao dịch thực hiện (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện (VND)	Khối lượng giao dịch thực hiện (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện (VND)
Của Công ty				
Tổng	297.379.579	28.983.220.796.450	180.753.463	17.953.913.387.700
Cổ phiếu	54.849.579	1.867.860.186.450	19.613.463	577.055.097.700
Trái phiếu	242.530.000	27.115.360.610.000	161.140.000	17.376.858.290.000
Của Nhà đầu tư				
Tổng	4.254.095.881	87.937.519.585.410	3.439.688.042	79.137.231.732.010
Cổ phiếu	4.254.065.980	87.936.605.044.680	3.439.652.242	79.136.074.420.000
Chứng chỉ quỹ	29.901	914.540.730	34.800	1.041.210.000
Chứng chỉ quỹ	–	–	1.000	116.102.010
Tổng cộng	4.551.475.460	116.920.740.381.860	3.620.441.505	97.091.145.119.710

4.3 Các loại tài sản tài chính

4.3.1 Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) (FVTPL)

Tại ngày 31/12/2025 (VND)		Tại ngày 01/01/2025 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết	657.740.545.408	668.624.181.700	297.996.541.471	319.791.689.000
ACB	86.960.250.000	80.520.000.000	98.512.350.000	104.195.106.000
MBB	58.473.115.000	54.164.770.000	63.563.840.000	69.092.770.000
CTG	191.848.500.000	191.162.900.500	70.138.020.000	80.582.040.000
HCM	–	–	62.490.555.000	62.716.080.000
VCI	43.855.100.000	35.300.000.000	–	–
VDP	217.392.494.196	253.352.294.000	–	–
HPG	21.792.500.000	19.800.000.000	–	–
VCB	32.336.600.000	29.095.000.000	–	–
Cổ phiếu khác	5.081.986.212	5.229.217.200	3.291.776.471	3.205.693.000
HPG	21.792.500.000	19.800.000.000	–	–
VCB	32.336.600.000	29.095.000.000	–	–

Tại ngày 31/12/2025 (VND)		Tại ngày 01/01/2025 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết	10.010.000	(*)	10.010.000	(*)
CTCP Xây dựng Công trình Giao thông Đà Nẵng	10.010.000	(*)	10.010.000	(*)
Trái phiếu Chính phủ	250.738.190.000	250.738.190.000	–	–
Chứng chỉ tiền gửi	2.400.000.000.000	2.400.000.000.000	2.460.000.000.000	2.460.000.000.000
Cộng	3.308.488.745.408	3.319.362.371.700	2.758.006.551.471	2.779.791.689.000

(*) Tài sản tài chính này là chứng khoán vốn được hạch toán theo giá gốc do không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và giá trị hợp lý không thể xác định một cách đáng tin cậy.

4.3.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Tại ngày 31/12/2025 (VND)		Tại ngày 01/01/2025 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 01 năm	432.251.506.849	432.251.506.849	270.000.000.000	270.000.000.000
Cộng	432.251.506.849	432.251.506.849	270.000.000.000	270.000.000.000

4.3.3 Các khoản cho vay

Tại ngày 31/12/2025 (VND)		Tại ngày 01/01/2025 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cho vay hoạt động ký quỹ	2.793.654.580.247	2.757.454.446.140	2.080.142.095.589	2.043.917.353.528
Ông Cấn Lương Minh (i)	1.518.200.000	29.339.716	1.518.200.000	22.004.787
Ông Nguyễn Quang Lĩnh (i)	1.220.900.000	26.966.856	1.220.900.000	20.225.142
Ông Tạ Ngọc Anh (i)	1.400.900.000	28.167.244	1.400.900.000	21.125.433
Ông Nguyễn Trung Toàn (i)	705.200.000	13.958.000	705.200.000	10.468.500
Bà Lê Thị Hồng (ii)	8.617.726.741	–	8.617.726.741	–
Ông Nguyễn Vĩnh Huy (ii)	8.617.726.741	–	8.617.726.741	–
Ông Nguyễn Kháng (ii)	14.217.912.441	–	14.217.912.441	–
Nhà đầu tư khác (ii)	2.757.356.014.324	2.757.356.014.324	2.043.843.529.668	2.043.843.529.666
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng	91.839.405.578	91.839.405.578	106.139.487.869	106.139.487.869
Cộng	2.885.493.985.825	2.849.293.851.718	2.186.281.583.452	2.150.056.841.397

(i) Là những nhà đầu tư vay theo hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ từ năm 2016. Công ty xác định giá trị hợp lý của các khoản cho vay này bằng giá trị thị trường tại ngày 31/12/2025 của các tài sản đảm bảo (cổ phiếu) và đánh giá rằng khó có khả năng thu hồi các khoản công nợ trên.

(ii) Là những nhà đầu tư vay theo hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ từ năm 2022. Trong năm 2022, Công ty đã giải ngân cho vay ký quỹ 03 nhà đầu tư cá nhân gồm ông Nguyễn Kháng, ông Nguyễn Vĩnh Huy, bà Lê Thị Hồng với mã cổ phiếu vay ký quỹ là NVL. Đây là các khoản cho vay được đảm bảo bằng tiền và chứng khoán của chính các nhà đầu tư. Chứng khoán cho vay ký quỹ nằm trong danh mục được phép cho vay và tỷ lệ cho vay tuân thủ đúng quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tại thời điểm cho vay.

Sau quá trình Công ty xử lý bán toàn bộ cổ phiếu NVL trong danh mục chứng khoán của các Nhà đầu tư trên đang nắm giữ để thu hồi nợ theo đúng quy định pháp luật, số nợ gốc và lãi cho vay chưa thu hồi được tại ngày 31/12/2025 là **33.089.876.125 VND**.

Các khoản cho vay này đã quá hạn thanh toán từ ngày 28/11/2022. Ngày 08/12/2022, các Nhà đầu tư đã làm việc và đề xuất phương thức trả nợ cho Công ty đối với khoản nợ gốc và lãi còn lại của khoản vay ký quỹ. Do đó, các Nhà đầu tư cam kết sẽ thanh toán đầy đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính còn tồn đọng với Công ty trong quá trình bán toàn bộ cổ phiếu NVL cho đến khi đủ nợ. Tuy nhiên, Công ty đã trích lập dự phòng 100% số dư cho vay và lãi vay (với tổng số tiền là 33.089.876.125 VND) trong năm 2023 theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 30/2023/NQ-HĐQT/DSC ngày 01/12/2023 để đảm bảo thận trọng trong quản trị rủi ro và dựa trên đánh giá khả năng thu hồi của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Do đó, Công ty không ghi nhận doanh thu lãi cho vay phát sinh thêm trong năm 2025.

4.4. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

	Tại ngày 31/12/2025 (VND)	Tại ngày 01/01/2025 (VND)
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay (i)	(36.209.977.289)	(36.224.742.061)
Ông Cấn Lương Minh	(1.491.794.256)	(1.496.195.213)
Ông Nguyễn Quang Lĩnh	(1.196.629.830)	(1.200.674.858)
Ông Tạ Ngọc Anh	(1.375.549.480)	(1.379.774.567)
Ông Nguyễn Trung Toàn	(692.637.800)	(694.731.500)
Bà Lê Thị Hồng	(8.617.726.741)	(8.617.726.741)
Ông Nguyễn Vĩnh Huy	(8.617.726.741)	(8.617.726.741)
Ông Nguyễn Kháng	(14.217.912.441)	(14.217.912.441)
Cộng	(36.209.977.289)	(36.224.742.061)

(i) Trích lập dự phòng như tại Thuyết minh 4.3.3 “Các khoản cho vay”.

4.5. Các khoản phải thu

	Tại ngày 31/12/2025 (VND)	Tại ngày 01/01/2025 (VND)
1. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính. Trong đó:	81.129.544.187	66.304.341.774
- Các khoản dự thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	81.129.544.187	66.304.341.774
- Các khoản dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	41.490.909.996	32.908.219.171
2. Trả trước cho người bán	4.290.000.000	4.225.000.000
Trong đó:		
Công ty Cổ phần Công nghệ số FLT Việt Nam	3.180.000.000	-
Công ty TNHH Kinh doanh Xây dựng và Nội thất An Phú	1.000.000.000	3.740.000.000
Công ty khác	110.000.000	485.000.000
3. Các khoản phải thu khác	246.050.092	243.010.092
Công ty Cổ phần Công nghệ số FLT Việt Nam	3.180.000.000	-
Công ty TNHH Kinh doanh Xây dựng và Nội thất An Phú	1.000.000.000	3.740.000.000
Công ty khác	110.000.000	485.000.000
4. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (i)	(1.879.170.294)	(1.879.170.294)
5. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	2.332.030.251	2.930.328.081
6. Tạm ứng	337.298.456	70.204.715
Cộng	86.455.752.692	71.893.714.368

(i) Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu:

Nội dung	Giá trị phải thu khó đòi tại ngày 01/01/2025 (VND)	Số dư dự phòng tại ngày 01/01/2025 (VND)	Số trích lập trong năm (VND)	Số hoàn nhập trong năm (VND)	Giá trị phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2025 (VND)	Số dư dự phòng tại ngày 31/12/2025 (VND)
Các khoản phải thu khác	242.660.092	242.660.092	-	-	242.660.092	242.660.092
Bà Võ Thị Xuân Trang	23.322.825	23.322.825	-	-	23.322.825	23.322.825
Bà Nguyễn Thị Thúy	219.337.267	219.337.267	-	-	219.337.267	219.337.267
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	1.636.510.202	1.636.510.202	-	-	1.636.510.202	1.636.510.202
Bà Lê Thị Hồng	448.382.887	448.382.887	-	-	448.382.887	448.382.887
Bà Nguyễn Thị Thúy	448.382.887	448.382.887	-	-	448.382.887	448.382.887
Ông Nguyễn Kháng	739.744.428	739.744.428	-	-	739.744.428	739.744.428
Cộng	1.879.170.294	1.879.170.294	-	-	1.879.170.294	1.879.170.294

4.7. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược

Tại ngày 31/12/2025 (VND) Tại ngày 01/01/2025 (VND)		
Ngắn hạn		
Phải thu bên thứ ba	20.930.640.000	914.640.000
Ông Đinh Trọng Nghĩa (i)	20.000.000.000	-
Công ty TNHH Quản lý và Dịch vụ Tài sản Thành Công	880.000.000	880.000.000
Các công ty khác	50.640.000	34.640.000
Cộng	20.930.640.000	914.640.000
Dài hạn		
Phải thu bên thứ ba	2.205.238.540	2.496.952.886
Công ty Cổ phần Thiết bị điện Hàm Long	1.108.893.600	1.108.893.600
Hợp tác xã Thành Công	968.940.900	1.265.655.246
Các công ty khác	127.404.040	122.404.040
Cộng	2.205.238.540	2.496.952.886

(i) Đây là khoản đặt cọc cho ông **Đinh Trọng Nghĩa** (cổ đông sở hữu 13.000.000 cổ phần, tương ứng 50% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Gang Việt) theo **Hợp đồng số 2212/2025/HĐĐC** ngày 22/12/2025 về việc nhận chuyển nhượng 10% tổng số cổ phần của Công ty Cổ phần Gang Việt từ ông Đinh Trọng Nghĩa.
Tiền độ chuyển nhượng trong vòng **06 tháng** kể từ ngày ông Đinh Trọng Nghĩa đã nhận được tiền đặt cọc và có thể được gia hạn theo thỏa thuận giữa các bên.

4.8. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc, thiết bị (VND)	Thiết bị, dụng cụ quản lý (VND)	Cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2025	12.300.583.781	2.665.707.088	14.966.290.869
Mua sắm	69.575.000	1.784.812.480	1.854.387.480
Tại ngày 31/12/2025	12.370.158.781	4.450.519.568	16.820.678.349
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2025	6.442.424.697	467.044.315	6.909.469.012
Khấu hao	2.222.267.002	1.053.066.979	3.275.333.981
Tại ngày 31/12/2025	8.664.691.699	1.520.111.294	10.184.802.993
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2025	5.858.159.084	2.198.662.773	8.056.821.857
Tại ngày 31/12/2025	3.705.467.082	2.930.408.274	6.635.875.356

Tại ngày **31/12/2025**, nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là **1.741.726.780 VND** (tại ngày 01/01/2025 là 1.583.546.780 VND).

4.9. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Bản quyền, bằng sáng chế (VND)	Nhãn hiệu, tên thương mại (VND)	Chương trình phần mềm (VND)	Cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2025	88.000.000	132.000.000	10.666.918.480	10.886.918.480
Mua sắm	-	-	1.062.600.000	1.062.600.000
Tại ngày 31/12/2025	88.000.000	132.000.000	11.729.518.480	11.949.518.480
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2025	83.722.207	75.350.000	4.895.577.137	5.054.649.344
Khấu hao	4.277.793	26.400.000	1.219.119.229	1.249.797.022
Tại ngày 31/12/2025	88.000.000	101.750.000	6.114.696.366	6.304.446.366
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2025	4.277.793	56.650.000	5.771.341.343	5.832.269.136
Tại ngày 31/12/2025	-	30.250.000	5.614.822.114	5.645.072.114

Tại ngày **31/12/2025**, nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là **2.422.256.480 VND** (tại ngày 01/01/2025 là 2.157.317.800 VND).

4.10. Tiền nộp vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo quy định hiện hành của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng tháng phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ VND/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới và nghiệp vụ tự doanh.

Chi tiết tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán như sau:

Khoản mục	Tại ngày 31/12/2025 (VND)	Tại ngày 01/01/2025 (VND)
Ngắn hạn		
Tiền nộp đầu năm	9.771.805.023	7.053.967.032
Tiền nộp bổ sung trong năm	1.958.838.630	2.176.676.621
Tiền lãi phân bổ trong năm	492.952.141	541.161.370
Cộng	12.223.595.794	9.771.805.023

4.11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Đơn vị: VNĐ

Ngân hàng/Tổ chức tín dụng	Tại ngày 01/01/2025 - Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Tại ngày 31/12/2025 - Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Hà Nội (i)	1.566.805.390.000	1.566.805.390.000	1.566.805.390.000	7.119.823.751.478	7.119.823.751.478	2.688.151.208.522
Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển – Chi nhánh Hà Nội (ii)	600.000.000.000	600.000.000.000	1.818.000.000.000	1.964.000.000.000	454.000.000.000	454.000.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Hà Thành (iii)	400.000.000.000	400.000.000.000	1.400.000.000.000	1.413.307.570.000	386.692.430.000	386.692.430.000
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội (iv)	-	-	320.000.000.000	160.000.000.000	160.000.000.000	386.692.430.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (v)	-	-	250.000.000.000	100.000.000.000	150.000.000.000	150.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (vi)	-	-	300.000.000.000	200.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương	413.469.000.000	413.469.000.000	460.000.000.000	873.469.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Hồ	360.000.000.000	360.000.000.000	603.000.000.000	963.000.000.000	-	-
Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei	-	-	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-
Cộng	3.340.274.390.000	3.340.274.390.000	13.492.169.570.000	12.893.600.321.478	3.938.843.638.522	3.938.843.638.522

4.12 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Khoản mục	Tại ngày 31/12/2025 (VNĐ)	Tại ngày 01/01/2025 (VNĐ)
Sở Giao dịch Chứng khoán	1.866.321.088	1.446.656.952
Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	6.731.021.295	506.555.412
Cộng	6.731.021.295	1.953.212.364

4.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

Khoản mục	31/12/2025	01/01/2025
Chi phí lãi vay phải trả	15.792.889.160	5.632.078.883
Chi phí phải trả khác	358.789.594	587.065.729
Cộng	16.151.678.754	6.219.144.612

4.14 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Khoản mục	31/12/2025	01/01/2025
Công ty Cổ phần Việt Nam Equity	794.333.648	794.333.648
Cộng tác viên phát triển khách hàng	2.264.565.444	1.497.354.081
Đối tượng khác	4.241.000	4.241.000
Cộng	3.063.140.092	2.295.928.729

4.14 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Khoản mục	31/12/2025	01/01/2025
Công ty Cổ phần Việt Nam Equity	794.333.648	794.333.648
Cộng tác viên phát triển khách hàng	2.264.565.444	1.497.354.081
Đối tượng khác	4.241.000	4.241.000
Cộng	3.063.140.092	2.295.928.729

4.15 Thuế và các khoản khác phải nộp, phải thu Nhà nước

Tại ngày 01/01/2025 VND		Trong năm VND		Tại ngày 31/12/2025 VND	
Số dư		Tăng	Khấu trừ	Số dư	
Thuế GTGT được khấu trừ		57.086.063	57.086.063	-	
Phải thu	Phải nộp	Đã nộp/khấu trừ	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	96.802.545	439.620.688	617.960.872	-	275.142.729
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.264.982.125	42.265.488.125	64.057.923.792	-	44.057.417.792
Thuế thu nhập cá nhân	401.784.685	9.147.371.703	9.293.405.045	-	547.818.027
Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ Nhà đầu tư	2.617.828.228	49.639.739.251	50.762.015.585	-	3.740.104.562
Các loại thuế khác	-	418.849.845	418.849.845	-	-
Cộng	25.381.397.583	101.911.069.612	125.150.155.139	-	48.620.483.110

4.16 Vốn chủ sở hữu

4.16.1 Bảng đối chiếu biến động Vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2024	2.048.389.250.000	500,000,000	138.256.882	138,256,882	184.628.313.871	2.233.794.077.635
Lãi trong năm	-	-	-	-	176.819.852.316	176.819.852.316
Chia các quỹ	-	-	-	-	(9.000.000.000)	(9.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2024	2.048.389.250.000	500,000,000	138.256.882	138,256,882	352.448.166.187	2.401.613.929.951
Tại ngày 01/01/2025	2.048.389.250.000	500,000,000	138,256,882	138,256,882	352.448.166.187	2.401.613.929.951
Góp vốn (i)	353.384.580.000	-	-	-	-	353.384.580.000
Lãi trong năm	-	-	-	-	275.195.244.279	275.195.244.279
Chia các quỹ (ii)	-	-	-	-	(3.335.271.541)	(3.335.271.541)
Trả cổ tức bằng CP (iii)	348.225.280.000	-	-	-	(348.225.280.000)	-
Tại ngày 31/12/2025	2.749.999.110.000	500,000,000	138,256,882	138,256,882	276.082.858.925	3.026.858.482.689

(i) Tăng vốn theo phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ thực hiện 17,251827503%) theo báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng số 124/2025/CV-DSC ngày 24/11/2025 của Công ty gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

(ii) Trích quỹ khen thưởng phúc lợi số tiền 3.335.271.541 VND từ lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ/DSC ngày 04/4/2025.

(iii) Tăng vốn theo phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức (tỷ lệ 17%) theo Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 207/2025/CV-DSC ngày 20/10/2025 của Công ty gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

4.16.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tên cổ đông	Số vốn đã góp			
	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND	%	VND	%
Ông Nguyễn Đức Anh	854.097.660.000	31,06	729.998.000.000	35,64
Công ty CP Đầu tư NTP	819.000.000.000	29,78	700.000.000.000	34,17
Ông Lê Ngọc Đức	323.501.770.000	11,76	618.391.250.000	-
Các cổ đông khác	753.399.680.000	27,40	1.400.900.000	30,19
Cộng	2.749.999.110.000	100	2.048.389.250.000	100

4.16.3 Cổ phiếu

Đơn vị: Cổ phiếu

Tên cổ đông	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	275.161.075	205.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	274.999.911	204.838.925
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	274.999.911	204.838.925
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	274.999.911	204.838.925
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	274.999.911	204.838.925
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

4.16.4 Lãi cơ bản/thu nhập pha loãng trên cổ phiếu

Chỉ tiêu	Năm 2025 (VND)	Năm 2024 trình bày lại (VND)
Lãi kế toán sau thuế TNDN	275.195.244.279	176.819.852.316
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(3.335.271.541)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành	217.108.615	204.838.925
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	1.268	847

(1) Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ/DSC ngày 04/4/2025.

Hiện tại, Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu nên thu nhập pha loãng trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

5. Thông tin bổ sung cho chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

5.1 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK

Chỉ tiêu	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	399.547.900.000	112.079.760.000
Cộng	399.547.900.000	112.079.760.000

5.2 Tài sản tài chính được hưởng quyền của công ty chứng khoán

Chỉ tiêu	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
Cổ phiếu	16.502.140.000	-
Cộng	16.502.140.000	-

5.3 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

Chỉ tiêu	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
Cổ phiếu và chứng quyền	77.557.050.000	94.075.300.000
Cộng	77.557.050.000	94.075.300.000

5.4 Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư

Chỉ tiêu	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
Cổ phiếu	3.867.770.000	8.191.680.000
Cộng	3.867.770.000	8.191.680.000

5.5 Tiền gửi của khách hàng

Chỉ tiêu	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	342.484.102.044	289.824.563.378
- Của Nhà đầu tư trong nước	342.229.688.281	289.810.369.904
- Của Nhà đầu tư nước ngoài	254.413.763	14.193.474
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	3.319.343.050	274.420.215
- Của Nhà đầu tư trong nước	3.190.297.963	17.997.037
- Của Nhà đầu tư nước ngoài	129.045.087	256.423.178
Cộng	345.803.445.094	290.098.983.593

5.6 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

Chỉ tiêu	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	345.789.988.622	290.076.907.821
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	345.774.327.013	289.810.369.904
- Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	15.661.609	160.599.532
Cộng	345.789.988.622	290.076.907.821

6. Thông tin bổ sung cho chỉ tiêu trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động

6.1 Lãi/lỗ bán các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán (đơn vị)	Tổng giá trị bán (VND)	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch (VND)	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm 2025 (VND)	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm 2024 (VND)
I	Lãi bán					
1	Cổ phiếu niêm yết	24.957.675	819.151.512.000	721.692.046.920	97.459.465.080	22.978.297.252
2	Chứng chỉ tiền gửi	2.011.819	1.017.569.476.595	1.016.784.986.285	784.490.310	5.514.366.070
3	Trái phiếu Chính phủ	69.980.000	7.593.002.910.000	7.591.767.470.000	1.235.440.000	39.500.000
	Tổng cộng	96.949.494	9.429.723.898.595	9.330.244.503.205	99.479.395.390	28.532.163.322
II	Lỗ bán					
1	Cổ phiếu niêm yết	140.160	2.163.550.450	2.271.959.884	-108.409.434	-2.389.389.941
2	Chứng chỉ tiền gửi	44	401.980.988.241	402.180.719.234	-199.730.993	-165.024.810
3	Trái phiếu Chính phủ	50.110.000	5.839.670.260.000	5.840.181.780.000	-511.520.000	-1.541.270.000
	Tổng cộng	50.250.204	6.243.814.798.691	6.244.634.459.118	-819.660.427	-4.095.684.751

6.2 Chênh lệch tăng/giảm đánh giá lại các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Số dư chênh lệch đánh giá lại tại 31/12/2025 (VND)	Số dư chênh lệch đánh giá lại tại 01/01/2025 (*) (VND)	Chênh lệch thuần điều chỉnh sổ kế toán trong năm 2025 (VND)
I	Loại FVTPL					
1	Cổ phiếu niêm yết					
	HAI	458.212	69.000	-389.212	-389.212	-
	SBD	5.081.528.000	5.229.148.200	147.620.200	-	147.620.200
	VCI	43.855.100.000	35.300.000.000	-8.555.100.000	-	-8.555.100.000
	VDP	217.392.494.196	253.352.294.000	35.959.799.804	-	35.959.799.804
	HPG	21.792.500.000	19.800.000.000	-1.992.500.000	-	-1.992.500.000
	ACB	86.960.250.000	80.520.000.000	-6.440.250.000	-	-6.440.250.000
	CTG	191.848.500.000	191.162.900.500	-685.599.500	-10.980.645.000	10.295.045.500
	MBB	58.473.115.000	54.164.770.000	-4.308.345.000	-4.437.500.000	129.155.000
	VCB	32.336.600.000	29.095.000.000	-3.241.600.000	-	-3.241.600.000
	NLG	-	-	-	-14.705.000	14.705.000
	FPT	-	-	-	90.500.000	(90.500.000)
	BID	-	-	-	-13.000.000	13.000.000
	VCB (dòng cuối)	-	-	-	-12.000.000	12.000.000
	Tổng cộng	657.740.545.408	668.624.181.700	10.883.636.292	-15.367.739.212	26.251.375.504

(*) Đây là số chênh lệch đánh giá lại của các mã cổ phiếu tại đầu năm, không bao gồm số cổ phiếu đã bán trong năm 2025, phần chênh lệch so với giá gốc đã được ghi vào lãi/lỗ bán các tài sản tài chính.

6.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính, cho vay và phải thu

Chỉ tiêu	Năm 2025 (VND)	Năm 2024 (VND)
Từ tài sản tài chính FVTPL	112.185.692.329	96.649.029.241
Từ tài sản tài chính HTM	18.716.937.392	9.980.263.314
Từ các khoản cho vay và phải thu	253.428.970.873	197.292.446.866
Cộng	384.331.600.594	303.921.739.421

6.4 Thu nhập hoạt động khác

Chỉ tiêu	Năm 2025 (VND)	Năm 2024 (VND)
Thu nhập từ hoạt động ủy thác đầu tư (i)	22.491.000.000	-
Thu nhập từ hoạt động khác	214.429.180	248.466.246
Cộng	22.705.429.180	248.466.246

6.5 Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ

Chỉ tiêu	Năm 2025 (VND)	Năm 2024 (VND)
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán (chi phí giao dịch phải trả cho Sở Giao dịch chứng khoán, chi phí lương, chi phí khác)	117.488.542.050	121.230.854.531
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	1.594.500.546	3.117.307.998
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	3.937.660.442	3.353.921.807
Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	400.776.884	1.076.413.500
Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	(14.764.772)	34.451.136
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	80.000.000	1.892.252.164
Cộng	123.486.715.150	130.705.201.136

6.6 Chi tiết lãi vay

Chỉ tiêu	Năm 2025 (VND)	Năm 2024 (VND)
Lãi tiền vay	150.449.692.964	71.932.753.915
Lãi vay ngân hàng	150.449.692.964	71.932.753.915
Cộng	150.449.692.964	71.932.753.915

6.7 Chi phí quản lý công ty chứng khoán

Chỉ tiêu	Năm 2025 (VND)	Năm 2024 (VND)
Chi phí nhân viên quản lý	26.459.894.825	28.626.818.535
Chi phí vật liệu văn phòng	1.860.375	84.700.896
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	207.147.198	867.654.774
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.311.981.703	687.975.904
Thuế và các khoản lệ phí	6.000.001	6.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	883.484.228	2.937.885.988
Chi phí khác bằng tiền	23.787.223.436	14.284.813.288
Cộng	52.657.591.766	47.495.849.385

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của năm hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong năm khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ năm trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và lãi theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động:

Chỉ tiêu	Năm 2025 (VND)	Năm 2024 (VND)
Lãi kế toán trước thuế	344.026.748.235	220.685.259.006
Các khoản điều chỉnh	(23.739.659.276)	7.443.108.183
Chi phí không được trừ	3.870.339.845	5.402.398.655
Giảm trừ tài sản thuế TNDN hoãn lại năm trước (i)	(9.763.311.817)	(7.108.928.286)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(3.742.098.300)	(6.634.699.600)
Hoàn nhập lãi chênh lệch từ nghiệp vụ đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL (ii)	37.445.976.000	898.121.048
(Chênh lệch) Lãi từ nghiệp vụ đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	(51.550.565.004)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	320.287.088.959	213.242.150.823
Thu nhập tính thuế trong năm	320.287.088.959	213.242.150.823
Thuế suất (%)	20%	20%
Thuế TNDN ước tính trong năm	64.057.417.792	42.648.430.165
Chi phí thuế TNDN điều chỉnh bổ sung	506.000	-
CP thuế TNDN hiện hành ước tính	64.057.923.792	42.648.430.165
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	22.264.982.125	13.545.076.967
Thuế TNDN đã trả trong năm	(42.265.488.125)	(33.928.525.007)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	44.057.417.792	22.264.982.125

(i) Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của khoản dự phòng phải thu cho vay và lãi vay là khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết khoản dự phòng như tại Thuyết minh 4.3.3 “Các khoản cho vay”.

(i) Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của khoản dự phòng phải thu cho vay và lãi vay là khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết khoản dự phòng như tại Thuyết minh 4.3.3 “Các khoản cho vay”.

6.9 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Báo cáo tình hình tài chính		Báo cáo kết quả hoạt động	
	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại – Số dư cuối năm	-	-		
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%		
Số dư đầu năm	-	3.472.638.633		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thu nhập thuế TNDN hoãn lại hoàn nhập trong năm liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ – Chênh lệch từ nghiệp vụ trích lập dự phòng phải thu cho vay và lãi vay	(1.952.662.363)	(1.421.785.657)	1.952.662.363	1.421.785.657
Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả và thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	1.952.662.363	(2.050.852.976)		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả – Số dư cuối năm	7.123.293.388	2.349.713.224		
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%		
Số dư đầu năm	2.349.713.224	4.605.375.332		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chưa chịu thuế – Chênh lệch từ nghiệp vụ đánh giá lại TSTC FVTPL	10.310.113.001	4.425.751.122	10.310.113.001	4.425.751.122
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả và chi phí thuế TNDN hoàn nhập trong năm từ các khoản chênh lệch tạm thời chưa chịu thuế – Hoàn nhập chênh lệch từ nghiệp vụ đánh giá lại TSTC FVTPL đã ghi nhận vào doanh thu năm trước	(7.489.195.200)	(4.630.560.254)	(7.489.195.200)	(4.630.560.254)
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.952.662.363	(2.050.852.976)		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			4.773.580.164	1.216.976.525



7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Nguyễn Đức Anh	Cổ đông lớn
Công ty CP Đầu tư NTP	Cổ đông lớn
Ông Lê Ngọc Đức	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP	“Công ty có liên quan của người nội bộ (ông Bạch Quốc Vinh)”
Công ty Cổ phần Thành Công Motor Việt Nam	“Công ty có liên quan của người nội bộ (ông Nguyễn Đức Anh)”
“Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty”	

Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Cung cấp dịch vụ, trả phí tư vấn & mua tài sản	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Công ty CP Đầu tư NTP	-	1.525.000.000
Trả phí tư vấn đầu tư	-	1.525.000.000
Công ty Cổ phần Thành Công Motor Việt Nam	-	408.971.017
Mua tài sản	-	408.971.017
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	806.000.000	-
Phí tư vấn đầu tư đã cung cấp	806.000.000	-
Cộng	806.000.000	1.933.971.017

Góp vốn

Trong năm, Công ty thực hiện tăng vốn theo phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (tỷ lệ 17%) và phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ thực hiện quyền 17,251827503%). Chi tiết xem tại Thuyết minh 4.16 “Vốn chủ sở hữu”. Trong đó, chi tiết của các cổ đông lớn của Công ty như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Nguyễn Đức Anh (i)	124.099.660.000	714.999.000.000
Công ty CP Đầu tư NTP (i)	119.000.000.000	-
Ông Lê Ngọc Đức (ii)	323.501.770.000	-

(i) Tăng vốn theo phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức trong năm 2025.

(ii) Tăng vốn theo phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Ông Lê Ngọc Đức đã mua cổ phiếu phát hành thêm của đợt chào bán thông qua việc nhận chuyển nhượng quyền mua của các cổ đông khác.

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị	2.853.333.333	3.810.500.000
Ông Nguyễn Đức Anh	1.976.000.000	1.488.000.000
Ông Vũ Nhật Lâm (miễn nhiệm ngày 04/4/2025)	317.333.333	1.675.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	280.000.000	327.500.000
Ông Bạch Quốc Vinh	280.000.000	320.000.000
Thu nhập của Ban Kiểm soát	140.000.000	160.000.000
Bà Nguyễn Thị Hiền Ngọc	140.000.000	160.000.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	2.800.000.000	3.200.000.000
Ông Bạch Quốc Vinh	2.800.000.000	3.200.000.000
Cộng	5.793.333.333	7.170.500.000

7.2 Thông tin báo cáo bộ phận

Thông tin báo cáo booh phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động tự doanh VND	Hoạt động môi giới VND	Hoạt động lưu ký chứng khoán VND	Hoạt động khác (i) VND	Tổng cộng VND
Năm 2025					
1. Doanh thu	263.177.087.823	113.782.816.122	253.428.970.873	64.618.061.719	695.006.936.537
2. Các chi phí trực tiếp	27.723.602.797	117.488.542.050	-	5.998.173.100	151.210.317.947
3. Khấu hao và các chi phí không phân bổ	-	-	-	-	203.819.784.730
4. Thu nhập khác không phân bổ	-	-	-	-	4.049.914.375
Lợi nhuận trước thuế	235.453.485.026	(3.705.725.928)	253.428.970.873	58.619.888.619	344.026.748.235
Số dư tại ngày 31/12/2025					
1. Tài sản bộ phận	3.319.362.371.700	12.223.595.794	2.888.922.642.727	478.731.326.894	6.699.239.937.115
2. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	360.717.905.470
Tổng tài sản	3.319.362.371.700	12.223.595.794	2.888.922.642.727	478.731.326.894	7.059.957.842.585
Nợ phải trả tại ngày 31/12/2025					
1. Nợ phải trả của bộ phận	-	14.602.012.389	-	-	14.602.012.389
2. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	4.018.497.347.507
Tổng nợ phải trả	-	14.602.012.389	-	-	4.033.099.359.896
Năm 2024					
1. Doanh thu	179.126.840.914	103.975.163.406	197.292.446.866	22.714.783.728	503.109.234.914
2. Các chi phí trực tiếp	34.782.555.522	121.230.854.531	-	9.474.346.605	165.487.756.658
3. Khấu hao và các chi phí không phân bổ	-	-	-	-	119.494.462.814
4. Thu nhập khác không phân bổ	-	-	-	-	2.558.243.564
Lợi nhuận trước thuế	144.344.285.392	(17.255.691.125)	197.292.446.866	13.240.437.123	220.685.259.006
Số dư tại ngày 31/12/2025					
1. Tài sản bộ phận	2.779.791.689.000	9.771.805.023	2.183.452.964.000	308.427.387.050	5.281.443.845.073
2. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	510.846.277.757
Tổng tài sản	2.779.791.689.000	(17.255.691.125)	197.292.446.866	13.240.437.123	220.685.259.006
Nợ phải trả tại ngày 01/01/2025					
1. Nợ phải trả của bộ phận	-	2.617.828.228	-	-	2.617.828.228
2. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	3.388.058.364.651
Tổng nợ phải trả	-	2.617.828.228	-	-	3.390.676.192.879

7.3 Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025
Từ 01 năm trở xuống	4.526.118.067	9.475.754.741
Trên 01 năm đến 05 năm	764.526.333	6.840.755.315
Cộng	5.290.644.400	16.316.510.056

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

Tại ngày kết thúc năm ài chính, Công ty có các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

Địa điểm thuê hoạt động	Giá thuê chưa VAT (VND/tháng)	Thời hạn thuê
Tòa nhà Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội		
* Tầng 1	158.945.455	01/01/2026 - 31/3/2027
* Tầng 2	134.673.000	01/4/2021 - 31/3/2026
Tòa nhà HEAC số 14-16 phố Hàm Long, Hoàn Kiếm, Hà Nội		
* Tầng 1	15.151.531	01/7/2022 - 14/5/2027
Tòa nhà số 14 Nguyễn Văn Trỗi, Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh		
* Tầng 1, 2, 3, 4	265.653.180	01/01/2026 - 30/6/2026
Tầng 3 nhà B, Tòa nhà số 130 Điện Biên Phủ, Thanh Khê, Đà Nẵng	36.584.680	01/6/2024 - 30/6/2027

7.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 26/01/2026, ông Nguyễn Đức Anh – Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người đại diện theo pháp luật kiêm cổ đông lớn của Công ty (sở hữu 31,06% cổ phần) đã bán 20.049.720 cổ phiếu (trên tổng số 21.302.828 cổ phiếu đăng ký giao dịch) theo phương thức khớp lệnh thỏa thuận. Sau khi hoàn tất thực hiện giao dịch, ông Nguyễn Đức Anh còn nắm giữ 65.360.046 cổ phiếu tương đương tỷ lệ 23,77%. Cùng ngày này, bà Nguyễn Thị Thu Hà – Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty (sở hữu 2,58% cổ phần) đã bán 4.055.026 cổ phiếu (trên tổng số 4.308.466 cổ phiếu đăng ký giao dịch) theo phương thức khớp lệnh thỏa thuận. Sau khi hoàn tất thực hiện giao dịch, bà Nguyễn Thị Thu Hà còn nắm giữ 3.034.940 cổ phiếu tương đương tỷ lệ 1,1%.

Ngày 28/01/2026, Hội đồng Quản trị thông qua Nghị quyết 02/2026/NQ-HĐQT/DSC về triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty (“ESOP”) sửa đổi và Nghị quyết 03/2026/NQ-HĐQT/DSC thông qua quy chế phát hành cổ phiếu và sửa đổi danh sách cán bộ nhân viên được tham gia chương trình trên. Cụ thể theo Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐQT/DSC, số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành là 5.000.000 cổ phiếu, tương ứng với tổng giá trị dự kiến phát hành là 50.000.000.000 VND, nhằm mục đích thu hút người lao động, tạo động lực cho người lao động và khuyến khích nâng cao vai trò, gắn kết trách nhiệm của cán bộ chủ chốt, đồng thời bổ sung vốn cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ. Theo Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐQT/DSC, tổng số lượng cổ phiếu cán bộ nhân viên được phân bổ theo chương trình ESOP là 4.403.650 cổ phiếu. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty vẫn đang tiến hành các thủ tục để thực hiện việc tăng vốn điều lệ như phương án nêu trên theo quy định của pháp luật.

Ngoài các sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

7.5 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam. Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của năm trước được phân loại và trình bày lại để phù hợp với việc trình bày Báo cáo tài chính của năm nay.

Trình bày lại một số chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Số liệu trước điều chỉnh (VND)	Điều chỉnh (VND)	Số liệu sau điều chỉnh (VND)
1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	863	(16)	847
2	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	863	(16)	847

Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC

Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (024) 3880 3456 **Email:** info@dsc.com.vn **Website:** www.dsc.com.vn